



TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2021
Ho Chi Minh City, August 13, 2021

Số/Ref. 1224/2021/CV-SSIHO
V/v: Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu,
Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm
Re: *Announcement on public offering,
the Prospectus and its appendices*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

**DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
Organization name:	SSI SECURITIES CORPORATION
Mã chứng khoán:	SSI
Securities Symbol:	SSI
Địa chỉ trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Address:	72 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC
Điện thoại/Telephone:	028-38242897
Fax:	028-38242997
Người thực hiện công bố thông tin:	Nguyễn Hồng Nam
Spokesman:	Nguyen Hong Nam
Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Position:	Chief Executive Officer

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Information disclosure type 24 hours irregular on demand periodic

Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure:*

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 130/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/8/2021;
Certificate on public offering registration No. 130/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission dated August 06, 2021
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
The Prospectus on public offering
- Các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch gồm có:
The Prospectus's appendices includes



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán;
Business Registration Certificate, License on securities business operation
- Công văn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
Official Letter on foreign ownership ratio
- Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và Tờ trình;
Resolution, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders on approval of the Plan on public offering and attached Submissions
- Báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu
Audited Statements on owner equity
- Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua chi tiết phương án chào bán, hồ sơ chào bán;
Resolution of the Board of Directors on approval of the detail plan on public offering and its dossiers
- Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua nguồn vốn phát hành;
Resolution of the Board of Directors on approval of the capital resource for public offering
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
Charter of SSI Securities Corporation
- Văn bản cam kết niêm yết;
Confirmation letter on qualified listing requirements
- Xác nhận tài khoản phong tỏa của Ngân hàng;
Bank's Confirmation on blockade account
- Các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 1, quý 2 năm 2021 (tham khảo thông tin đã công bố theo link: <https://www.ssi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh>)
Audited Consolidated and Separated Financial Statements in 2019, 2020 and Consolidated and Separated Financial Statements in the 1st and 2nd Quarter of 2021 (please refer to the public link: <https://www.ssi.com.vn/en/investor-relation/financial-report>)

Tài liệu công bố thông tin được đăng tải trên website tại đường dẫn sau:

Information disclosure documents have been posted and now are available to download on the company website at:

http://www.ssi.com.vn/upload/files/IR/InformationDisclosure/SSI_CBTT_GCNCBCB_vatailieudinhkem_Full.pdf

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/08/2021 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.

This information was posted on SSI website on August 13, 2021 at this link www.ssi.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Representative authorized to disclose information



Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc
Chief Executive Officer

Số: 130/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

- Tên tiếng Anh: SSI SECURITIES CORPORATION;
- Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;
- Vốn điều lệ: 6.573.051.040.000 đồng (Sáu nghìn năm trăm bảy mươi ba tỷ không trăm năm mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán SSI được phép chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng: 328.652.552 cổ phiếu (Ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm năm mươi hai cổ phiếu).

Trong đó:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 109.550.851 cổ phiếu (Một trăm linh chín triệu năm trăm năm mươi nghìn tám trăm năm mươi một cổ phiếu)
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 219.101.701 cổ phiếu (Hai trăm mười chín triệu một trăm linh một nghìn bảy trăm linh một cổ phiếu)

4. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 3.286.525.520.000 đồng (Ba nghìn hai trăm tám mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)

5. Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu.

6. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực.

7. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch.

Điều 3. Công ty cổ phần chứng khoán SSI phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. / c

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/12/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/05/2007)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 130/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... 06 tháng... 8 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Trang Web: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Nguyễn Hồng Nam

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2997



MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1.	Tổ chức phát hành	7
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1.	Rủi ro về kinh tế.....	8
2.	Rủi ro về luật pháp và pháp lý	10
3.	Rủi ro đặc thù ngành	11
4.	Rủi ro về đợt chào bán	13
5.	Rủi ro pha loãng	14
6.	Rủi ro quản trị Công ty	15
7.	Rủi ro khác.....	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	17
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	19
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	20
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	24
6.	Quá trình tăng vốn điều lệ	26
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty năm 2020	29
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	29
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	29
10.	Hoạt động kinh doanh	29
11.	Chính sách đối với người lao động	41
12.	Chính sách cổ tức	43
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	44
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	44



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	44
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	44
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	45
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	45
2.	Tình hình tài chính.....	48
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	55
4.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	56
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP, CỔ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	58
1.	Thông tin về cổ đồng sáng lập.....	58
2.	Thông tin về cổ đồng lớn.....	58
3.	Chú thích về cổ đồng lớn.....	58
4.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	60
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	70
1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	70
2.	Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.....	70
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 328.652.552 cổ phiếu, bao gồm.....	70
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:.....	70
5.	Giá chào bán dự kiến:.....	70
6.	Phương pháp tính giá:.....	70
7.	Phương thức phân phối:.....	70
8.	Đăng ký mua cổ phiếu:.....	72
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:.....	73
10.	Phương thức thực hiện quyền.....	74
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:.....	74
12.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	75
13.	Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	75



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

14.	Các loại thuế liên quan:.....	75
15.	Thông tin về các cam kết:.....	76
16.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:.....	76
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	77
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	78
X.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	79
1.	Các đối tác liên quan tới đợt chào bán ra công chúng:.....	79
PHỤ LỤC	80
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)	81



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2020	8
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2020.....	9
Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ	10
Hình 4: Lãi suất trên thị trường kỳ hạn 13 tháng	10
Hình 5: Cơ cấu tổ chức Công ty	19
Hình 6: Sơ đồ bộ máy quản lý	20
Hình 7: 10 công ty chứng khoán hàng đầu chiếm 64,5% thị phần môi giới tại HOSE (2020).....	46
Hình 8: Thống kê giao dịch 2019-2020	47
Hình 9: Giá trị giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong nước theo % của Tổng thị trường 2016 - 2020	47

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty	21
Bảng 2: Danh sách Ban Tổng Giám đốc	21
Bảng 3: Danh sách Ủy ban Kiểm toán	21
Bảng 4: Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban	22
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông ngày 16/6/2021	29
Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	31
Bảng 7: Tình hình Tài sản cố định hợp nhất của Công ty	34
Bảng 8: Tình hình Tài sản cố định Công ty mẹ	34
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của SSI	35
Bảng 10: Cơ cấu nhân sự Công ty	42
Bảng 11: Tỷ lệ cổ tức thực chi trả qua các năm	44
Bảng 12: Tình hình sử dụng vốn từ các đợt chào bán gần nhất	44
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ	45
Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty	45
Bảng 15: Tình hình vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty mẹ	48
Bảng 16: Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty	49
Bảng 17: Mức lương bình quân	49
Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty mẹ	50
Bảng 19: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty	50
Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty mẹ	51
Bảng 21: Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty	51
Bảng 22: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước của Công ty mẹ	52
Bảng 23: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước Hợp nhất của Công ty	53
Bảng 24: Số dư các Quỹ của Công ty mẹ tại từng thời điểm	53
Bảng 25: Số dư hợp nhất các Quỹ của Công ty tại từng thời điểm	53
Bảng 26: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ	53



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Bảng 27: Tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty	54
Bảng 28: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất	54
Bảng 29: Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ	55
Bảng 30: Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021	56
Bảng 31: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Công ty	58
Bảng 32: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	59
Bảng 33: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	60



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI (SSI)

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Minh Thúy	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.



II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Năm 2020, sự lây lan rộng rãi của Đại dịch Covid-19 kèm theo những bất ổn kinh tế đã mang đến nhiều thách thức với mỗi quốc gia, doanh nghiệp, gây gián đoạn trong kinh doanh và tiêu dùng trên toàn thế giới. Đây cũng là một năm Thị trường Chứng khoán Việt Nam chứng kiến nhiều biến động, đối diện với những rủi ro do gián đoạn hoạt động kinh tế, cũng như rủi ro tin dụng do thị trường giảm mạnh và thanh khoản thấp.

Tuy nhiên, SSI với tầm nhìn của công ty chứng khoán hàng đầu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, SSI đã có những biện pháp kịp thời để giảm thiểu ảnh hưởng của Covid-19 đến hoạt động của Công ty. Năm 2020 tiếp tục là một năm SSI chứng kiến sự tăng trưởng mạnh, với các rủi ro tiếp tục được hạn chế ở mức thấp nhất và luôn nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Tuy nhiên, do đặc thù lĩnh vực và phạm vi hoạt động, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất, ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế, đặc biệt là với ngành dịch vụ Tài chính.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, tuy nhiên vẫn chưa đựng những rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ chi phối hoạt động buôn bán trái phiếu, cổ phiếu, cho vay kỳ quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh trên thị trường; từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SSI.

Cụ thể, do chịu tác động đáng kể của đại dịch Covid-19, GDP Việt Nam tăng 2,91% - mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm qua. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong những nước có mức tăng trưởng GDP cao nhất thế giới nhờ vào những nỗ lực của Chính phủ trong thực hiện phòng chống dịch bệnh và ổn định kinh tế xã hội. Dự kiến GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình 7% trong giai đoạn 2021-2025 và vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào năm 2035. Đồng nghĩa với việc tăng trưởng GDP mạnh mẽ, là sự phát triển mạnh mẽ của Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Mặc dù Covid-19 làm đình trệ nền kinh tế giới, xuất khẩu Việt Nam trong năm 2020 tăng 6,9% so với năm trước một phần nhờ vào ảnh hưởng của chiến tranh thương mại. Thặng dư thương mại đạt 20 tỷ đô Mỹ. Xuất khẩu dự tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2021.

Tuy nhiên, đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI năm 2020 giảm 24% so với năm trước do ảnh hưởng dịch bệnh. Đây cũng là một rủi ro cho công ty chứng khoán cung cấp đầy đủ các dịch vụ (full-service broker) như SSI có hoạt động kinh doanh mật thiết với Nhà đầu tư Tổ chức Quốc tế.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chịu nhiều biến động từ Covid 19 và vaccine Covid chưa được triển khai rộng rãi tại Việt Nam, để giảm thiểu rủi ro kinh tế, SSI đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro chuyên sâu, thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, cũng cố nội lực tài chính, đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, đối tác, định chế tài chính và tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê



1.2 Lạm phát

Từ giai đoạn 2011-2016, NHNN Việt Nam tiến hành điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 2,79% cho năm 2019 - dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua. Đến năm 2020, chỉ số CPI bình quân tăng 3,2% so với bình quân năm 2019.

Trong năm 2021, tỷ lệ lạm phát được dự đoán sẽ tăng ở mức từ 3,2% đến 3,8%, mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

Rủi ro lạm phát sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, hoạt động huy động vốn, gây biến động giá trên thị trường và làm ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của SSI.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.3 Tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá hối đoái trên thị trường có thể tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty, do SSI có các khoản vay bằng ngoại tệ. Để khắc phục rủi ro này, các khoản vay ngoại tệ của SSI đều thực hiện phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng mua ngoại tệ kỳ hạn. Tuy nhiên, biến động tỷ giá ngoại tệ làm tăng áp lực nợ nước ngoài, gây ảnh hưởng lớn đến nhà đầu tư nước ngoài (chiếm 15% tổng giá trị đầu tư trên thị trường), trong đó bao gồm cả những khách hàng, đối tác chiến lược của SSI. Từ đó, cũng ảnh hưởng gián tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ở khía cạnh khác, khi tỷ giá không ổn định và chứa nhiều rủi ro, luồng vốn đổ vào thị trường ngoại hối sẽ chuyển dịch sang TTCK. Điều này ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường vốn, trong đó có SSI.

Hiện tại, chính sách điều hành tỷ giá được NHNN điều hành theo hướng linh hoạt nhằm mở rộng thương mại và đầu tư quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động ký kết các hiệp định thương mại tự do. Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như:

- (i) Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ;
- (ii) Nguồn cung ngoại tệ tương đối nhiều do thặng dư thương mại, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan trong những năm gần đây;
- (iii) Chính sách tăng cường dự trữ ngoại tệ của NHNN Việt Nam.

Trong năm 2021, NHNN tiếp tục duy trì sự ổn định của tỷ giá để tạo lập khuôn khổ vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế bền vững sau dịch. Đây là tín hiệu tốt với SSI.



Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ



Nguồn: Bloomberg

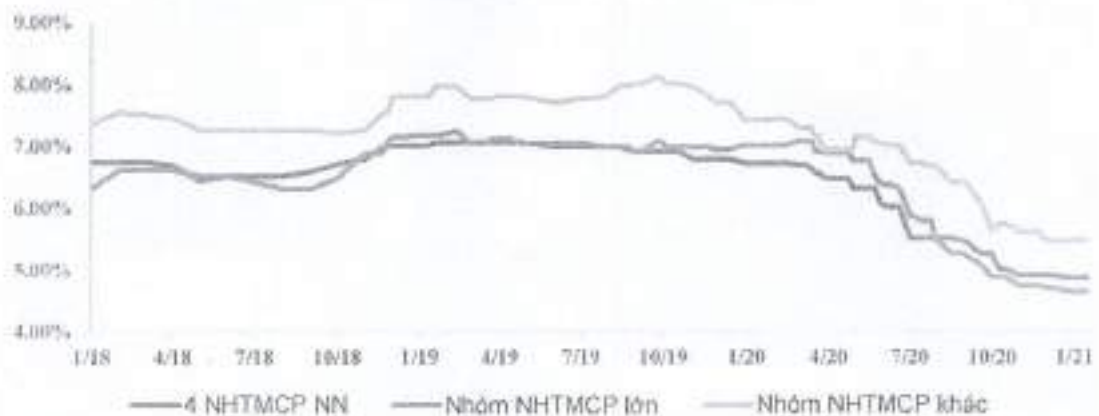
1.4 Lãi suất

Năm 2020, NHNN đã cắt giảm lãi suất điều hành 2 lần, với tổng mức giảm 1,0% - 1,5%/năm nhằm hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các Tổ chức Tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN. Lãi suất cho vay USD cũng được duy trì ở mức từ 3 - 5%/năm để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân.

Biến động lãi suất trên thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của SSI.

Trong bối cảnh thanh khoản TTCK đạt mức kỷ lục kèm theo dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ tăng trưởng mạnh, là một công ty chứng khoán cung cấp đầy đủ các dịch vụ, SSI có lưu lượng dòng tiền ra vào tăng đột biến do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng cũng như giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên. Điều này đồng nghĩa với việc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính của SSI phải đối mặt, ứng phó với rủi ro về lãi suất, nhằm tối ưu hóa nguồn vốn và lợi nhuận.

Hình 4: Lãi suất trên thị trường kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: SSI tổng hợp

2. Rủi ro về luật pháp và pháp lý

Những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các văn bản liên quan đến Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, tiền tệ, thị trường vốn và các loại thuế của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các công ty chứng khoán, bao gồm SSI.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Bên cạnh đó, các rủi ro pháp lý mà SSI có thể gặp là liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để hạn chế những rủi ro pháp luật, cũng như pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro như sau: Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan; xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu pháp luật; cập nhật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp; cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận. Chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Luật Chứng khoán mới đã được ban hành năm 2019 và có hiệu lực từ 01/01/2021, đồng thời, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn trong lĩnh vực chứng khoán cũng đã dần được ban hành. Các quy định mới này cần được cập nhật kịp thời, được hiểu đúng đắn và triển khai nhanh chóng ngay khi có hiệu lực. Trong năm 2020, toàn thể nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra, nên Công ty không phát sinh các trường hợp vi phạm các rủi ro pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1 Rủi ro về thị trường

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan trực tiếp cũng như gián tiếp đến rủi ro thị trường bao gồm: đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay kỳ quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ các hoạt động này có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất và giá cổ phiếu do tình hình kinh tế chính trị, những thay đổi về pháp lý, chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của nhà nước hoặc của các nước liên quan hoặc có thể do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát khác như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên.

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán. Trong năm 2020, SSI đã tận dụng các cơ hội của thị trường để thoái vốn các khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng, cũng như đầu tư vào những công ty thuộc những ngành cơ bản, thiết yếu có tiềm năng phát triển ổn định.

Đối với hoạt động cho vay kỳ quỹ, nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động thị trường, hay biến động giá cổ phiếu, Công ty thực hiện các đánh giá định kỳ tình hình kinh tế vĩ mô: rủi ro hệ thống của thị trường, các thay đổi trong pháp lý, chính sách của Chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành, các vấn đề chính trị, kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh; có thể ảnh hưởng tới thị trường nói chung hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể nói riêng, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ.

Đối với dịch vụ chứng khoán phái sinh, SSI đã theo sát mọi diễn biến và có những điều chỉnh cần thiết, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh từ rủi ro thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh. Năm 2020, dù thị trường gặp nhiều biến động do Covid-19, không có trường hợp giao dịch chứng khoán phái sinh bị mất khả năng thanh toán do biến động thị trường gây rủi ro tín dụng cho Công ty.

Đối với dịch vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm, SSI phối hợp giữa tạo lập thị trường với phòng ngừa rủi ro, để đảm bảo Nhà đầu tư có thể mua bán một cách dễ dàng các chứng quyền phát hành bởi SSI và đồng thời quản trị các rủi ro thị trường đến từ biến động của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, SSI thực hiện những phân tích, đánh giá và tối ưu hóa chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với từng cổ phiếu cụ thể. Năm 2020, SSI tiếp tục duy trì vị thế số 1 thị trường về giá trị phát hành với 38 chứng quyền có bảo đảm phát hành mới, trong đó 28 mã chứng quyền đã hoàn thành việc đảo hạn trong cùng năm. Xét trên phương diện thanh khoản thị trường chứng quyền, SSI luôn nằm trong top các nhà phát hành có chứng quyền được Nhà đầu tư lựa chọn giao dịch nhiều nhất.

3.2 Rủi ro về hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới

Là những rủi ro, sai sót xảy ra trong quá trình đặt lệnh, giao dịch với khách hàng, đối tác cũng như những rủi ro về đạo đức nghề nghiệp, gian lận của nhân viên hay rủi ro liên quan đến sự không ổn định của hạ tầng công nghệ thông tin mà SSI phải bồi thường thiệt hại.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động này, SSI xây dựng hệ thống kiểm soát độc lập bao gồm quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ; tăng cường đưa công nghệ hoá vào quản trị hoạt động để giảm thiểu sai sót; và tuyển chọn vào đào tạo nâng cao trình độ nhân sự.



3.3 Rủi ro về hoạt động cung cấp tư vấn đầu tư

Đây là rủi ro liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn, phát sinh từ trình độ chuyên môn, yếu tố chuyên nghiệp và đạo đức của đội ngũ nhân sự. Để hạn chế rủi ro, SSI tập trung xây dựng nguồn lực nghiên cứu, với nhân sự chuyên môn cao được đào tạo trong ngoài nước, nâng cao tính kỹ luật nghiêm ngặt trong đạo đức nghề nghiệp, ký hợp đồng với những đối tác giải pháp chuyên nghiệp giảm thiểu rủi ro thông tin sai lệch và thiếu tính thực tế.

3.4 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của SSI phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ; khách hàng giao dịch phải sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị kỳ quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời; và đầu tư vào các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các Tổ chức Tài chính dựa trên việc đánh giá định kỳ xếp hạng tín nhiệm của Tổ chức Tài chính. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Tổ chức Tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng song song với hoạt động tiền gửi, nhằm vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 20 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng rất cao tại SSI.

Cho vay giao dịch kỳ quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCKNN chấp nhận cho vay giao dịch kỳ quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau: Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu. Giám sát, đánh giá mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu. Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ. Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay kỳ quỹ.

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư.

3.5 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn; không đáp ứng được nhu cầu thanh toán liên mua chứng khoán của Nhà đầu tư sử dụng vốn vay kỳ quỹ (margin); và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các Nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng, lên tới trên 195 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở vào năm 2020, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho Nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục Ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi Nhà đầu tư bình quân hơn 2.994 tỷ VND trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2020, dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ đã có sự bùng nổ vào giai đoạn cuối năm. Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay kỳ quỹ) và sử dụng hiệu quả dòng tiền trả nợ vay kỳ quỹ. SSI cũng là đơn vị đầu tư lớn nhất thị trường chứng khoán, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý để không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi có cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2020 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 292% đến 331%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

3.6 Rủi ro hệ thống và an toàn thông tin

Trong thời gian đại dịch Covid-19 chưa được kiểm soát, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho làm việc tại nhà đã trở thành một yêu cầu thiết yếu đối với các tổ chức nơi chung và SSI nói riêng. Với hạ tầng sẵn có ban đầu, Công ty đã nhanh chóng mở rộng để đáp ứng được nhu cầu cầu truy cập từ xa cũng như giám sát an ninh thông tin cho toàn bộ trên 900 cán bộ, nhân viên. Các hệ thống và dữ liệu phục vụ công việc hàng ngày được sử dụng thông qua ứng dụng web và công nghệ điện toán đám mây.

Trong năm 2020, SSI đã đầu tư nâng cấp hệ thống tường lửa cũng như xây dựng các kịch bản để phòng chống tấn công DDoS. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành điều chỉnh chính sách truy cập internet cũng như chuẩn bị hạ tầng công nghệ bảo mật để giám sát và thực thi chính sách này. Bên cạnh đó, Công ty triển khai tri thức an ninh mạng (Threat Intelligence) và chủ động săn tìm các mối đe dọa (Threat Hunting), để có thể chủ động ngăn chặn sớm các mối đe dọa mới nhất ảnh hưởng đến hoạt động của SSI. Song song với đó là việc tiếp tục cập nhật các chính sách về bảo mật cũng như công tác đào tạo thông qua truyền thống nội bộ để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo mật thông tin trong tổ chức.

3.7 Rủi ro nguồn nhân lực

Hiện nay, thị trường nguồn nhân lực cung chưa đủ đáp ứng cầu, các công ty liên tục phải tuyển nhân viên từ đối thủ hoạt động cùng ngành, và bổ sung nhiều nhân sự mới phục vụ những mảng hoạt động kinh doanh mới; việc cạnh tranh về mặt lương thưởng tăng cao, tỷ lệ nghỉ việc, nhảy việc cao là một điều khó tránh khỏi.

Đứng trước những thách thức trong việc duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. Đối với SSI, tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng. SSI đề cao khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Bộ phận Nhân sự cũng thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số Đo lường Hiệu quả Công việc (KPIs), Cam kết Chất lượng Dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động liên quan tới từng nghiệp vụ: tuyển dụng, đào tạo, điều chuyển, bổ nhiệm. Bên cạnh đó, kênh Truyền thông Nội bộ được duy trì để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, cùng có văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI. Bằng cách quản trị nhân sự bằng hệ thống và phương thức đào tạo nhân sự chéo, SSI có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Mục tiêu của đợt chào bán cổ phiếu này của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI là bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch kỳ quỹ.

Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến thị trường chứng khoán. Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định tiếp tục chào bán phần còn lại (bao gồm số cổ phần phát sinh do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần được chào bán hoặc quyết định không phân phối tiếp phần còn lại và kết thúc đợt chào bán.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch kỳ quỹ. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu này dự kiến sử dụng bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ. Trong thời gian chưa sử dụng cho vay giao dịch kỳ quỹ, nguồn tiền sẽ được sử dụng để đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Thị trường chứng khoán Việt Nam hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai, vậy nên phương án sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI được đánh giá là phù hợp với xu thế thị trường cũng như định hướng phát triển của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn từ đợt chào bán cổ khả năng xảy ra khi hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt hiệu quả như mong đợi do biến động không lường trước được của tình hình kinh tế trong nước cũng như ngoài nước.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty chú trọng lượng hóa các rủi ro có khả năng xảy ra, cũng như nghiên cứu hiệu quả đầu tư nguồn vốn vào các hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao tính chính xác của quyết định đầu tư.

5. Rủi ro pha loãng

Lượng cổ phần chào bán đợt này sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành dự kiến của Công ty tăng lên 50% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại (trong đó 20% chào bán cho cổ đông hiện hữu và 30% phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu). Điều này dẫn đến việc cổ phiếu của Công ty bị pha loãng như sau:

5.1 Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Giá cổ phần SSI sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phần ra công chúng. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{L-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

- Trong đó:

P: là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng

P_{L-1}: là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng

I_R: tỷ lệ vốn tăng

P_R: là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới

- Tham khảo:

P_{L-1}: Giá sử; giá cổ phiếu SSI trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 40.000 đồng/cổ phiếu

P_R: Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phiếu

I: tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 6:3 hoặc 50% (với tỷ lệ vốn tăng khi chào bán là 6:1 và tỷ lệ vốn tăng khi phát hành là 6:2)

P: Giá tham chiếu cổ phiếu SSI trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{L-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I} = \frac{40.000 + [(1/6) \times 10.000]}{1 + 50\%} = 27.778 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2 Rủi ro pha loãng EPS

EPS = Lợi nhuận sau thuế/ Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân

EPS năm 2020 theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của Công ty là 1.955 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành, chỉ số EPS có thể bị pha loãng do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

5.3 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách (BV)

BV = Nguồn VCSH thuộc về cổ đông/(Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ)

Tại thời điểm 31/12/2020, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 16.469 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành, chỉ số BV có thể bị pha loãng.

5.4 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải không bao giờ cũng xảy ra và mức độ rủi ro phụ thuộc vào tình hình thị trường cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp cũng như gián tiếp đến lợi ích của nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của Công ty, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề nêu trên.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính: (i) Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý Công ty, thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định luật pháp về Quản trị Công ty, và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đối mặt với một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn, biến động chính trị, xã hội ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản và con người Công ty, đồng thời cũng gây bất ổn định thị trường tiềm năng và làm sụt giảm lợi nhuận của Công ty.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	: Báo cáo Tài chính
BKS	: Ban kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CMND	: Chứng minh nhân dân
Công ty/SSI	: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
CP	: Cổ phần
DTT	: Doanh thu thuần
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
ROA	: Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân
ROE	: Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
Thuế VAT	: Thuế Giá trị gia tăng
TGD	: Tổng Giám đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	Tài sản cố định
TTCK	: Thị trường chứng khoán
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban Nhân dân
VCSH	: Vốn Chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ
VND	: Việt Nam đồng
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTS	: Tổng tài sản



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
- Tên bằng tiếng nước ngoài: SSI Securities Corporation
- Tên viết tắt: SSI
- Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997
- Trang Web: www.ssi.com.vn
- Mã số thuế: 0301955155
- Vốn điều lệ (22/6/2021): 6.573.051.040.000 đồng (Sáu nghìn năm trăm bảy mươi ba tỷ không trăm năm mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)
- GCNDKDN: Số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/12/1999; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 2/5/2007
- Giấy phép HKKD: Số 03/GPHKKD ngày 05/4/2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp được sửa đổi, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 22/8/2021
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu niêm yết: SSI (niêm yết tại HOSE)
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
1	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh	6612 (chính)
2	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: tư vấn đầu tư chứng khoán; tư doanh chứng khoán; tư doanh chứng khoán phái sinh; báo lãnh phát hành chứng khoán; hoạt động lưu ký; thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán; dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và khách hàng	6619

Nguồn: SSI

1.2 Các thành tích đạt được

Là một trong những Công ty đầu tiên và hoạt động lâu đời nhất tại TTCK Việt Nam, trải qua 20 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường với thị phần 12% và tốc độ phát triển vượt bậc với mức vốn điều lệ tăng hơn 1000 lần. Đến ngày 31/12/2020, VDL của SSI đạt 6.029.456.130.000 đồng, TTS đạt gần 35,77 nghìn tỷ đồng với VSH đạt 7,9 nghìn tỷ đồng. Công ty đang sở hữu mạng lưới hơn 195.000 khách hàng (chiếm 7% tổng số nhà đầu tư mở tài khoản tại các công ty chứng khoán trên thị trường, và tỷ lệ active lớn hơn 15%) trải dài trên khắp 13 chi nhánh, phòng giao dịch toàn quốc. Trong hơn 20 năm hoạt động, SSI đã gây dựng quan hệ mật thiết với mạng lưới khách hàng, nhà đầu tư và đối tác danh tiếng như Morgan Stanley, HSBC, Credit Suisse, BIDV, City group, Standard Chartered, BNP Paribas, ANZ, Prudential VN, Deutsche Bank, Vinhomes, HDBank, Home Credit, TP Bank, VIB... Công ty cũng là đơn vị thực hiện các thương vụ IPO và M&A kỷ lục trong lịch sử: HDB (280 triệu USD), VRE (700 triệu USD), VHM (1,6 tỷ USD).

Trong năm 2020, SSI vinh dự đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới do Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng. Đây là giải thưởng cao quý nhất của Nhà nước đối với Doanh nghiệp và SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này. Ngoài ra, cũng trong



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

năm 2020, SSI đạt tổng cộng 31 hạng mục giải thưởng, gồm 6 hạng mục giải thưởng chung cho dịch vụ môi giới và 25 hạng mục giải thưởng cho nhiều cá nhân trong 2 nhóm về phân tích và bán hàng. Đáng chú ý, hai hạng mục mới của giải thưởng năm nay là “Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam” và “Chuyên gia phân tích, nhà bình luận tốt nhất Việt Nam do khách hàng cá nhân bình chọn” đều thuộc về SSI.

Cụ thể, giải thưởng khác do Tạp chí Asiamoney trao tặng: “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng doanh nghiệp và đầu tư tốt nhất” năm 2020. Giải thưởng do The Asset trao tặng: “Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp” năm 2018 – 2020 và “Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất” năm 2020. Giải thưởng do Finance Asia trao tặng: “Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam” trong các năm 2008 – 2011, 2014 – 2016 và 2019 – 2020. Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng: “Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam” năm 2017 – 2020, “Nhà tư vấn thương vụ M&A tốt nhất Việt Nam” và “Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020. Giải thưởng do Asia Asset Management trao tặng: “Giải thưởng phát hành quỹ của năm” cho năm 2020, “CEO của năm” trong các năm 2012 – 2016 và 2020. Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng: “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” năm 2014 – 2020, “Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam” năm 2016 – 2020, “50 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam” năm 2020. Giải thưởng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao tặng: Bằng khen của UBCKNN cho những đóng góp vì sự phát triển của HOSE và Thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2020, Thành viên tiêu biểu của HOSE năm 2020, Top 10 Công ty Chứng khoán tiêu biểu tại HNX và HOSE, và nhiều giải thưởng khác.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
1999	<ul style="list-style-type: none"> SSI được thành lập ngày 30/12/1999, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ
2001	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 7/2001, SSI hoạt động 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán. Vốn điều lệ của Công ty đạt 20.000.000.000 VNĐ.
2002	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 07/2002, SSI thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.
2005	<ul style="list-style-type: none"> 08/2005: SSI hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán. Vốn điều lệ đạt 52.000.000.000 VNĐ.
2006	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường. 12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).
2007	<ul style="list-style-type: none"> 08/2007: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập. 10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh);
2008	<ul style="list-style-type: none"> 04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ; 06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.
2009	<ul style="list-style-type: none"> 07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài
2010	<ul style="list-style-type: none"> 05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.

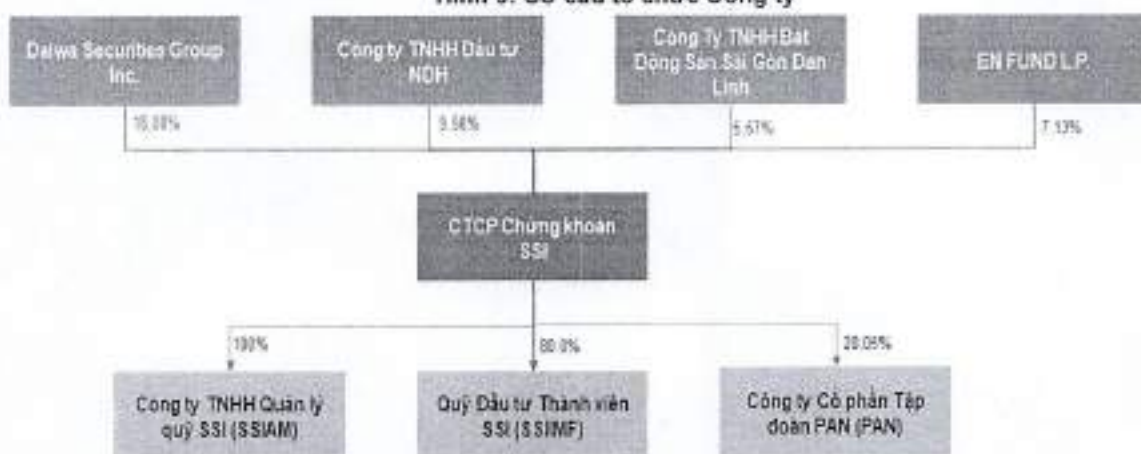


BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
2013	<ul style="list-style-type: none">03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ.
2015	<ul style="list-style-type: none">09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ.
2017	<ul style="list-style-type: none">01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ.05/2017: SSI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.
2019	<ul style="list-style-type: none">06/2019: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm.
2020	<ul style="list-style-type: none">05/2020: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VNĐ.12/2020: SSI vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới" do Đảng và Nhà nước trao tặng. SSI cũng là công ty chứng khoán tư nhân đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này.
2021	<ul style="list-style-type: none">04/2021: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.498.050.040.000 VNĐ06/2021: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.573.051.040.000 VNĐ

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 5: Cơ cấu tổ chức Công ty



Nguồn: SSI



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BẢN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Bảng 1: Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty

1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin
3	Ông Ngô Văn Điềm	Thành viên độc lập HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán
4	Ông Hironori Oka	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Công ty có 1 (một) TGD do HĐQT quyết định và bổ nhiệm. TGD Công ty là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.

Bảng 2: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

1	Ông Nguyễn Hồng Nam	TGD
---	---------------------	-----

Hội đồng Đầu tư

Hội đồng Đầu tư bao gồm các thành viên là Chủ tịch HĐQT, TGD, Phó TGD, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính và Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro.

Hội đồng Đầu tư có thẩm quyền quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; quyết định việc góp vốn, mua bán cổ phần tại các doanh nghiệp, mua sắm tài sản cố định, vay nợ; và quyết định các hợp đồng không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Từ khi thành lập đến trước ngày 27/6/2020, Công ty có Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, với vai trò đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Từ ngày 27/6/2020, ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ, theo đó, Công ty không còn có Ban Kiểm soát mà hoạt động theo mô hình có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT. Thành viên Ủy ban Kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập, có chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ.

Bảng 3: Danh sách Ủy ban Kiểm toán

1	Ông Ngô Văn Điềm	Trưởng Ủy ban Kiểm toán
2	Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Năm 2019, HĐQT thành lập Tiểu ban Chiến lược Phát triển với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Các Phòng ban

Bảng 4: Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực phụ trách	Chức năng, nhiệm vụ
1	Khối quản trị	Luật và kiểm soát tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tham mưu, tư vấn pháp luật về các hoạt động của Công ty; - Hỗ trợ HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến ĐHCĐ, HĐQT và các tiểu ban trực thuộc HĐQT; - Giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định pháp luật, nội quy nội bộ SSI của các Khối, Phòng, Ban, đơn vị trên toàn hệ thống; - Hàng năm đánh giá lại hệ thống kiểm soát nội bộ về: cơ cấu tổ chức, phân cấp thẩm quyền, hệ thống quy chế, quy trình, quy định, và sản phẩm dịch vụ; Rà soát các quy định trong an toàn kinh doanh, phát hiện sơ hở, vi phạm (nếu có) để kiến nghị sửa đổi bổ sung; - Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến SSI và nhân viên SSI.
		Kiểm toán nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra ý kiến kiểm toán nội bộ về các báo cáo tài chính của Công ty; - Đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các quy định hiện hành, các chỉ tiêu tài chính dựa trên các số liệu tài chính; - Giám sát việc tính toán và tuân thủ của Công ty về các chỉ tiêu đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính.
		Tài chính-kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Cân đối và điều hoà nguồn huy động vốn, bao gồm cả nguồn huy động vốn chủ sở hữu, đảm bảo tốt thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn; - Xây dựng kế hoạch và công tác tổng hợp các báo cáo của Công ty; - Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các khối kinh doanh; - Đảm bảo việc đầu tư tài chính tuân theo trình tự, thẩm quyền, và hạn mức quy định đầu tư tài chính của Công ty.
		Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý toàn diện rủi ro trong toàn hệ thống (rủi ro tín dụng, thị trường và vận hành) tuân theo pháp luật, quy định của SSI và thông lệ quốc tế; - Xác định, đo lường và kiểm soát rủi ro ở mức có thể chấp nhận được, đảm bảo các tài sản và công nợ, các hoạt động đầu tư và cung cấp dịch vụ của Công ty không chứa những rủi ro cao gây ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh, tồn tại và phát triển của Công ty, cũng như đảm bảo các rủi ro công ty đang gánh chịu không vượt quá khả năng về vốn và tài chính của Công ty.
2	Các khối kinh doanh	Quản lý quỹ	<p>Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) là công ty con của SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 03/8/2007 và các giấy phép điều chỉnh. SSIAM thực hiện các nghiệp vụ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước; - Quản lý danh mục đầu tư bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

			<ul style="list-style-type: none">nước, quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.
		Dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức	<ul style="list-style-type: none">Cung cấp dịch vụ mua bán, giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ và các sản phẩm liên quan đến vốn cổ phần, lãi suất cố định, phái sinh;Hỗ trợ thiết lập quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư.
		Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân	<ul style="list-style-type: none">Dịch vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức trong nước, lưu ký, tài chính; Quản lý sổ cổ đông và chuyển nhượng cổ phần;Xây dựng, quản lý và phát triển quan hệ khách hàng cá nhân;Thực hiện công tác nghiệp vụ vận hành;Hỗ trợ các Khối, Phòng, Ban trong giao dịch chứng khoán, thanh toán, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ tài chính;Cung cấp dịch vụ điện tử và trực tiếp cho Khách hàng: thủ tục mở, đóng tài khoản, thủ tục ủy quyền, giao dịch, thanh toán, lưu ký, quản lý cổ đông; Chiu trách nhiệm tiếp nhận, giải đáp thắc mắc khách hàng;Thực hiện kiểm soát các hoạt động giao dịch, thanh toán, dịch vụ tài chính trong ngày, kiểm tra sự cố.
		Dịch vụ ngân hàng đầu tư	<ul style="list-style-type: none">Nghiên cứu, cung cấp các sản phẩm dịch vụ thị trường vốn và thị trường nợ, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm và không hạn chế ở những khoản: huy động vốn, niêm yết, giải pháp tổ chức, sắp xếp tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp;Làm cầu nối trong phát triển đối tác, quan hệ Khách hàng cho Khối Dịch vụ chứng khoán Khách hàng tổ chức.
		Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính	<ul style="list-style-type: none">Quản lý thanh khoản và hoạt động kinh doanh nguồn vốn;Nghiên cứu và phối hợp với các bộ phận kinh doanh khác của SSI để xây dựng, phát triển những sản phẩm, nghiệp vụ mang tính tiên phong trong mảng kinh doanh Nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như thị trường;Kinh doanh tiền tệ, trái phiếu và sản phẩm cấu trúc.
		Đầu tư	<ul style="list-style-type: none">Phối hợp chặt chẽ với Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính để thực hiện đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, phái sinh nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn;Tạo lập thị trường;Phát hành chứng quyền.
3		Trung tâm Phân tích và Tư vấn đầu tư	<ul style="list-style-type: none">Cung cấp các sản phẩm phân tích, tư vấn đầu tư, các báo cáo phân tích truyền thống, các khuyến nghị chiến lược đầu tư, báo cáo ngành, công ty.
4	Khối hỗ trợ	Nhân sự	<ul style="list-style-type: none">Triển khai các công tác tổ chức nhân sự, tuyển dụng và đào tạo.Thực hiện các chế độ, phúc lợi cho nhân viên Công ty.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

		Hệ thống Công nghệ Thông tin	- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tổng thể của Công ty; - Quản lý và duy trì, nâng cấp các hệ thống phần mềm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT nhằm mục đích tin học hoá nghiệp vụ quản lý của Công ty, bắt kịp sự phát triển trong cơ sở hạ tầng CNTT của các công ty chứng khoán trên thế giới, cũng như đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định bởi cơ quan quản lý nhà nước: UBCKNN, HOSE, HNX, VSD, ...
		Truyền thông	- Công tác truyền thông, xây dựng hình ảnh, nhận diện thương hiệu, tổ chức các sự kiện của SSI.
		Hành chính	- Quản lý thực hiện công tác hành chính, quản lý tài sản, nâng cấp, duy trì nâng cấp cơ sở vật chất.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ

Không có



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

5.2 Công ty con

Các công ty con đang hoạt động:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Tầng 5, Tòa nhà Số 1C Ngõ Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30.000.000.000	100%
2	Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSIIMF)	Tầng 5, Tòa nhà Số 1C Ngõ Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	343.000.000.000	80%

Các công ty con sở hữu gián tiếp:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty Quốc Tế SSI (SSIIC) (sở hữu gián tiếp qua quỹ đầu tư SSI)	Tầng 5, Tòa nhà Số 1C Ngõ Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ		

5.3 Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường	2.163.585.800.000	20,05%



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SSI

Các công ty liên kết sở hữu gián tiếp:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Công Thắng Alpha (sở hữu gián tiếp qua SSIAM)	Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý	46.700.000.000	49,1%

6. Quá trình tăng vốn điều lệ

Cùng với sự phát triển trong hoạt động kinh doanh của Công ty, VDL của SSI thay đổi như sau:

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	VDL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Tháng 12/1999	Lần 1		6.000.000.000		VDL ban đầu
Tháng 2/2001	Lần 2	3.000.000.000	9.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 7/2001	Lần 3	11.000.000.000	20.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 700.000 cổ phiếu Phát hành cho các đối tác chiến lược: 400.000 cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 4/2004	Lần 4	3.000.000.000	23.000.000.000	Phát hành cho cán bộ công nhân viên	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 2/2005	Lần 5	3.000.000.000	26.000.000.000	Phát hành cho các đối tác chiến lược	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 6/2005	Lần 6	26.000.000.000	52.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 2/2006	Lần 7	68.000.000.000	120.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.300.000 cổ phiếu Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 1.300.000 cổ phiếu Phát hành cho các đối tác chiến lược: 4.000.000 cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	VDL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
				Phát hành cho cán bộ công nhân viên: 200.000 cổ phiếu	
Tháng 5/2006	Lần 8	180.000.000.000	300.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 6.000.000 cổ phiếu Phát hành cổ phiếu thưởng: 6.000.000 cổ phiếu Phát hành cho các đối tác chiến lược: 6.000.000 cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 9/2006	Lần 9	200.000.000.000	500.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 6.000.000 cổ phiếu Phát hành cổ phiếu thưởng: 12.000.000 cổ phiếu Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược: 2.000.000 cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tháng 7/2007	Lần 10	299.999.170.000	799.999.170.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 3/2008	Lần 11	399.999.540.000	1.199.998.710.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 4/2008	Lần 12	166.668.000.000	1.366.666.710.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 1/2009	Lần 13	166.668.000.000	1.533.334.710.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 3/2010	Lần 14	222.224.000.000	1.755.558.710.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 5/2010	Lần 15	1.755.558.710.000	3.511.117.420.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 1/2012	Lần 16	15.000.000.000	3.526.117.420.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 3/2013	Lần 17	11.832.000.000	3.537.949.420.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Đơn vị cấp: UBCKNN



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	VDL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Tháng 2/2015	Lần 18	23.168.000.000	3.561.117.420.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 5/2015	Lần 19	712.210.570.000	4.273.327.990.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 9/2015	Lần 20	427.308.850.000	4.700.636.840.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 11/2015	Lần 21	527.308.850.000	4.800.636.840.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 1/2017	Lần 22	100.000.000.000	4.900.636.840.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 1/2018	Lần 23	100.000.000.000	5.000.636.840.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 1/2019	Lần 24	100.000.000.000	5.100.636.840.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 2/2020	Lần 25	100.000.000.000	5.200.636.840.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 5/2020	Lần 26	828.819.290.000	6.029.456.130.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 4/2021	Lần 27	468.594.910.000	6.498.051.040.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	Đơn vị cấp: UBCKNN
Tháng 6/2021	Lần 28	75.000.000.000	6.573.051.040.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Đơn vị cấp: UBCKNN

Nguồn: SSI

Công ty đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm và các đơn vị kiểm toán đã đưa ý kiến chấp thuận toàn phần đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỪNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty năm 2020

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020, vốn góp của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 6.029.456.130.000 VND và TTS là 35.769.528.008.240 VND.

Từ ngày 01/01/2020 đến nay, Công ty không có bất cứ khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Tại thời điểm hiện tại, cổ phiếu đã đăng ký và đã phát hành như sau:

**Bảng 5: Cơ cấu cổ đông ngày 16/6/2021
(dựa theo danh sách cổ đông gần nhất do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp)**

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ VBL	Cơ cấu tổ chức	
					Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông trong nước	40.276	337.837.525	51,99%	128	40.148
1	Cổ đông lớn	2	99.425.839	15,30%	2	0
2	Cổ đông khác	40.274	238.411.686	36,69%	126	40.148
II	Cổ đông nước ngoài	2.555	308.023.459	47,40%	118	2.437
1	Cổ đông lớn	2	165.154.111	25,42%	2	0
2	Cổ đông khác	2.553	142.869.348	21,99%	116	2.437
III	Cổ phiếu quỹ	1	3.944.120	0,61%	1	0
	TỔNG CỘNG	42.832	649.805.104	100,00%	247	42.585

Nguồn: Danh sách cổ đông SSI ngày 16/6/2021

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty; không quy định cụ thể. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Theo Công văn số 5524/UBCK-QLKD ngày 27/8/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SSI tối đa là 100%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm những mảng chính: Dịch vụ Chứng khoán, Ngân hàng Đầu tư, Quản lý Quỹ, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính và Đầu tư.

a) Dịch vụ Chứng khoán

SSI cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, giao dịch, dịch vụ lưu ký, thanh toán bù trừ, dịch vụ tài chính, phân tích và tư vấn đầu tư, sản phẩm lãi suất cố định, sản phẩm phái sinh, cũng như quản lý số cổ đông và chuyển nhượng cổ phần cho khách hàng cá nhân và tổ chức. Bên cạnh đó, SSI cung cấp các giải pháp Quản hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư (CA – Corporate Access) đối với khách hàng tổ chức. Các dịch vụ cung cấp cho khách hàng, các nhà đầu tư được tối ưu hóa bằng công cụ trực tuyến, tạo sự thuận tiện cho Khách hàng trong các giao dịch.

Với hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư, SSI hiện đang theo dõi, phân tích và nghiên cứu 76 cổ phiếu dẫn đầu thị trường. SSI sẽ cung cấp các báo cáo phân tích truyền thông cũng như các dịch vụ như khuyến nghị



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

chiến lược đầu tư (investment strategy pitch), báo cáo ngành/ công ty (sector/company pitch), khuyến nghị mua – bán (buy/sell call) để đưa thông tin tới khách hàng.

Với mạng Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư, SSI cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn và hậu cần cho Nhà đầu tư Tổ chức và Khách hàng Doanh nghiệp trên toàn quốc. Các sự kiện được tổ chức bao gồm: hội nghị, hội nghị chuyên ngành, tham quan thực tế doanh nghiệp, hội thảo trực tuyến giúp Nhà đầu tư Tổ chức có thêm thông tin đưa ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, nhóm Phân tích chuyên nghiệp của SSI sẽ cung cấp thông tin chuyên sâu về Nhà đầu tư tiềm năng và tiến hành phân tích cơ cấu cổ đông và đề xuất để cải thiện sức hấp dẫn của khoản đầu tư cũng như kế hoạch, lịch trình tiếp cận Nhà đầu tư Tổ chức.

b) Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Tư vấn phát hành cổ phiếu (ECM): SSI tư vấn cho khách hàng các phương án, thủ tục, và yêu cầu pháp lý trong phát hành các sản phẩm chứng khoán như cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi và trái phiếu chuyển đổi. Là Công ty hàng đầu về dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong những năm qua, SSI có mạng lưới khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân đa dạng, tạo nên lợi thế của SSI khi hỗ trợ Khách hàng huy động vốn thông qua chào bán riêng lẻ, chào bán ra công chúng. SSI cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành nhằm đảm bảo sự thành công trong đợt chào bán của Khách hàng.

Tư vấn trái phiếu (DCM): SSI cung cấp dịch vụ tư vấn các phương án phát hành, thủ tục và yêu cầu pháp lý cho đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp. SSI có mạng lưới Khách hàng Tổ chức lớn bao gồm ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm và các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, tạo nên lợi thế của SSI khi hỗ trợ khách hàng huy động vốn thành công thông qua chào bán trái phiếu riêng lẻ hoặc công khai. SSI cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu.

Tư vấn Mua bán & Sáp nhập (M&A): Dịch vụ M&A giúp khách hàng bên mua cũng như bên bán tìm kiếm đối tác phù hợp nhất. SSI cung cấp dịch vụ trọn gói bao gồm lên kế hoạch cấu trúc giao dịch, xác định bên mua hoặc bên bán mục tiêu, thẩm định dự án, định giá, thương lượng mua bán, và hỗ trợ thủ tục pháp lý cần thiết cho giao dịch.

Tư vấn tài chính doanh nghiệp: SSI tự hào là doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính trọn gói bao gồm việc đánh giá giá trị doanh nghiệp, thực hiện khảo sát chi tiết cho bên bán hoặc/ và bên mua trong các thương vụ huy động vốn và M&A, hỗ trợ doanh nghiệp lập kế hoạch tài chính trong ngắn, trung và dài hạn để giúp doanh nghiệp chủ động trong việc xác định nhu cầu vốn, quản lý dòng tiền và đưa ra các quyết định tài chính và đầu tư đúng đắn. Ngoài ra, SSI cũng là đơn vị tư vấn cổ phần hóa hàng đầu tại Việt Nam.

c) Đầu tư

Để tối ưu hoá nguồn vốn, SSI đầu tư chủ động vào cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và phái sinh; tập trung vào các cổ phiếu có tỷ lệ hoàn vốn cao trong thị trường vốn nội địa.

d) Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Để quản lý thanh khoản và đảm bảo tối ưu hoá nguồn vốn, SSI đầu tư nguồn vốn vào cổ phiếu, trái phiếu, tiền tệ, hợp đồng tiền gửi có thời hạn, ủy thác, và các sản phẩm có cấu trúc khác. Bên cạnh đó, SSI cũng phát hành trái phiếu, các sản phẩm tài chính có cấu trúc linh hoạt để để đáp ứng huy động vốn, cũng như tối ưu hoá được chi phí huy động vốn, linh hoạt trong kỳ hạn lãi suất và thanh toán.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.194.716.899.858	1.779.378.324.384	699.017.696.118
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	754.491.887.201	680.564.940.707	342.884.965.809
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	111.731.333.409	687.399.813.784	247.811.017.254
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	257.310.920.123	394.982.988.385	82.344.443.777
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	71.182.759.125	16.430.581.508	25.977.269.278
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	329.038.576.564	850.012.190.191	991.168.158.800
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	583.540.257.514	525.089.898.914	677.893.533.729
4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	232.822.214.148	83.305.018.553
5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.059.810.150.473	797.332.768.673	582.055.105.212
6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	15.101.618.182	32.749.530.273	28.835.160.883
7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	6.152.913.423	10.815.655.122	11.896.315.358
8. Doanh thu lưu ký chứng khoán	17.028.809.906	36.844.064.402	33.598.654.678
9. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	7.497.042.618	54.335.094.105	59.178.614.910
10. Thu nhập từ hoạt động khác	58.883.129.244	47.421.327.751	68.029.860.956
Cộng doanh thu hoạt động	3.271.769.697.782	4.366.801.067.963	3.234.978.119.197
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	689.679.258.154	1.003.133.839.651	382.539.570.887
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	505.770.423.393	537.916.604.389	133.240.447.325
b. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	143.894.123.421	405.750.139.075	232.329.833.598
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	2.613.607.604	2.992.990.085	2.045.881.138
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	37.401.103.736	56.474.106.102	14.923.408.826
2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại	929.243.500	13.351.221.324	93.932.433



BẢN CÁO BẠCH CHẢO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(9.510.328.800)	444.411.131	11.501.372.858
4. Chi phí hoạt động tự doanh	14.229.227.054	23.565.226.687	11.147.672.149
5. Chi phí môi giới chứng khoán	627.051.102.549	625.814.988.058	555.493.733.108
6. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	11.426.507.686	8.317.086.067	15.040.853.528
7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	10.241.384.608	18.976.542.088	21.502.445.834
8. Chi phí lưu ký chứng khoán	19.127.275.594	32.491.874.038	27.540.046.739
9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	9.238.082.466	39.188.162.483	17.444.386.941
10. Chi phí hoạt động khác	68.759.686.591	136.512.419.528	128.703.913.660
Cộng chi phí hoạt động	1.441.171.439.412	1.901.795.771.055	1.171.007.928.137
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	8.158.764.907	28.659.748.695	435.548.098
2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong kỳ	8.839.179.019	12.996.728.146	20.355.221.628
3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	-	13.701.612.484	-
4. Doanh thu khác về đầu tư (lợi nhuận từ công ty liên kết)	14.270.874.654	153.395.462.497	45.715.512.161
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	31.268.818.580	208.753.551.822	66.506.281.887
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	17.041.691.350	12.458.888.106	19.611.726.414
2. Chi phí lãi vay	451.599.011.632	829.431.323.089	804.178.964.572
3. Chi phí đầu tư khác	14.613.046.825	95.254.840.329	14.832.880.334
Cộng chi phí tài chính	483.253.749.807	937.145.051.524	838.621.571.320
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	-	-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	116.916.995.545	184.156.140.350	193.238.253.772
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	1.261.696.231.698	1.552.457.656.856	1.098.616.647.855
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Thu nhập khác	1.850.054.002	5.273.691.839	7.067.722.985
Chi phí khác	499.301	178.063.632	160.809.383
Cộng kết quả hoạt động khác	1.849.554.701	5.095.628.207	6.906.913.602
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	1.263.545.786.299	1.557.553.285.063	1.105.523.561.457
Lợi nhuận đã thực hiện	1.288.351.914.051	1.271.395.655.560	1.095.044.544.091
Lợi nhuận chưa thực hiện	(24.806.127.752)	286.157.629.503	9.479.017.366
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	248.999.511.233	301.621.466.108	198.426.585.426
Chi phí thuế TNDN hiện hành	264.945.711.442	267.248.078.434	178.677.854.956
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(15.946.200.209)	34.373.387.674	19.748.730.470
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	1.014.546.275.066	1.255.931.818.955	907.096.976.031
Lợi nhuận sau thuế để phân bổ cho chủ sở hữu (i)	1.015.295.956.180	1.257.372.470.832	909.201.424.728
Lợi nhuận sau thuế sau khi trích các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu (i)		83.436.396.535	63.212.220.608
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông không kiểm soát	(749.681.114)	(1.440.651.877)	(2.104.448.697)
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	929.243.500	(264.217.445.639)	(18.305.849.993)
Tổng thu nhập toàn diện	929.243.500	(264.217.445.639)	(18.305.849.993)
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu (i)	929.243.500	(264.217.445.639)	(18.305.849.993)
Thu nhập toàn diện phân bổ cho đối tượng khác (ii)			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.173.936.074.297	845.989.204.120
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		1.955	1.430

Nguồn: BCTC Hợp nhất Công ty Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC hợp nhất Quý II năm 2021



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

10.2 Tài sản

Bảng 7: Tình hình Tài sản cố định hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	31/12/2019			31/12/2020			30/06/2021		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
I	TSCĐ hữu hình	205.908	96.560	46,89%	228.179	98.435	43,14%	254.983	112.835	44,25%
II	TSCĐ vô hình	128.489	50.452	39,27%	139.400	49.852	35,76%	143.632	45.185	31,46%
	Tổng	334.398	147.012	43,96%	367.580	148.288	40,34%	398.616	158.019	39,64%

Nguồn: BCTC Hợp nhất Công ty Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC Hợp nhất Quý II năm 2021

Bảng 8: Tình hình Tài sản cố định Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	31/12/2019			31/12/2020			30/06/2021		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
I	TSCĐ hữu hình	204.776	96.560	47,15%	226.934	98.220	43,28%	253.738	112.647	44,40%
II	TSCĐ vô hình	126.220	49.336	39,09%	134.814	46.850	34,75%	138.822	42.343	30,50%
	Tổng	330.996	145.897	44,08%	361.748	145.070	40,10%	392.560	154.990	39,48%

Nguồn: BCTC Riêng Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC riêng Quý II năm 2021



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

10.3 Thị trường hoạt động

96%-98% tổng doanh thu của SSI đến từ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của SSI

Đơn vị tính: Đồng

	Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2019	TH2020 /TH2019
1	Doanh thu thuần	4.575.554.619.785	3.301.484.401.084	139%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.552.457.656.856	1.098.616.647.855	141%
3	Lợi nhuận khác	5.095.628.207	6.906.913.602	74%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.557.553.285.063	1.105.523.561.457	141%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.255.931.818.955	907.096.976.031	138%
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.257.372.470.832	909.201.424.729	138%

Nguồn: SSI

Năm 2020, do tác động của Đại dịch Covid-19, thị trường chứng khoán lao dốc mạnh trong quý I/2020, nhưng sau đó thị trường đã hồi phục mạnh, với VN-Index và VN30 tăng 67,5% và 75,3% từ mức đáy và lấy lại được tăng trưởng dương 14,9% và 21,8% cho cả năm 2020. Thanh khoản đạt kỷ lục như dòng tiền mạnh mẽ từ nhà đầu tư cá nhân. Giá trị giao dịch trung bình cả năm tăng trưởng 79,2% so với năm 2019 và 17,2% so với năm 2018. Thị trường cũng đón nhận một lớp nhà đầu tư mới với quy mô lớn nhất trong 20 năm thành lập và phát triển thị trường.

Năm 2020, SSI ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.575 tỷ VNĐ – tăng 38,5% so với doanh thu năm 2019, đạt 166% kế hoạch kinh doanh.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế (LNTT) đạt 1.557,6 tỷ VNĐ, tăng 40,8% so với kết quả năm 2019, đạt 179% kế hoạch kinh doanh 2020 về lợi nhuận.

10.4.1 Báo cáo các hoạt động kinh doanh cốt lõi của SSI

a) Dịch vụ Chứng khoán

Trong năm 2020, Dịch vụ chứng khoán của SSI duy trì hoạt động ổn định, mang về doanh thu 1.378,4 tỷ VNĐ tăng 5% so với năm 2019, và lợi nhuận 410,8 tỷ VNĐ.

Mảng Dịch vụ Chứng khoán của SSI tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường, với thị phần cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, và chứng quyền có bảo đảm trên HOSE là 12,33%, tính chung trên cả hai Sờ HOSE và HNX là 11,87%.

Dịch vụ môi giới chứng khoán:

Tính đến năm 2020, SSI có năm thứ 7 liên tiếp đứng số 1 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (CCQ) tại HOSE. Cụ thể, thị phần SSI đạt 12,33% tại HOSE và 7,6% tại HNX. Tính chung trên 2 Sờ Giao dịch Chứng khoán, thị phần SSI năm 2020 đạt 11,87% - dẫn đầu toàn thị trường.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Cũng trong năm 2020, số lượng tài khoản tại SSI năm 2020 tăng trưởng 18,2%, đạt hơn 195.000 tài khoản, chiếm 7% số lượng tài khoản trên toàn thị trường. Trong đó, tổng tài khoản active của SSI là hơn 54.000 tăng trưởng 23,8% so với năm 2019.

Dịch vụ môi giới Chứng khoán Khách hàng Cá nhân chiếm 91% tổng doanh thu của Dịch vụ Chứng khoán, đạt 1.261 tỷ VNĐ và chủ yếu đến từ phí môi giới và phí từ các sản phẩm tài chính.

Dịch vụ cho vay kỳ quỹ:

Sự bùng nổ của thị trường trong những quý cuối năm 2020, kéo theo nhu cầu sử dụng dịch vụ cho vay kỳ quỹ (margin) tăng mạnh. Theo số liệu cập nhật từ UBCKNN, tính tới ngày 31/12/2020 dư nợ kỳ quỹ toàn thị trường đạt gần 81.000 tỷ VNĐ, tăng 40% so với cuối quý 3 và tăng 84% so với thời điểm thị trường tạo đáy vùng 660 điểm vào cuối quý 1/2020.

Tổng dư nợ kỳ quỹ tại SSI chiếm 9.226,2 tỷ VNĐ – mức tăng trưởng 1,7 lần so với thời điểm cuối năm 2019. SSI luôn kiên định với chính sách cho vay thận trọng khi thị trường có nhiều biến động khó đoán định để giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và Khách hàng, tuy nhiên tận dụng thế mạnh về nguồn vốn để linh hoạt đáp ứng nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ của Nhà đầu tư.

Dịch vụ đối với nhóm Khách hàng Tổ chức:

Đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ các hoạt động tiếp cận, phát triển, cũng như kết nối Nhà đầu tư Tổ chức với Khách hàng doanh nghiệp. Một mặt khác, Covid-19 khiến các doanh nghiệp đánh giá lại mức độ chuyên nghiệp hóa trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư và tăng cường hợp tác, tìm kiếm sự tư vấn, hỗ trợ từ đội ngũ chuyên gia của SSI trong quy trình công bố thông tin, tiếp xúc nhà đầu tư và hệ thống hóa các sản phẩm cung cấp thông tin cho thị trường. Trong bối cảnh đó, SSI đã kịp thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, phát triển kênh thông tin, marketing, cũng như chuyển hướng tiếp cận các quỹ đầu tư chủ động và các đối tác tại các thị trường chính nhằm nâng cao lượng khách hàng chủ động đầu tư vào Việt Nam thay vì việc phụ thuộc vào nhóm khách hàng chỉ số như trước đây để thích ứng với những khó khăn gây ra bởi đại dịch.

Doanh thu của Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức chủ yếu đến từ phí môi giới giao dịch trên sàn và ngoài sàn, các khoản thu từ hợp đồng tư vấn quỹ đầu tư, các hoạt động tư vấn quan hệ nhà đầu tư cho doanh nghiệp, và các hoạt động bán chéo với các Khối kinh doanh khác của SSI.

b) Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Năm 2020, do những biến động của đại dịch, tỷ lệ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trên tổng giá trị giao dịch chỉ còn 11,3%, giảm thấp hơn nhiều so với các năm trước đây. Nhà đầu tư nước ngoài cũng liên tục bán ròng, với tổng giá trị 813 triệu USD năm 2020. Doanh thu từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của SSI đạt 20 tỷ VNĐ, giảm nhẹ 2,4% so với năm 2019.

Tuy nhiên, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI vẫn tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trên TTCK Việt Nam với nhiều giao dịch đạt giá trị kỷ lục thông qua những hình thức giao dịch đa dạng và cấu trúc phức tạp. Có thể kể đến một số thương vụ ấn tượng năm 2020 như sau: Tư vấn Ngân hàng Cổ phần Thương mại Quân đội (HOSE-MBB) bán 21,43 triệu cổ phiếu quỹ và phát hành riêng lẻ 64,31 triệu cổ phiếu sơ cấp trị giá 100 triệu USD; đây là đợt chào bán cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam trong năm 2020. Tư vấn Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (HOSE – PLX) chào bán 28 triệu cổ phiếu quỹ cho nhà đầu tư đại chúng, huy động thành công 56,1 triệu USD. Độc quyền tư vấn giao dịch chào bán 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (HOSE – IMP), tập đoàn lớn nhất Hàn Quốc trong lĩnh vực dược phẩm sinh học, sản xuất dược phẩm và hóa chất,...

Về thị trường trái phiếu, trong năm 2020, SSI đã làm đại lý phát hành Chứng chỉ tiền gửi cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Home Credit Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE – CTG) với trị giá 229 triệu USD và làm đại lý phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp hàng đầu như: Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh (HOSE – HDB), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (HNX – TNG), Trường Đại học Văn Lang,...

c) Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Năm 2020, SSI đạt tốc độ tăng trưởng tài sản trên 32% - tương đương 35.769,5 tỷ VNĐ so với mức 27.044 tỷ VNĐ cuối năm 2019. Đây là mức tăng trưởng kỷ lục trong 3 năm gần đây. Song song tốc độ tăng trưởng



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

tổng tài sản, lợi nhuận của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cũng bứt phá mạnh mẽ, tăng 48,6% so với lợi nhuận năm 2019.

SSI chú trọng việc mở rộng các quan hệ tín dụng với các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước giúp SSI có thể tiếp cận với các nguồn vốn đa dạng, chi phí hợp lý, duy trì tính ổn định, hiệu quả trong việc kinh doanh nguồn vốn. Tháng 12/2020, SSI đã ký kết thành công hợp đồng vay vốn tín chấp trị giá 85 triệu USD – tương đương gần 2.000 tỷ VNĐ với nhóm 9 ngân hàng nước ngoài, đầu mối là Ngân hàng Union Bank of Taiwan (UBOT) – ngân hàng hàng đầu Đài Loan. Đây là khoản vay tín chấp nước ngoài lớn nhất đối với các CTCK tại Việt Nam

Năm 2020, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã thành công trong việc thực hiện tái phân bổ đầu tư, chuyển từ đầu tư sản phẩm tài chính ngắn hạn có mức lợi suất thấp sang các công cụ đầu tư tài chính có lãi suất cố định có kỳ hạn dài hơn.

Bên cạnh đó SSI tập trung đầu tư trái phiếu, và các sản phẩm phái sinh. Việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh giúp SSI trở thành thành viên tích cực, đi đầu trên thị trường này, với doanh thu tăng trưởng 217%. Tổng lợi nhuận của mảng kinh doanh trái phiếu và sản phẩm phái sinh trong năm 2020 đạt mức tăng trưởng 266% so với năm 2019.

Bên cạnh việc đầu tư trực tiếp, SSI còn tập trung vào mảng phát triển các sản phẩm, dịch vụ dành cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau trên thị trường nhằm tạo cơ hội phân bổ nguồn vốn hiệu quả cho nhà đầu tư, từ đó góp phần duy trì hoạt động kinh doanh chứng khoán của Khách hàng với SSI ngày càng đa dạng và liên tục.

d) Đầu tư

Trong bối cảnh của đại dịch, SSI đã linh hoạt sử dụng các biện pháp phòng hộ rủi ro trên thị trường phái sinh để hạn chế rủi ro danh mục, cũng như tận dụng cơ hội thị trường biến động để cơ cấu lại danh mục đầu tư để tăng tính thanh khoản và sử dụng các chiến lược giao dịch phù hợp để gia tăng lợi nhuận.

Cụ thể, danh mục đầu tư cổ phiếu 2020 tập trung hơn vào các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, có tính thanh khoản và nền tảng tài chính vững chắc, ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Lợi nhuận danh mục đạt 19,7%, vượt trội so với VN- Index (14,9%).

Nhờ sự tăng trưởng vượt bậc của thị trường trong quý Q3/2020, sản phẩm chứng quyền có bảo đảm đã phát huy được ưu điểm đơn giản một cách vượt bậc, giúp nhà đầu tư tìm kiếm được công cụ đầu tư lợi nhuận cao. Chứng quyền do SSI phát hành luôn nằm trong nhóm có thanh khoản và giá trị phát hành lớn nhất trên thị trường. Tới cuối năm 2020, danh mục phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đạt 500 tỷ VNĐ.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tiếp tục giữ khoản đầu tư vào PAN, tham gia vào HĐQT và làm việc sâu sát cùng Ban Lãnh đạo Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, SSI nắm giữ 80% phần vốn góp vào Quỹ Đầu Tư Thành Viên SSI (SSI Investment Member Fund - SSIIMF). Quỹ SSIIMF nắm giữ 100% vốn của công ty con thành lập ở Mỹ là SSI International Corporation (SSIIC). Hết năm 2020 doanh thu của SSIIC đạt trên 9,3 tỷ VNĐ.

e) Quản lý Quỹ

Trong Quý 1/2020, kết quả hoạt động của SSIAM bị ảnh hưởng khá mạnh bởi đại dịch Covid, bằng nỗ lực của toàn bộ đội ngũ cán bộ, nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh của SSIAM đã có sự hồi phục nhanh chóng ở Quý 3/2020.

Cuối năm 2020, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 6.670 tỷ VNĐ, tăng 45% so với cuối năm 2019. Trong đó Dịch vụ Quản lý Quỹ đầu tư đạt 5.061 tỷ VNĐ tương đương 75,9% tổng tài sản, Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức đạt 1.415% tương đương với 21,2%, và Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá nhân đạt 191 tỷ tương đương với 2,9%.

Doanh thu từ phí quản lý đạt 110% so với kế hoạch, tuy nhiên giảm 26% so với năm trước do sự phục hồi tổng tài sản quản lý đến chủ yếu vào cuối năm. SSIAM hoàn thành vượt 21% kế hoạch lợi nhuận đặt ra từ đầu năm.

Sau khi cân nhắc cho lợi ích tốt nhất của khách hàng, SSIAM cũng quyết định đóng hai quỹ đầu tư dành cho nhà đầu tư nước ngoài: Quỹ SSIAM SIF – Vietnam Active Value Portfolio và Quỹ SSIAM UCITS – Vietnam Value Income and Growth Fund vào đầu năm 2020 do TTCK Việt Nam thay đổi không phù hợp với chiến lược đầu tư ban đầu của hai Quỹ này.

Dịch vụ Quản lý Quỹ đầu tư:

Tính tới cuối năm 2020, SSIAM quản lý hơn 5.000 tỷ VNĐ tài sản tại các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, tăng 67% so với năm 2019.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Nhờ lượng bơm tiền ròng từ ngân hàng nhà nước đã giúp lãi suất tiền gửi giảm 1,5 - 3%/năm ở tất cả các kỳ hạn, lãi suất cho vay cũng giảm 0,5 - 2,5%/năm, từ đó đẩy mạnh chứng khoán trở thành kênh đầu tư hấp dẫn hơn so với tiền gửi. Nhằm bắt được nhu cầu của nhà đầu tư mong muốn đầu tư vào chỉ số thị trường và chỉ số ngành, SSIAM đã thành lập quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD, quỹ mô phỏng chỉ số ngành đầu tiên tại Việt Nam, và quỹ ETF SSIAM VN30 mô phỏng chỉ số VN30.

Quỹ FIN LEAD được niêm yết vào tháng 03/2020 với tổng giá trị niêm yết 262 tỷ VNĐ và đã đạt hơn 1.100 tỷ VNĐ vào cuối tháng 12. Tính đến cuối năm 2020, tỷ suất lợi nhuận của SSIAM VNFIN LEAD đạt 35,6%, được tạp chí tài chính quốc tế Asia Asset Management bình chọn là "Quỹ mới của Năm" do tinh tiến phong và tác động tích cực từ sự ra đời của quỹ ở thị trường Việt Nam.

Quỹ ETF VN30 cũng được thành lập ngay sau đó, và niêm yết vào tháng 8/2020, với tổng giá trị niêm yết ban đầu đạt 56 tỷ VNĐ.

Đối với các khách hàng trong nước, SSIAM cũng linh hoạt điều chỉnh định hướng của Quỹ đầu tư trái phiếu SSI (SSIBF). Biến SSIBF thành kênh đầu tư thay thế cho kênh tiết kiệm ngân hàng, mang lại lợi suất hấp dẫn, trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trong giai đoạn Covid-19. Cuối năm 2020, quỹ SSIBF đã tăng quy mô lên 716 tỷ VNĐ, gấp 9,2 lần so với quy mô cuối năm 2019.

Quỹ đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bên vững SSI (SSI-SCA) duy trì được quy mô trong khi nhiều quỹ mở cổ phiếu khác trên thị trường chịu ảnh hưởng của nhà đầu tư rút vốn, đạt 498 tỷ VNĐ, tương đương tăng 18% so với năm 2019 và tăng 71% so với tháng 03/2020.

SSIAM và Daiwa đã đồng thành lập quỹ Daiwa-SSIAM III vào tháng 10 với quy mô dự kiến 100 triệu USD, tập trung vào các doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực liên quan đến tiêu dùng.

SSIAM cũng hợp tác cùng CT Bright thuộc CP Group, lập đoàn lớn nhất tại Thái Lan và Mercuria, công ty quản lý quỹ được hỗ trợ bởi Ngân Hàng Phát triển Nhật Bản, DBJ, để đồng thành lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VGIF) với quy mô dự kiến 100-150 triệu USD.

Đầu năm 2020, SSIAM đã chính thức được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quỹ hưu trí tự nguyện. Đây là tiền đề để Công ty đưa sản phẩm này ra thị trường khi điều kiện thị trường phù hợp.

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức:

Năm 2020, SSIAM đã vinh dự được tạp chí Alpha South East Asia trao tặng giải thưởng "Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân" năm 2020.

Tổng quy mô tài sản quản lý cho khách hàng tổ chức đạt 1.415 tỷ VNĐ, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. SSIAM tiếp tục duy trì sự hợp tác chặt chẽ và ổn định với các khách hàng tổ chức, không chỉ là các công ty bảo hiểm lớn mà còn phát triển mối quan hệ với những khách hàng tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn.

SSIAM cũng đang làm việc với một số khách hàng khác để triển khai các danh mục ủy thác mới trong năm 2021.

Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá Nhân:

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 191 tỷ VNĐ tính đến cuối năm 2020, giảm 18% so với năm 2019. Số lượng khách hàng cá nhân rút khỏi dịch vụ ủy thác đang có xu hướng tăng trong năm qua, do tâm lý lo sợ rủi ro từ Đại dịch Covid-19, khi có nhiều sự kiện kinh tế, chính trị trên thế giới diễn ra phức tạp, ảnh hưởng lên biến động của TTCK.

Do mảng này chỉ chiếm 2,9% tổng tài sản SSIAM đang quản lý, nên ảnh hưởng lên doanh thu, lợi nhuận của Công ty không đáng kể.

SSIAM tin rằng, dòng vốn từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đang trong trạng thái chờ những thông tin tích cực như: việc nâng hạng thị trường từ "cận biên" lên "thị trường mới nổi", các chính sách bảo vệ và hỗ trợ nhà đầu tư, giao dịch T+0, mở room nước ngoài cho các ngành nghề hạn chế... để quay trở lại trong thời gian tới.

10.4.2 Các nền tảng hỗ trợ kinh doanh

a) Quản trị rủi ro

SSI xây dựng một cơ cấu quản trị rủi ro toàn diện và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức. Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ việc HĐQT xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro từ từng bộ phận nghiệp vụ của Công ty. Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

kỳ thường xuyên từ các bộ phận Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và Kiểm toán Nội bộ (KTNB). Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao, bao gồm QTRR trong hoạt động, tín dụng, thanh khoản, thị trường và trong pháp lý.

b) Công nghệ thông tin

Trong năm 2020, Công nghệ Thông tin (CNTT) SSI đã liên tục thực hiện cải tiến công nghệ, quy trình và đã đạt được một số kết quả then chốt như sau:

Đạt được 99,8% tính khả dụng của các sản phẩm/dịch vụ do CNTT SSI cung cấp.

Đạt 98% cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) đối với việc hỗ trợ dịch vụ CNTT.

Thành công trong việc di dời Trung tâm dữ liệu chính sang Trung tâm dữ liệu đạt chuẩn Tier 3 của UPTIME.

Ha tầng dịch vụ điện toán đám mây công cộng (public cloud) tăng trưởng đến 20% trong quý 4 năm 2020 là một minh chứng rằng SSI đã và đang tích cực sử dụng công nghệ điện toán đám mây để tận dụng sự linh hoạt, tốc độ triển khai, độ ổn định cũng như khả năng mở rộng hiệu năng xử lý cho các ứng dụng trọng yếu.

Nâng cấp hạ tầng CNTT và kênh truyền mạng điện rộng (WAN) giữa các chi nhánh/phòng giao dịch tới Hội sở tại TP. HCM và Chi nhánh Hà Nội cũng như kết nối sang đối tác cũng như kết nối Internet đảm bảo yêu cầu về băng thông đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của dịch vụ cũng như dự phòng.

c) Quản trị nguồn lực

Tính đến hết tháng 12/2020, số lượng nhân sự SSI đạt 909 người, các Khối Kinh doanh chiếm 72,5% toàn nguồn lực SSI.

Kết thúc năm, SSI đã thực hiện chi trả hơn 498,64 tỷ VNĐ cho cán bộ nhân viên, cao hơn 16,7% so với năm 2019, trong đó hạng mục chi thưởng và phúc lợi chiếm 48,3% tổng các đãi ngộ chi trả.

Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao – 97,9%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động SSI ngày càng được trẻ hóa (88,3% nhân sự có độ tuổi dưới 40), được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát để tích lũy thêm kinh nghiệm.

Công ty đã dành trên 2,8 tỷ VNĐ ngân sách cho các hoạt động đào tạo năm 2020, với số giờ đào tạo trung bình/nhân viên đạt 14 giờ, tương đương chi phí 3 triệu VNĐ/nhân viên.

10.5 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành

10.5.1 Vị thế của công ty trong ngành

SSI là Công ty chứng khoán hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam, thành lập năm 1999. Trải qua hơn 20 năm hoạt động, hiện vốn điều lệ của công ty đạt 6.573 nghìn tỷ VNĐ, và vốn chủ sở hữu đạt 11.400 nghìn tỷ VNĐ (tại 30/6/2021).

Thị phần lớn

Trong 7 năm liên tiếp, SSI dẫn đầu thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ trên thị trường Việt Nam, chiếm 11,87%. Trong đó, thị phần tại HOSE đạt 12,33% và HNX đạt 7,6%. SSI hiện quản lý số lượng tài khoản giao dịch lớn nhất thị trường, đạt hơn 195.000 tài khoản và chiếm 7% số lượng tài khoản trên toàn thị trường. Trong khu vực Đông Nam Á, SSI là một trong 3 công ty chứng khoán lớn nhất, với tổng tài sản trên 1,5 tỷ USD.

Thế mạnh tài chính

Đây là một trong những thế mạnh vượt trội của SSI so với các công ty chứng khoán khác trong mảng bảo lãnh phát hành. SSI là một trong số ít các công ty chứng khoán có khả năng bảo lãnh phát hành chứng khoán với quy mô lớn.

Mạng lưới nhà đầu tư rộng lớn

Trải qua hơn 20 năm hoạt động và với vị thế của công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất, SSI đã xây dựng được mạng lưới rộng các khách hàng trong và ngoài nước. Các khách hàng tổ chức của SSI bao gồm các quỹ đầu tư nước ngoài, các ngân hàng, bảo hiểm, tài chính cũng như một số doanh nghiệp lớn có tham gia hoạt động đầu tư tại thị trường vốn, và thị trường nợ Việt Nam. Mạng lưới khách hàng tổ chức này là đối tượng quan trọng giúp SSI có thể phân phối các sản phẩm chứng khoán ra thị trường một cách chuyên nghiệp thông qua quy trình dựng số đăng ký nhu cầu (book building) đối với các dự án phát hành chứng khoán trên thị trường sơ cấp. SSI có mối quan hệ mật thiết với nhiều nhà đầu tư quốc tế, thường là những



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

công ty đa quốc gia, những nhà đầu tư này thông qua SSI để tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp, đối tác địa phương phù hợp, có thể mạnh trong từng ngành kinh tế mà nhà đầu tư quan tâm.

Bên cạnh đó, tính đến 30/6/2021, SSI còn có mạng lưới gần 250.000 khách hàng cá nhân trải đều trong 13 chi nhánh, phòng giao dịch. Nhiều khách hàng cá nhân của SSI có danh mục giao dịch hàng chục tỷ đồng. Đây cũng là những nhà đầu tư có kinh nghiệm và chuyên môn tài chính cao, sẵn sàng đầu tư vào những sản phẩm do SSI phân phối trên thị trường sơ cấp.

Với nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm và trình độ cao, SSI luôn chú trọng vào đào tạo, phát huy nguồn nhân lực. Đội ngũ SSI được tuyển dụng một cách kỹ lưỡng, đào tạo bài bản và phần lớn là những sinh viên ưu tú trong chuyên ngành kinh tế trong và ngoài nước. Phần đông đội ngũ nhân viên có bằng thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA) cũng như các tin chỉ chuyên môn toàn cầu như CFA (Chartered Financial Analyst), ACCA (Associate of Chartered Certified Accountants).

10.5.2 Triển vọng phát triển của ngành

Với hệ số P/E thị trường là 15,8 lần (số liệu cuối tháng 2/2021), theo quan sát của SSI, định giá hiện tại của hầu hết các ngành đã quay trở lại mức trước Đại dịch Covid-19, ngay cả khi tính đến lợi nhuận phục hồi mạnh mẽ năm 2021. Trong năm tới, GDP kỳ vọng tăng 6,5% (cao hơn mục tiêu đề ra của chính phủ là 6%), với tăng trưởng mạnh từ Q2/2021 kéo dài đến cuối 2022 (khoảng hơn 7%). Ước tính tăng trưởng lợi nhuận của các công ty niêm yết trong năm 2021 trong phạm vi nghiên cứu của SSI là 21,7%. Vì vậy, TTCK kỳ vọng sẽ phát triển tốt trong thời gian tới, đặc biệt là nhóm cổ phiếu vốn hoá vừa – trong năm 2020, nhóm cổ phiếu vốn hoá vừa đã vượt VN30 12%.

TTCK Việt Nam dự đoán sẽ chứng kiến sự thanh khoản dồi dào từ nhà đầu tư cá nhân trong nước. Trong năm 2020, 63.075 tài khoản giao dịch mới được mở, và khối lượng trung bình giao dịch cổ phiếu hàng ngày trên ba sàn chứng khoán đạt USD 267 mn- tương ứng với mức tăng trưởng 53% hàng tháng và 324% hàng năm. Trong khi đó, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong thị trường Việt Nam sụt giảm. Những năm trước, nhà đầu tư nước ngoài chiếm 14%-16% tổng giao dịch, nhưng năm 2020 chỉ còn 11,3%, riêng tháng 12/2020, giao dịch nhà đầu tư nước chỉ chiếm 7,3% tổng giao dịch.

Bên cạnh đó, triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 cũng với việc MSCI nâng tỷ trọng của Việt Nam trong danh mục MSCI Frontier Markets Index và MSCI Frontier 100 Index sẽ tạo điều kiện thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, cũng như các nguồn vốn đầu tư thụ động thông qua các quỹ ETF, và nguồn vốn đầu tư chủ động thông qua các công ty quản lý quỹ toàn cầu vào TTCK Việt Nam.

SSI dự báo thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) 2021 vẫn sẽ sôi động nhưng sức nóng sẽ giảm so với 2020 do Luật Chứng khoán 2019 hiệu lực vào 01/01/2021 và một loạt văn bản pháp luật liên quan được ban hành và có hiệu lực, bao gồm: Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ; Thông tư 122/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo; đã siết chặt điều kiện nhà đầu tư mua TPDN phát hành riêng lẻ và khiến nhiều doanh nghiệp chuyển sang hình thức phát hành ra công chúng để tiếp cận được nguồn tiền đầu tư từ cá nhân. Bên cạnh đó, các ngân hàng sẽ giảm đầu tư vào TPDN so với năm 2020 khi NHNN chính thức ban hành dự thảo Thông tư quy định việc Tổ chức Tín dụng mua, bán TPDN quy định Tổ chức Tín dụng không được mua trái phiếu của tổ chức phát hành có phát sinh nợ xấu trong 12 tháng gần nhất (tại tất cả các TCTD); không được mua lại trái phiếu đã bán và/hoặc trái phiếu phát hành cùng lô/đợt với trái phiếu đã bán trong vòng 12 tháng; không được bán TPDN cho các công ty con.

Tuy vậy, phát hành riêng lẻ vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn, vì các điều kiện phát hành ra công chúng khác cũng khắt khe hơn nhiều so với phát hành riêng lẻ. Doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện kể trên vẫn sẽ tìm đến kênh phát hành riêng lẻ. Ngoài ra, các yêu cầu về công bố thông tin và niêm yết trái phiếu khi phát hành ra công chúng cũng khiến nhiều doanh nghiệp kể cả các doanh nghiệp lớn lựa chọn phát hành riêng lẻ.

Đối với dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư, hết năm 2020, SSIAM quản lý hơn 5.000 tỷ đồng tài sản tại các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài, tăng 67% so với năm 2019. Dự tính trong năm 2021, dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư của công ty con SSIAM sẽ tiếp tục tăng, do thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi và tăng mạnh trong các tháng cuối năm nhờ niềm tin kiểm soát dịch bệnh và mặt bằng lãi suất thấp giúp chứng khoán thành kênh đầu tư hấp dẫn hơn so với tiền gửi. Lãi suất tiền gửi giảm 1,5%-3%/năm và lãi suất cho vay giảm 0,5% - 2,5% do nhà nước bơm tiền rộng để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi trong Covid-19.

Quy mô tài sản quản lý cho khách hàng cá nhân đạt 191 tỷ đồng tính đến cuối năm 2020, giảm 18% so với năm 2019 do tâm lý lo sợ rủi ro dịch Covid-19 của một số khách hàng cá nhân. Tuy nhiên, SSI tin tưởng khi nền kinh tế có chuyển biến tích cực trong những năm mới, dịch vụ quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân sẽ hồi phục và phát triển.



10.5.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong những năm tới, cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục tập trung vào cơ cấu hệ thống, hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ "thị trường cận biên" sang "thị trường mới nổi". Vì vậy nên chiến lược và định hướng phát triển của SSI trong những năm tới hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển Ngành của Nhà nước và Chính Phủ.

10.6 Hoạt động Marketing

Trong năm 2020, đã có đến hơn 70.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI, tương đương 54,5% thị phần thảo luận của toàn thị trường. Trong đó, trên báo chí chính thống có gần 700 tin/bài viết về thương hiệu SSI và gần 9.000 các bài báo trích dẫn báo cáo, nhận định từ chuyên gia của SSI. Những con số này đã cho thấy được phần nào sự quan tâm của các Cổ đông và Nhà đầu tư đến với các hoạt động của SSI, cũng như tầm quan trọng của hoạt động truyền thông. Vì vậy SSI đẩy mạnh công tác marketing bao gồm: lên kế hoạch truyền thông chuyên nghiệp cho từng năm, quý tháng và bám sát vào chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của SSI trong từng giai đoạn, tận dụng các quan hệ khách hàng và nhà đầu tư để thúc đẩy, khai thác, các hoạt động bán chéo sản phẩm dịch vụ, duy trì quan hệ hợp tác với báo chí truyền thông, đẩy mạnh truyền thông bên ngoài và truyền thông nội bộ. Bên cạnh đó, SSI chú trọng công tác quản trị rủi ro thương hiệu.

10.7 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Biểu tượng logo của công ty được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

10.8 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Hiện tại phạm vi nghiên cứu, phân tích chuyên sâu của SSI bao gồm: kinh tế vĩ mô cũng như các chính sách nhà nước để dự đoán thị trường trong tương lai, các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam, 76 cổ phiếu lớn với tổng vốn hoá chiếm hơn 80% thị trường và hoạt động kinh doanh của hơn 100 công ty niêm yết và OTC lớn.

Bên cạnh đó, SSI chú trọng phát triển các sản phẩm mới đặc biệt sản phẩm tài chính cơ cấu trúc, cũng như công nghệ thông tin để theo đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

10.9 Chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty

4 chiến lược chính trong kinh doanh, định hướng phát triển của SSI trong những năm tới bao gồm:

(i) Nâng cao tinh minh bạch và phát triển bền vững. Cụ thể, SSI tiếp tục phát triển bền vững dưới mô hình nhà môi giới cung cấp đầy đủ các dịch vụ (full-service broker), cung cấp từ dịch vụ Chứng khoán cho khách hàng cá nhân đến dịch vụ Ngân hàng đầu tư, Quản lý quỹ nhằm tạo nên một hệ sinh thái để các mảng dịch vụ kinh doanh, các mảng hoạt động của Công ty hỗ trợ lẫn nhau, từ đó mang lại vị thế cạnh tranh cho SSI trên thị trường cũng như cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng. Đồng thời, chiến lược phát triển bền vững dưới mô hình nhà môi giới cung cấp đầy đủ các dịch vụ cũng giúp SSI giảm thiểu rủi ro của biến động của nền kinh tế, do cơ cấu doanh thu được phân bổ đều cho 5 Khối kinh doanh.

(ii) Giảm thiểu rủi ro bằng cách xây dựng, phát triển hệ thống quản trị rủi ro 3 lớp giám sát: đơn vị kinh doanh, đơn vị kiểm soát tuân thủ, và ủy ban kiểm toán nội bộ đối với rủi ro hoạt động, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro pháp luật.

(iii) Mở rộng mạng lưới môi giới, cũng như những chính sách ưu đãi cho khách hàng nhằm dễ dàng tiếp cận với khách hàng và thu hút khách hàng mới.

(iv) Tối ưu hoá công nghệ trong nghiệp vụ phát hành và giao dịch cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục 2019 và 2020 như sau:



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SSI**

Bảng 10: Cơ cấu nhân sự Công ty

TT	Tính chất phân loại	SSI	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính	909	
1	Nam	409	45,5%
2	Nữ	500	54,4%
II	Theo trình độ		
1	Số lao động có trình độ Cao đẳng	10	1%
2	Số lao động có trình độ Đại học	786	86,5%
3	Số lao động có trình độ Thạc sỹ	103	11,4%
4	Số lao động khác	10	1,1%
III	Phân theo độ tuổi		
1	Dưới 30	373	41%
2	Từ 30-40	429	47,3%
3	Từ 40-50	97	10,6%
4	Từ 50 trở lên	10	1,1%

Nguồn: SSI

11.2 Chính sách nhân sự

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc của lao động: 40 giờ trong tuần, 08 giờ mỗi ngày;

Được cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc và các phụ cấp công tác, các chính sách khác, cụ thể như sau:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Tiêu chí tuyển dụng được đảm bảo công bằng, minh bạch cho mọi đối tượng, từ những sinh viên mới ra trường tới những ứng viên đã có kinh nghiệm trên thị trường tài chính. SSI luôn tạo cơ hội, điều kiện để nhân viên thử sức, khuyến khích nỗ lực cả nhân trong tập thể.

Trong năm 2020, sự bùng phát của Đại dịch Covid-19 đã khiến nền kinh tế của các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải hạn chế các hoạt động tuyển dụng, người lao động phải đối mặt với nguy cơ giảm giờ làm, giảm lương hoặc xấu hơn là mất việc. Đối với SSI, đây lại là cơ hội tốt để tìm kiếm và chiêu mộ những nhân sự tốt trên thị trường lao động. SSI đã chào đón 200 thành viên mới trên toàn hệ thống năm 2020 để tăng cường lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển Công ty, với độ tuổi chủ yếu dưới 40 tuổi và có sự phân bổ tương đối hợp lý giữa giới tính của ứng viên.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của SSI. Công ty cung cấp các khóa đào tạo, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCKNN, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng quản trị (khách hàng, đối ngũ, tổ chức). Công ty đã dành trên 2,8 tỷ VNĐ ngân sách cho các hoạt động đào tạo năm 2020, với số giờ đào tạo trung bình/nhân viên đạt 14 giờ, tương đương chi phí 3 triệu VNĐ/nhân viên.

Chính sách lương và phúc lợi

SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Position – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc). Phương pháp chi trả lương 3P khắc phục được các nhược điểm của phương pháp trả lương truyền thống như quá chú trọng đến bằng cấp hoặc thâm niên, không phân biệt được năng lực thực hiện công việc và đóng góp của cá nhân vào hiện thực hóa mục tiêu doanh nghiệp. Với phương pháp này SSI có thể: Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tinh cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng; Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương lương xứng với năng lực; Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, SSI duy trì hệ thống đãi ngộ - phúc lợi toàn diện "365 ngày phúc lợi":

365
ngày phúc lợi

Cơ cấu thu nhập của nhân viên SSI

1. Tiền lương

- Lương cơ bản/ Lương cố định hàng tháng
- Lương tháng thứ 13
- Lương theo hiệu quả làm việc/ Lương doanh số

2. Các chế độ đãi ngộ khác

- Thưởng Đánh giá công việc
- Phúc lợi các dịp lễ tết trong năm
- Thưởng thâm niên
- Các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, chi phí đi lại, đồng phục
- Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm Xã hội bắt buộc: bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Thực hiện Khám sức khỏe định kỳ
- Bảo hiểm sức khỏe cao cấp, đồng thời hỗ trợ thêm nhân viên qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân
- Bảo hiểm du lịch đời với các đối tượng thường xuyên đi công tác nước ngoài

Năm 2020, Đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng đã ngay lập tức tác động tiêu cực tới tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, và SSI không phải là ngoại lệ. Trong quý đầu năm 2020, Công ty đã ghi nhận nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh khi tác động của dịch bệnh đã gây ảnh hưởng tới hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi, điều này đòi hỏi Công ty cần kiểm soát chặt và giảm bớt chi phí vận hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, với nguyên tắc luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất, Công ty không thực hiện thay đổi hay cắt giảm thu nhập của người lao động trong thời gian dịch bệnh. SSI đã thực hiện chi trả hơn 498,64 tỷ VNĐ cho cán bộ nhân viên, cao hơn 16,7% so với năm 2019, trong đó hạng mục chi thưởng và phúc lợi chiếm 48,3% tổng các đãi ngộ chi trả.

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN, ...), cũng như các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Bộ Luật lao động. Ngoài tiền lương và tiền thưởng, nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Đối tượng được phát hành là cán bộ chủ chốt của Công ty, đáp ứng một hoặc một số các tiêu chí như: về thời gian làm việc, đạt kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh xuất sắc; các chuyên gia, nhân sự cấp cao. Việc phát hành được duy trì hầu như mỗi năm, cụ thể gần đây nhất là năm 2017 đến 2019, Công ty đã phát hành 10.000.000 cổ phần mỗi năm, và ESOP năm 2020 phát hành 7.500.000 cổ phần và phân bổ 2.000.000 cổ phiếu quỹ cho người lao động dự kiến hoàn tất trong năm 2021.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc năm tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở: Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật hiện hành



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Việc chi trả cổ tức được thực hiện căn cứ tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định của HĐQT sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho Cổ đông. Đặc biệt trong năm 2020, Công ty đã tiến hành thành công đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16% vào tháng 03/2020, và cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 10% vào cuối tháng 7. SSI tự hào là một trong số rất ít các doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 có đủ khả năng chi trả cổ tức với tỉ lệ lớn, cũng như duy trì tỉ lệ cổ tức tiền mặt ổn định trong nhiều năm, đảm bảo thu nhập cho cổ đông đặc biệt trong khủng hoảng kinh tế do Đại dịch Covid-19.

Bảng 11: Tỷ lệ cổ tức thực chi trả qua các năm

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/VDL)	10% (tiền mặt) và 16% (bằng cổ phiếu)	10%

Nguồn: SSI

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm gần nhất, toàn bộ số tiền thu được từ các đợt phát hành được sử dụng đúng mục đích theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

Bảng 12: Tình hình sử dụng vốn từ các đợt chào bán gần nhất

Năm	Các đợt phát hành	Nguồn vốn thu được (VND)	Mục đích sử dụng vốn	Các Nghị quyết
02/2020	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019
05/2020	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	828.819.290.000		Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/11/2019
04/2021	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	468.594.910.000		Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/01/2018 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021
06/2021	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	75.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2020 Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2020

Nguồn: SSI

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

CTCP Chứng khoán SSI cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	26.680.470	35.429.022	32,8%	41.538.290
2	Vốn chủ sở hữu	9.103.760	9.590.867	5,4%	11.095.887
3	Doanh thu thuần	3.150.453	4.522.651	43,6%	3.243.183
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.006.628	1.559.845	55,0%	1.230.043
5	Lợi nhuận khác	6.887	5.088	-26,1%	1.692
6	Lợi nhuận trước thuế	1.013.516	1.564.934	54,4%	1.231.735
7	Lợi nhuận sau thuế	824.862	1.266.613	53,6%	992.353
8	Tỷ lệ LNST trên VCSH	9,06%	13,21%		8,94%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2019 và năm 2020; BCTC nặng quý II năm 2021

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	27.044.115	35.769.528	32,3%	41.909.854
2	Vốn chủ sở hữu	9.401.059	9.872.797	5,0%	11.399.851
3	Doanh thu thuần	3.301.484	4.575.554	38,6%	3.303.038
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.098.616	1.552.457	41,3%	1.261.696
5	Lợi nhuận khác	6.906	5.095	-26,2%	1.850
6	Lợi nhuận trước thuế	1.105.523	1.557.553	40,9%	1.263.546
7	Lợi nhuận sau thuế	907.096	1.255.931	38,5%	1.014.546
8	Tỷ lệ LNST trên VCSH	9,65%	12,72%		8,9%

Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và năm 2020; BCTC hợp nhất quý II năm 2021

Năm 2020, SSI ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.575 tỷ VNĐ – tăng 38,5% so với doanh thu năm 2019, đạt 166% kế hoạch kinh doanh. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế (LNST) đạt 1.557,6 tỷ VNĐ, tăng 40,8% so với kết quả năm 2019, đạt 179% kế hoạch kinh doanh 2020 về lợi nhuận.

Môi giới chứng khoán và dịch vụ khách hàng là mảng mang lại nhiều doanh thu nhất cho SSI, chiếm hơn 40% tổng doanh thu.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập

Công ty đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2020 theo đúng quy định. Đơn vị thực hiện kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã đưa ý kiến chấp thuận toàn phần phân đối với các báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2020.

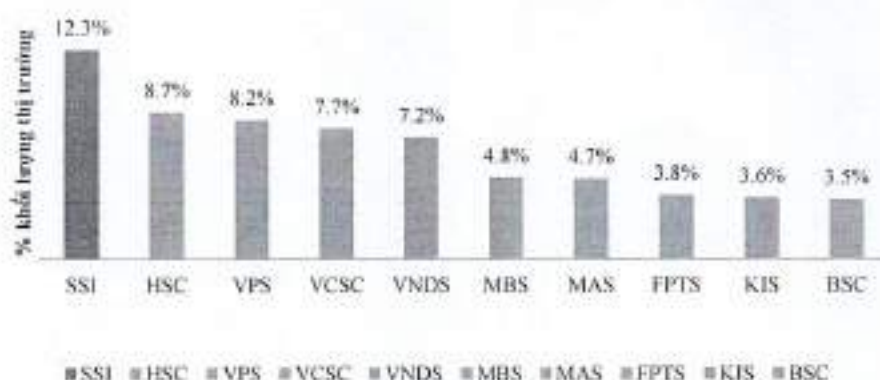
1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020

Trái ngược với tất cả những dự báo ban đầu, và bất chấp một năm thảm khốc của Covid-19, thị trường chứng khoán Việt Nam đã vượt lên một cách ngoạn mục. Tổng giá trị giao dịch tăng lên 80,3 tỷ USD hay +54% YoY, trong khi chỉ số VN-Index tăng +14,9% YoY. Các thị giá cổ phiếu của các công ty chứng khoán niêm yết đã có một năm tung bừng với mức tăng trung bình là +107,7% YoY, vượt trội so với thị trường. Từ mức đáy hồi tháng 3, chỉ số chứng khoán của ngành đã tăng trở lại +219%, cao hơn mức phục hồi 67% của VN-Index. Tất cả các công ty chứng khoán đều có cổ phiếu ghi nhận mức tăng giá mạnh, bao gồm SSI (+126,3% YoY), VCI (+110% YoY), VND (+116,5% YoY), HCM (+52,5% YoY), SHS (+256,4% YoY), FTS (+61,8% YoY), BSI (+58,6% YoY).

Những điểm nổi bật chính về lĩnh vực:

- **Kết quả kinh doanh phục hồi trong nửa cuối năm 2020:** Top 7 công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam¹ đã báo cáo kết quả kinh doanh xuất sắc trong năm 2020, với LNTT tăng 31,3% YoY lên 5,6 nghìn tỷ đồng. Điều này chủ yếu nhờ vào thu nhập từ giao dịch tự doanh (+73,2% YoY) do thị trường phục hồi và phí môi giới rộng (+45,1% YoY) so với năm 2019.

Hình 7: 10 công ty chứng khoán hàng đầu chiếm 64,5% thị phần môi giới tại HOSE (2020)



Nguồn: HOSE

- **Thanh khoản thị trường được cải thiện:** Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày tăng +52,3% YoY trong năm 2020 lên 7,4 nghìn tỷ đồng sau khi giao dịch đình trệ trong năm 2019. Lãi suất huy động dần giảm xuống mức thấp kỷ lục trong năm, khiến thị trường chứng khoán trở nên hấp dẫn hơn. Vốn hóa thị trường đạt 231,6 tỷ USD - tương đương 67,3% GDP.

¹ Top 7 công ty bao gồm: SSI, VPBS, HSC, MBS, VCSC, VNDS và Mirae Asset

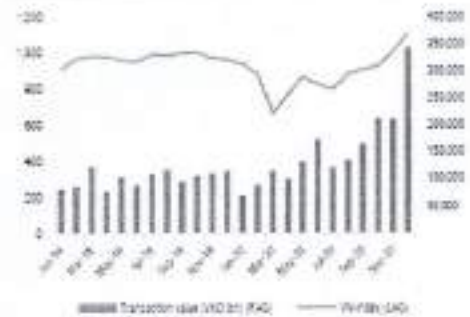
Hình 8: Thống kê giao dịch 2019-2020

Average daily turnover and foreign trading



Source: HOSE

Transaction value and VN-Index



Source: HSX, HNX, SSI Research

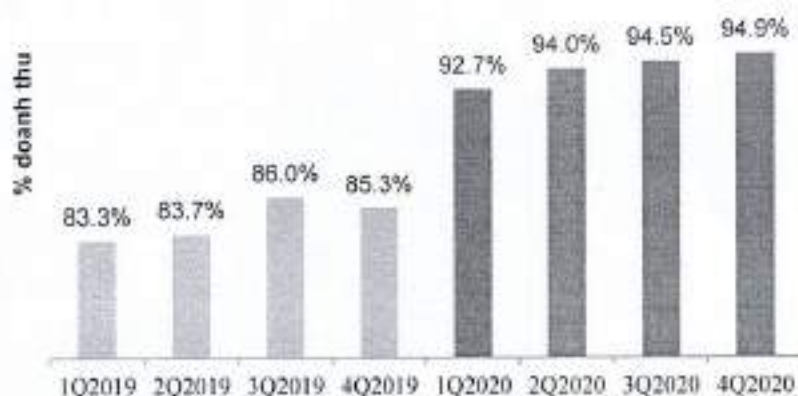
- Trong năm 2020, chúng tôi ghi nhận một làn sóng lớn các nhà đầu tư trong nước lần đầu tham gia vào thị trường. Số lượng tài khoản giao dịch do các nhà đầu tư cá nhân mới trong nước đã tăng lên mức cao kỷ lục trong năm, đạt 392.527 tài khoản vào năm 2020, tương đương +109% YoY. Các nhà đầu tư trong nước (chủ yếu là khách hàng) chiếm thị phần lớn nhất của thị trường, với tỷ trọng giá trị giao dịch của họ tăng từ 85,9% năm 2019 lên 88,7% vào năm 2020. Thị phần môi giới chuyển dịch nhiều hơn sang các công ty tập trung vào kinh doanh môi giới khách hàng cá nhân như VPS, VND, MBS, BSC, MAS, ... Các công ty này đưa ra mức hoa hồng hấp dẫn với tỷ lệ kỳ quỹ thấp và các sản phẩm đa dạng có thu nhập cố định cho khách hàng cá nhân.

Hình 9: Giá trị giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong nước theo % của Tổng thị trường 2016

% Doanh thu trong nước so với Tổng thị trường
2016 - 2020



% Doanh thu trong nước so với Tổng thị trường theo từng quý 2019 - 2020



Nguồn: SSI Research

Cho vay kỳ quỹ tăng 46% so với thời điểm quý 1/2020 cho đến quý 4 năm 2020 lên 70,2 nghìn tỷ đồng. Đến quý 1/2021, tổng số dư cho vay kỳ quỹ toàn thị trường là 91,0 nghìn tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 36,2% so với thời điểm cuối năm 2020. Tại thời điểm cuối năm 2020, SSI đứng thứ 2 về số dư cho vay kỳ quỹ với dư nợ cho vay (bao gồm cả ứng trước tiền bán) là 9,2 nghìn tỷ đồng. Giao dịch thị trường tăng nhanh kéo theo nhu cầu rất lớn từ các nhà đầu tư cho dịch vụ vay kỳ quỹ, giúp cho đa số các công ty chứng khoán có kết quả kinh doanh tăng trưởng rất tốt từ mảng dịch vụ này.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 15: Tình hình vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.103.760	9.590.868	11.095.887
Vốn góp Chủ sở hữu	5.100.637	6.029.456	6.573.051
Thặng dư vốn cổ phần	29.471	29.471	826.367
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	113.779	113.779	-
Cổ phiếu quỹ	(19.126)	(34.662)	(21.294)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	260.974	(3.793)	(3.793)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	474.304	519.187	577.440
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	389.796	434.680	492.932
Lợi nhuận chưa phân phối đã thực hiện	3.008.744	2.493.352	2.664.795
Lợi nhuận chưa phân phối chưa thực hiện	(254.819)	9.398	(13.612)

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2019 và năm 2020; BCTC riêng quý II năm 2021

Bảng 16: Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.401.060	9.872.798	11.399.851
Vốn góp Chủ sở hữu	5.100.637	6.029.456	6.573.051
Thặng dư vốn cổ phần	29.471	29.471	826.367
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	113.779	113.779	
Cổ phiếu quỹ	(19.126)	(34.662)	(21.294)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	259.495	(4.722)	(3.793)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.382	39.377	37.691
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	477.304	522.187	580.440
Quỹ dự phòng tái chính và rủi ro nghiệp vụ	392.796	437.680	495.932
Lợi nhuận chưa phân phối đã thực hiện	3.194.601	2.660.148	2.842.424
Lợi nhuận chưa phân phối chưa thực hiện	(253.134)	16.668	6.367
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	64.855	63.415	62.665

Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và năm 2020; BCTC hợp nhất quý II năm 2021

b) Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Máy móc và thiết bị: 3 - 5 năm
- Phương tiện vận tải: 6 năm
- Thiết bị văn phòng: 3 - 5 năm
- Phần mềm: 3 - 5 năm
- Tài sản cố định vô hình khác: 2 - 5 năm

c) Mức lương bình quân

Bảng 17: Mức lương bình quân

Năm	Số lượng nhân sự (cuối năm)	Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự (VND)	Trung bình 1 nhân sự (VND)
2020	909	498.640.739.923	548.559.670
2019	966	427.173.375.580	442.208.463
2018	1026	480.312.281.012	468.140.625
2017	887	375.003.139.961	422.776.933
2016	720	259.657.568.619	360.635.512

Nguồn: SSI



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Lương trung bình của người lao động tại SSI cũng ghi nhận sự tăng trưởng ổn định, từ 360 triệu đồng/năm năm 2016 lên đến 549 triệu đồng/tháng năm 2020, tăng trưởng 52%. Đây là mức thu nhập khá so với mức lương cơ bản quy định bởi Nhà nước đối với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn.

d) Tình hình công nợ

Các khoản phải thu:

Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	77.326	307.562	455.278
1	Phải thu bán các tài sản tài chính	318.468	304.395	266.929
2	Phải thu và dự thu cổ tức, liên lãi các tài sản tài chính	20.474	81.998	101.621
3	Trả trước người bán	9.247	198.770	344.253
4	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	35.359	21.850	17.145
5	Các khoản phải thu khác	2.052	1.926	3.367
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(308.274)	(301.377)	(278.037)

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC riêng Quý II năm 2021

Bảng 19: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	99.775	317.869	468.410
1	Phải thu bán các tài sản tài chính	330.069	304.395	266.929
2	Phải thu và dự thu cổ tức, liên lãi các tài sản tài chính	20.474	82.002	101.621
3	Trả trước người bán	10.348	199.103	345.935
4	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	43.254	28.546	24.741
5	Các khoản phải thu khác	3.904	5.200	7.220
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(308.274)	(301.377)	(278.037)

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC hợp nhất Quý II năm 2021



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Các khoản phải trả:

Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I.	Nợ ngắn hạn	16.390.788	25.813.202	30.435.227
1	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	15.550.226	23.351.486	27.578.087
2	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn – Cấu phần nợ	-	1.146.531	-
3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30.255	217.447	96.784
4	Phải trả người bán ngắn hạn	28.222	30.300	91.156
5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.122	3.702	3.513
6	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	51.644	109.919	252.794
7	Phải trả người lao động	24.346	22.437	12.783
8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	189	8	120
9	Chi phí phải trả ngắn hạn	94.201	81.992	72.813
10	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10	82	60
11	Phải trả ngắn hạn khác	343.613	620.671	2.075.313
12	Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
13	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	262.960	228.628	251.805
II.	Nợ dài hạn	1.185.923	24.953	7.176
1	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	1.105.938	-	-
2	Trái phiếu phát hành dài hạn	-	-	-
3	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-
4	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	1.800	1.700
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	79.985	23.153	5.476
Tổng cộng		17.576.711	25.838.155	30.442.403

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC riêng Quý II năm 2021

Bảng 21: Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I.	Nợ ngắn hạn	16.409.541	25.823.379	30.451.834
1	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	15.550.226	23.351.486	27.578.087
2	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn – Cấu phần nợ	-	1.146.531	-
3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30.255	217.447	96.784
4	Phải trả người bán ngắn hạn	30.032	31.321	92.774

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.122	3.702	3.513
6	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	59.461	112.846	257.796
7	Phải trả người lao động	27.172	27.144	13.783
8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	399	7	119
9	Chi phí phải trả ngắn hạn	98.991	80.266	68.834
10	DT chưa thực hiện ngắn hạn	335	82	6.994
11	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.231	1.509	1.503
12	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	343.357	622.410	2.079.843
13	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	262.960	228.628	251.805
II.	Nợ dài hạn	1.233.514	73.352	58.168
1	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	1.105.938	-	-
2	Trái phiếu phát hành dài hạn	-	-	-
3	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-
4	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	51.187	52.987	52.887
5	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	76.389	20.365	5.281
	Tổng cộng	17.643.055	25.896.731	30.510.003

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC hợp nhất Quý II năm 2021

e) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này.

f) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 22: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Thuế và các khoản các khoản phải nộp Nhà nước	51.644	109.919	252.794
1	Thuế giá trị gia tăng	1.125	566	305
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.018	54.641	154.274
3	Thuế thu nhập cá nhân	22.663	49.717	89.881
4	Các loại thuế khác	3.838	4.994	8.334

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC riêng Quý II năm 2021

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản Thuế VAT, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân và các khoản Thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 23: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước Hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	59.461	112.846	257.796
1	Thuế giá trị gia tăng	1.187	569	305
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.583	55.955	157.762
3	Thuế thu nhập cá nhân	23.278	50.683	90.819
4	Các loại thuế khác	4.413	5.639	8.909

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC hợp nhất Quý II năm 2021

g) Trích lập các Quỹ theo Luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 24: Số dư các Quỹ của Công ty mẹ tại từng thời điểm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	262.960	228.628	251.805
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	474.304	519.187	577.440
3	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	389.796	434.680	492.932
	Tổng cộng	1.127.060	1.182.495	1.322.177

Nguồn: BCTC Kiểm toán của Công ty năm 2019 và năm 2020; BCTC riêng Quý II năm 2021

Bảng 25: Số dư hợp nhất các Quỹ của Công ty tại từng thời điểm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	262.960	228.628	251.805
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	477.304	522.187	580.440
3	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	392.796	437.680	495.932
	Tổng cộng	1.133.060	1.188.495	1.328.177

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC hợp nhất Quý II năm 2021

h) Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng dư nợ vay trên BCTC Công ty mẹ và dư nợ vay trên BCTC Hợp nhất là 24.498 tỷ đồng.

Bảng 26: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Vay ngắn hạn	15.550.226	23.351.486	27.578.087
	Vay thấu chi	5.679.096	5.207.661	3.681.792



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
	Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng	9.871.130	18.143.825	23.896.295
2	Vay và nợ dài hạn	1.105.938	1.146.531	-
	Phát hành trái phiếu dài hạn	1.105.938	1.146.531	-
	Tổng nợ vay	16.656.164	24.498.017	27.578.087

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC riêng Quý II năm 2021

Bảng 27: Tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Vay ngắn hạn	15.550.226	23.351.486	27.578.087
	Vay thấu chi	5.679.096	5.207.661	3.681.792
	Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng	9.871.130	18.143.825	23.896.295
2	Vay và nợ dài hạn	1.105.938	1.146.531	-
	Phát hành trái phiếu dài hạn	1.105.938	1.146.531	-
	Tổng nợ vay	16.656.164	24.498.017	27.578.087

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2019 và 2020; BCTC hợp nhất Quý II năm 2021

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ của Công ty.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 28: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.36	1.12
- Hệ số thanh toán nhanh:		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1.36	1.12
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.65	0.72
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.88	2.62
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.13	0.14
- Vòng quay vốn lưu động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	0.15	0.17
- Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Không khả dụng	Không khả dụng
4. Khả năng sinh lời		

Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất	Năm 2019	Năm 2020
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	28.0%	28.8%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3.6%	4.0%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	9.8%	13.0%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.430	1.955

Bảng 29: Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ

Các chỉ tiêu tài chính công ty mẹ	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.34	1.11
- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1.34	1.11
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.66	0.73
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.93	2.69
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.12	0.14
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	0.14	0.17
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Không khả dụng	Không khả dụng
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	26.4%	29.5%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3.3%	4.1%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	9.2%	13.6%

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI do công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm hoạt động kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 30: Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	%Tăng/Giảm
Doanh thu thuần	4.523	5.263	16,4%
Lợi nhuận trước thuế	1.565	1.870	19,5%
Lợi nhuận sau thuế	1.267	/	/
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	22,77%	/	/
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	28,0%	/	/
Tỷ lệ cổ tức/Vốn Điều Lệ (%)	10%	10%	0,0%

Nguồn: SSI

Bảng 31: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	%Tăng/ Giảm
Vốn Điều lệ	6.029	Tối đa 11.000	82,4%
Doanh thu thuần	4.576	5.263	20,5%
Lợi nhuận trước thuế	1.558	1.870	20,0%
Lợi nhuận sau thuế	1.256	/	/
Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ (%)	20,8%	/	/
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	27,4%	/	/
Tỷ lệ cổ tức/Vốn Điều Lệ (%)	10%	10%	0,0%

Nguồn: SSI

- 4.2 **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:** Đại hội đồng cổ đông

Kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2021 được trình bày tại Tờ trình "Kế hoạch kinh doanh năm 2021" và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- 4.3 **Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã tạo ra lực cản cho nền kinh tế, nền kinh tế được kỳ vọng sẽ phục hồi nhanh chóng nhờ sự hỗ trợ rộng rãi của Chính phủ kể từ khi dịch bùng phát bắt đầu, sự gia tăng của các nhà đầu tư cá nhân và sự đột phá trong phát triển vắc xin trên toàn cầu.

- **Chính sách tiền tệ mở rộng và phục hồi kinh tế:** Theo kịch bản cơ sở của chúng tôi, chúng tôi kỳ vọng rằng các chuyến bay thương mại quốc tế sẽ dần trở lại từ Quý 3 năm 2021, với việc tiêm chủng hàng loạt đã bắt đầu ở các quốc gia phát triển, và lượng du khách quốc tế phục hồi. Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng trong nước và đầu tư nước ngoài sẽ cải thiện vào năm 2021. Tuy nhiên, với tình hình dịch Covid-



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

19 diễn biến phức tạp gần đây, nền kinh tế Việt Nam sẽ có thể phải chịu ảnh hưởng ngắn hạn. Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng rằng NHNN sẽ tiếp tục chính sách mở rộng thận trọng, với lãi suất thị trường giao động ở mức gần đây cho đến khoảng giữa tới cuối năm. Chúng tôi cũng kỳ vọng tăng trưởng tín dụng sẽ tăng từ 13%-14% YoY, cao hơn mức 11%-12% được công bố vào năm 2020.

- **Tình thanh khoản của thị trường** trong năm 2021 sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất thấp của 6 tháng đầu năm 2021, với sự phục hồi kinh tế trên diện rộng dự tính đạt được vào nửa sau của năm 2021. Trong khi các nhà đầu tư nhỏ lẻ sẽ tiếp tục là máu chốt chính của thị trường, các nhà đầu tư nước ngoài nhiều khả năng sẽ quay trở lại, được thu hút bởi triển vọng tăng giá của VND. Trên thực tế, tổng giá trị giao dịch cả ba sàn trong tháng 05/2021 chứng kiến mức tăng trưởng chưa từng có, đạt mức 26.171 tỷ đồng/ngày, tăng tới 75.5% so với trung bình tháng 12/2020 là 14.914 tỷ đồng. Kế hoạch kinh doanh được xây dựng trên cơ sở giá trị giao dịch trung bình phiên trong năm 2021 là khoảng 15.000 tỷ đồng. Các công ty chứng khoán sẽ tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong thu nhập phí môi giới và thu nhập cho vay ký quỹ.
- **Số dư cho vay ký quỹ** sẽ tiếp tục tăng trong năm 2021, dựa trên thanh khoản được cải thiện và tăng khả năng thâm nhập thị trường. Quan trọng hơn, các công ty chứng khoán đang tăng cường tham gia vào thị trường tín dụng, mở rộng tín dụng cho các công ty dưới hình thức trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc cho vay ký quỹ, với các điều khoản linh hoạt hơn so với tín dụng ngân hàng.
- **Dịch vụ ngân hàng đầu tư** dự kiến sẽ tăng trưởng do triển vọng thu nhập chung của Việt Nam được cải thiện trong các năm 2020 và 2021. Các hoạt động IPO và M&A sẽ tiếp tục trở lại, đặc biệt là trong nửa cuối năm 2021. Ngược lại, khối lượng phát hành trái phiếu dự kiến sẽ giảm do các hạn chế áp đặt bởi Nghị định 153 về chào bán trái phiếu riêng lẻ. Tuy nhiên, một số ít công ty chứng khoán (TCBS, VPS, MBS, VND, v.v.) có thể tiếp tục thu phí từ việc phân phối trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn dài đã phát hành trong những năm trước.
- **Thu nhập từ hoạt động tự doanh nên duy trì ở mức tích cực:** Trong kịch bản cơ sở của chúng tôi, chúng tôi đặt mục tiêu với mức tăng khoảng 17,6% cho VN Index vào năm 2021, tương đương với tỷ số P/E 18,1 lần, so với con số 16 lần vào cuối năm 2020 (giá định lợi nhuận tăng mạnh với mức 23% YoY trên toàn thị trường vào năm 2021). Giá cổ phiếu có thể được hỗ trợ thêm do tỷ trọng của Việt Nam trong MSCI tăng lên. Chúng tôi tin rằng có nhiều cơ hội để các công ty chứng khoán kiếm được lợi nhuận tích cực từ giao dịch cổ phiếu vào năm 2021. Với sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường vào năm 2020, điều mà đã làm cho thu nhập từ giao dịch cổ phiếu tăng mạnh, việc duy trì tăng trưởng vào năm 2021 vẫn sẽ là một thách thức lớn.

Cùng với những dự báo tích cực về tiềm năng tăng trưởng kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 cũng được kỳ vọng sẽ có sự phát triển mạnh mẽ trên tất cả các khía cạnh như giá trị giao dịch, dòng vốn ngoại hồi phục, phát triển sản phẩm mới cũng như nền tảng pháp lý có hiệu lực ngay từ đầu của năm tạo tiền đề cho sự tăng trưởng của thị trường. Bên cạnh đó, năm 2021 cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là từ các công ty có vốn nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh tại SSI được xác định cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung - dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững: chất lượng sản phẩm và dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển hệ thống. Với đặc thù của ngành tài chính, một cuộc khủng hoảng tài chính của một thành phần trong thị trường có thể tạo ra một cuộc khủng hoảng hệ thống. Chính vì vậy, tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của SSI để có thể tồn tại và phát triển vững chắc đồng hành cùng sự phát triển của thị trường.

Công ty không chọn theo đuổi chiến lược tăng trưởng liều lĩnh và rủi ro cao mà tập trung vào các giải pháp xây dựng và bảo vệ thị trường, giữ cho nhà đầu tư an toàn và hiệu quả trong dài hạn, dựa trên khẩu hiệu "Cùng nhau thành công".

Trong năm 2021, SSI đặt mục tiêu tăng trưởng LNST 20% thông qua việc tối ưu hóa doanh thu và chi phí, đặt mục tiêu tổng doanh thu năm 2021 là 5.263 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 1.870 tỷ đồng. SSI cũng đặt mục tiêu tăng tổng tài sản thêm 10% để sử dụng cho hoạt động cho vay ký quỹ, hoạt động đầu tư nguồn vốn trên thị trường tiền tệ.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP, CỔ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổ chức phát hành không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm hiện tại, Công ty có 4 cổ đông sở hữu trên 5% vốn, thông tin như sau:

STT	Cá nhân/ tổ chức (tên người đại diện theo pháp luật)	Năm thành lập	Số ĐKSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Đại diện theo pháp luật
1	Daiwa Securities Group Inc (*)	1999	CS6098, 03/07/2007, VSD	9-1 Marunouchi 1- chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	
2	Công ty TNHH Đầu tư NDH (**)	2009	0104285751, 30/10/2014	Tầng 16, tòa tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Ông Nguyễn Duy Hưng
3	Công Ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh (**)	2013	0312490624, 04/10/2013, Số KHĐT TP.HCM	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Bà Hà Thị Thanh Vân
4	En Fund L.P. (***)	2014	CB4271, 29/01/2018, VSD	Cricket Square, Hutchins Drive, P.O.Box 2681, Grand Cayman, Cayman Island	

Nguồn: SSI

3. Chú thích về cổ đông lớn

(*) Daiwa Securities Group Inc được thành lập vào năm 1999, là một trong những công ty cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện hàng đầu ở Châu Á, Daiwa Securities Group điều hành các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như Bán lẻ, Thị trường Toàn cầu, Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu, Quản lý Tài sản và Đầu tư. Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI từ năm 2008 và hiện sở hữu ~ 18% cổ phần của SSI. Daiwa hỗ trợ SSI trong việc phát triển thị trường cũng như hợp tác chiến lược trong việc huy động vốn và quản lý hai Quỹ đầu tư tư nhân do SSIAM giám sát. Daiwa có một đại diện là thành viên HĐQT tại SSI.

(**) Công ty TNHH Đầu tư NDH (thành lập năm 2009 và thuộc sở hữu của ông Nguyễn Duy Hưng) và Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh (thành lập năm 2013 và thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng Nam và bà Hà Thị Thanh Vân) là 2 tổ chức được thành lập để quản lý tài sản của các cá nhân góp vốn.

(***) EN Fund L.P được thành lập bởi Ngân hàng Phát triển Nhật Bản Inc. (DBJ) và CP Group (đến từ Thái Lan). Năm 2021, EN Fund L.P đã chuyển đổi 46.859.491 cổ phiếu phổ thông SSI từ trái phiếu chuyển đổi, tương đương tỷ lệ sở hữu 7,13%. Năm 2020, DBJ, CP Group và SSI đã cùng thành lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam. Quỹ được đồng quản lý bởi DBJ, CT Bright (CTB) - thuộc sở hữu của CP Group, và SSI Assets Management với quy mô quỹ là 150 triệu USD.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

Bảng 32: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (*)	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
1	Daiwa Securities Group Inc		118.294.620 cổ phần chiếm 18%	177.441.930 cổ phần chiếm 18%
1.1	Người có liên quan của cổ đông: Ông Hironori Oka	Không	Không	Không
2	Công ty TNHH Đầu tư NDH		62.825.126 cổ phần chiếm 9,56%	94.237.689 cổ phần chiếm 9,56%
2.1	Người có liên quan của cổ đông: Ông Nguyễn Duy Hưng	Không	4.189.800 cổ phần chiếm 0,65%	6.284.700 cổ phần chiếm 0,64%
2.2	Người có liên quan của cổ đông: Ông Nguyễn Duy Khánh	Không	1.244.000 cổ phần chiếm 0,19%	1.866.000 cổ phần chiếm 0,19%
3	Công Ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh		36.600.713 cổ phần chiếm 5,57%	54.901.070 cổ phần chiếm 5,57%
3.1	Người có liên quan của cổ đông: Ông Nguyễn Hồng Nam	Không	1.862.000 cổ phần chiếm 0,28%	2.793.000 cổ phần chiếm 0,28%
4	En Fund L.P.	46.859.491 cổ phần chiếm 7,13%	46.859.491 cổ phần chiếm 7,13%	70.289.237 cổ phần chiếm 7,13%
4.1	Người có liên quan của cổ đông: Không có	Không	Không	Không
	Tổng cộng		271.875.750 cổ phần chiếm 41,36%	407.813.625 cổ phần chiếm 41,36%

(*) Tỷ lệ sở hữu được tính theo 657.305.104 cổ phiếu

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông lớn không có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SSI

4. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng

Bảng 33: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/ Hộ chiếu
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	1962	220895567
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT	1967	033067002567
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên độc lập HĐQT	1951	010026277
4	Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên độc lập HĐQT	1954	300540000026
5	Ông Hironori Oka	Thành viên HĐQT	1963	TZ1043285
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	1991	001091012958
ỦY BAN KIỂM TOÁN				
1	Ông Ngô Văn Điểm	Trưởng Ủy ban Kiểm toán	1951	010026277
2	Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	1954	300540000026
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin	1967	033067002567
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Bà Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	1982	023529105

4.1 Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	Người đại diện theo pháp luật
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán
4	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	
5	Ông Hironori Oka	Thành viên HĐQT	
6	Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

a. Ông NGUYỄN DUY HƯNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN DUY HƯNG
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 20 Lam Sơn, Nha Trang, Khánh Hòa
- Số chứng minh nhân dân: 220895567
- Điện thoại liên hệ: (84-28) 38242897
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại SSI: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Tập đoàn PAN
 - Chủ sở hữu tại Công ty TNHH Đầu tư NDH
 - Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Thực phẩm PAN
 - Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Phân phối hàng tiêu dùng Pan
 - Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Cà phê Golden Beans
 - Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Atani Holdings

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2013 - nay	Công ty CP Tập đoàn PAN	Chủ tịch HĐQT
Từ 1999 - 2020	Công ty CP Chứng khoán SSI	Người sáng lập, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 2020 - nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ sở hữu, Tổng giám đốc
Hiện nay	Công ty CP Thực phẩm PAN	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Công ty CP Phân phối hàng tiêu dùng Pan	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Công ty CP Cà phê Golden Beans	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Công ty CP Atani Holdings	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 4.189.800 cổ phần chiếm 0,64%% VDL
 - Sở hữu đại diện: Đại diện Công ty TNHH Đầu tư NDH: 62.825.126 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,56%
 - Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ông Nguyễn Duy Khánh	Con	1.244.000	0,19%
2	Bà Đoàn Thị Hồng Thuý	Mẹ vợ	2	0,00%
3	Ông Nguyễn Hồng Nam	Em	1.862.000	0,28%



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

4	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Em	5.000.000	0,76%
5	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ sở hữu	62.825.126	9,56%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 1.226.000 cổ phần chiếm 0,57% VDL của CTCP Tập đoàn PAN
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thu lao và các khoản lợi ích khác:

Năm	Tiền lương (VNĐ)	Thu lao (VNĐ)	Nhận cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
2019			Số lượng: 2.017.500 cổ phiếu Giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
2020	6.500.000.000	0	Số lượng: 900.000 cổ phiếu Giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

b. Ông NGUYỄN HỒNG NAM - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin

- Họ và tên: NGUYỄN HỒNG NAM
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 106/9B Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân: 033067002567
- Điện thoại liên hệ: (84-28) 3824 2897
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học – Đại học Bách khoa Lugansk - Ukraina
- Chức vụ hiện nay tại SSI: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Hiện nay	Công ty TNHH Bất Động sản Sài Gòn Đan Linh	Chủ tịch HĐQT
Từ 2021 - nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin
Từ 2000 - 2020	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin

Từ 1999 - 2008	Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Thành viên HĐQT
Từ 1998 - 1999	Công ty Pan Pacific – Tp HCM	Giám đốc
Từ 1994 - 1998	Vụ Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch Đầu tư	Chuyên viên

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.862.000 cổ phần, chiếm 0,28% VDL
 - Sở hữu đại diện:
 - Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Anh	4.189.800	0,64%
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Em	5.000.000	0,76%
3	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Chủ sở hữu	36.600.713	5,57%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Sở hữu 60% VDL Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Năm	Tiền lương	Thù lao	Nhận cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
2019			Số lượng: 700.000 cổ phiếu Giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
2020	4.279.545.455	0	Số lượng: 700.000 cổ phiếu Giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông NGÔ VĂN ĐIỂM - Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán

- Họ và tên: NGÔ VĂN ĐIỂM
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 206B1D Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân: 010026227
- Điện thoại liên hệ: (84-28) 3824 2897
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế - Đại học Martin-Luther Halle_Wittenberg – Đức
Đại học Tổng hợp Leipzig – Đức
- Chức vụ hiện nay tại SSI: Thành viên HĐQT độc lập; Trưởng Ủy ban Kiểm toán



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2020 - nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Ủy ban Kiểm toán
Từ 2007 - 2020	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT
Từ 2000 - 2006	Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ đặt tại Văn phòng Chính phủ	Phó Trưởng ban
Từ 1995 - 2000	Hội đồng thẩm định Nhà nước và Ban Quản lý các khu công nghiệp Việt Nam đặt tại Văn phòng Chính phủ	Vụ trưởng
Từ 1989 - 1995	Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư	Chánh Văn phòng
Từ 1975 - 1989	Ủy ban Kế hoạch Nhà nước	Phó trưởng phòng, Thư ký lãnh đạo Ủy ban

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 103.800 cổ phần, chiếm 0,02% VDL
 - Sở hữu đại diện:
 - Sở hữu của Người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Nhận cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
 Năm 2019: 40.000 cổ phiếu với giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 Năm 2020: 30.000 cổ phiếu với giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

d. Ông NGUYỄN DUY KHÁNH - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN DUY KHÁNH
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1991
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 54 ngách 61/17 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 001091012958



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

- Điện thoại liên hệ: (84-28) 38.242.897
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Đại học George Washington – Hoa Kỳ (2013)
- Chức vụ hiện nay tại SSI: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư NDH
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Hiện nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT
Hiện nay	Công ty CP Tập đoàn PAN	Thành viên HĐQT
10/2009 - nay	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 1.244.000 cổ phần, chiếm 0,19% VDL
- Sở hữu đại diện:
- Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Cha	4.189.800	0,64%
2	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tổng Giám đốc	62.825.126	9,67%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 251.562 cổ phần, chiếm 0,12% của CTCP Tập đoàn PAN
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác

Năm	Tiền lương	Thù lao	Nhận cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
2019			Số lượng: 200.000 cổ phiếu Giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
2020	0	300.000.000	Số lượng: 200.000 cổ phiếu Giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

e. Ông HIRONORI OKA – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: HIRONORI OKA
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Nhật Bản
- Quốc tịch: Nhật Bản
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place, 88 Queensway, Hồng Kông
- Số hộ chiếu: TZ1043285



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

- Điện thoại liên hệ: (84-28) 38.242.897
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Văn chương – Đại học Waseda – Nhật Bản (1986)
- Chức vụ hiện nay tại SSI: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc tại Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 04/2015 - nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT
Từ 04/2015 - nay	Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
Từ 04/2015 - nay	Daiwa Capital Markets Singapore Limited	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Daiwa Capital Markets Investments Asia Ltd	Thành viên HĐQT
Hiện nay	Daiwa Capital Markets Investments Hong Kong Limited	Thành viên HĐQT
Hiện nay	Daiwa Capital Markets Singapore Limited	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Daiwa-Cathay Capital Markets Co. Ltd.	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Daiwa Capital Markets India Private Limited	Thành viên HĐQT
Hiện nay	Daiwa Capital Markets Investment Services Pte. Ltd	Thành viên HĐQT
Hiện nay	Daiwa Securities Capital Markets Korea Co. Ltd	Thành viên HĐQT
Hiện nay	DBP-Daiwa Capital Markets Philippines, Inc.	Thành viên HĐQT
Hiện nay	Daiwa (Shanghai) Corporate Strategic Advisory Co. Ltd.	Chủ tịch HĐQT
Hiện nay	Myanmar Securities Exchange Centre, Co. Ltd.	Thành viên HĐQT
04/2011 - 09/2011	Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited	Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành
12/2009 - 04/2011	Daiwa Capital Markets America Inc.	Đồng Tổng Giám đốc, Đồng Giám đốc Hoạt động, Thành viên HĐQT
07/2009 - 04/2011	Daiwa Capital Markets America Holding Inc.	Tổng Giám đốc, Giám đốc Hoạt động, Thành viên HĐQT
05/2006 - 06/2009	Daiwa Securities SMBC Singapore Ltd. (tên hiện nay: Daiwa Capital Markets Singapore Ltd.)	Tổng Giám đốc, Giám đốc Vận hành
02/2003 - 04/2006	Daiwa Securities SMBC Co. Ltd. (tên hiện nay: Daiwa Securities Capital Markets Co. Ltd.)	Giám đốc, phòng Khách hàng Công ty Nhật Bản, Khối Khách hàng tổ chức

07/2000 - 01/2003	Daiwa Securities SMBC-Cathay Co. Ltd. (tên hiện nay: Daiwa-Cathay Capital Markets Co. Ltd.)	Tổng Giám đốc
01/1999 - 11/2000	Daiwa Global Securities Co. Ltd. (tên hiện nay Daiwa-Cathay Capital Markets Co. Ltd.)	Phó Giám đốc
01/1995 - 12/1998	Daiwa Securities Co. Ltd., chi nhánh Đại Bắc	Giám đốc (01/1995 – 06/1996) Phó Giám đốc (07/1996 – 12/1998)
05/1994 - 12/1994	Daiwa Securities Co. Ltd., Văn phòng Đại diện Đại Bắc	Giám đốc
08/1988 - 04/1994	Daiwa Securities Co. Ltd., Chi nhánh Hồng Kông	Chuyên viên
12/1986 - 7/1988	Daiwa Securities Co. Ltd., Trụ sở chính	Chuyên viên, Ban Kinh doanh Quốc tế
4/1986 - 11/1986	Daiwa Securities Co. Ltd., Chi nhánh Yokohama	Thực tập viên

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
- Sở hữu đại diện: Đại diện Daiwa Securities Group Inc.: 118.294.620 cổ phần, chiếm 18,00%
- Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Daiwa Securities Group Inc.	Đại diện vốn	118.294.620	18,00%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

f. Ông PHẠM VIỆT MUÔN – Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán

- Họ và tên: PHẠM VIỆT MUÔN
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1954
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nhà vườn B16, KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CCCD: 030054000026
- Điện thoại liên hệ: (84-28) 38.242.897
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN SSI

- Chức vụ hiện nay tại SSI: Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT tại Công ty CP Tập đoàn PAN
- Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2019 - nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Hiện tại	Công ty CP Tập đoàn PAN	Thành viên HĐQT
2005 - 2015	Văn phòng Chính phủ Ban chỉ đạo & phát triển doanh nghiệp	Phó Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ Phó trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo và phát triển doanh nghiệp
1999 - 2004	Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp trung ương	Phó Trưởng ban thường trực Từ 2003: kiêm Vụ trưởng Vụ Đổi mới Doanh nghiệp
1996 - 1999	Viện Thông tin Kinh tế & Khoa học Kỹ thuật Công nghiệp Viện Chiến lược & Chính sách Công nghiệp	Viện trưởng
1986 - 1995	Viện kinh tế Công nghiệp N nhẹ	Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng
1985 - 1986	Công ty than Hòn Gai, Quảng Ninh	Cán bộ
1977 - 1984	Vụ kế hoạch Bộ Điện & Than	Cán bộ Thư ký Bộ trưởng Bộ Mỏ & Than

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
 - Sở hữu chứng khoán cá nhân: 96.800 cổ phần, chiếm 0,01% VDL
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0%VĐL
 - Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0%VĐL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 58.260 cổ phần chiếm 0,03% VDL của CTCP Tập đoàn PAN
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Nhận cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Năm 2019: 40.000 cổ phiếu với giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Năm 2020: 30.000 cổ phiếu với giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

4.2 Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin

Thông tin lý lịch liên quan tương tự trình bày tại Mục 4.1. b

4.3. Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng

a. Bà HOÀNG THỊ MINH THỦY – Kế toán trưởng

- Họ và tên: HOÀNG THỊ MINH THỦY
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1982
- Nơi sinh: Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 51 Đường 53, Phường 10, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân: 046182000653
- Điện thoại liên hệ: (84-28) 38.242.897
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại SSI: Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2004 – 2007	Công ty CP Chứng khoán SSI – Chi nhánh Nguyễn Công Trứ	Kế toán trưởng
2008 - 2009	Công ty CP Chứng khoán SSI	Quyền Kế toán trưởng
2009 – nay	Công ty CP Chứng khoán SSI	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
 - Sở hữu chứng khoán cá nhân: 229.500 cổ phần, chiếm 0,03% VDL
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0%VDL
 - Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0%VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:
 - Nhận cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
 - Năm 2019: 75.000 cổ phiếu với giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Năm 2020: 60.000 cổ phiếu với giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- 1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**
- 2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu**
- 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 328.652.552 cổ phiếu, bao gồm**
 - Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 6:2): 219.101.701 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng (tỷ lệ 6:1): 109.550.851 cổ phần
- 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:**
3.286.525.520.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm tám mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)
- 5. Giá chào bán dự kiến:**
 - Giá chào bán cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- 6. Phương pháp tính giá:**
Mức giá chào bán cổ phần dự kiến bằng mệnh giá

7. Phương thức phân phối:

7.1 Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:	Tối đa 219.101.701 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá:	Tối đa 2.191.017.010.000 đồng
3.	Tỷ lệ thực hiện quyền:	6:2 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 06 quyền sẽ được nhận thêm 02 cổ phần mới).
4.	Đối tượng phát hành:	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5.	Nguồn vốn sử dụng:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác (nếu có) theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.2 Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1.	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán:	Tối đa 109.550.851 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ phát hành trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	Tối đa 1.095.508.510.000 đồng

3.	Giá chào bán:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền:	6:1 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 06 quyền được mua 01 cổ phần mới).
5.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
6.	Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
7.	Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 50 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 150 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.
8.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:	Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh vẫn được thực hiện theo tỷ lệ thực hiện quyền. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Khi đó, số cổ phần phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: $(200/6) = 33,33$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 33 cổ phần.
9.	Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết:	Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần phát sinh ra do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần được chào bán. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết. Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.
10.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số

		lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
11.	Chào mua công khai	Đồng ý cho cổ đông/Nhà đầu tư (được HĐQT lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.
12.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:

- Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Phương thức xử lý cổ phần còn lại chưa phân phối hết:

- Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm:
 - (1) Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua;
 - (2) Số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phần được mua của cổ đông hiện hữu;
 - (3) Số cổ phần chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành (109.550.851 cổ phần) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 8:1.

Số cổ phần còn lại này sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn các Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết. Một số tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để chào bán cổ phần chưa phân phối hết:

- Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài bày tỏ quan tâm, mong muốn và đủ năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu SSI;
- Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của SSI;
- Các nhà đầu tư không có hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới lợi ích của SSI.

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."
- Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán là: 0%.
- Công ty sẽ không trả lại tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư đã thực hiện mua căn cứ theo danh sách mua cổ phiếu.

Phương thức thanh toán:

Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

Chuyển giao cổ phiếu:

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán, toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu:

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cổ phiếu phát hành cho công chúng là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2021 và sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Dự kiến thời gian phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Gửi hồ sơ đến VSD, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông và quyền nhận cổ phiếu thưởng gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền mua dự kiến là D+11)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+13
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+15 đến D+40
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu cần thiết)	D+41 đến D+50
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu	D+51 đến D+70

(Trong đó ngày D là ngày làm việc)

10. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện thực hiện quyền:

Các cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua và quyền nhận cổ phiếu thưởng.

Thời gian thực hiện quyền:

Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến ở trên.

Phương thức thực hiện quyền:

Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thực hiện quyền mua cổ phần tại Thành viên Lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần – người nhận chuyển nhượng không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thoả thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thoả thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán liên chuyển nhượng quyền.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và người nhận chuyển nhượng không chuyển nhượng cho người thứ ba.

Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua chào bán và phát hành cổ phiếu thưởng trong đợt này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm:

- (1) Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua;
- (2) Số cổ phần phát sinh do làm tròn khi tính toán cổ phần được mua của cổ đông hiện hữu;
- (3) Số cổ phần chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành (219.101.701 cổ phần) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 6:2;



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Số cổ phần còn lại này sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc được hủy và kết thúc đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu, chi tiết như sau:

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI

Số tài khoản: 22210004224012

Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân

13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hiện tại tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được xác định tối đa là 100%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 16/6/2021, Công ty có cổ đông nước ngoài chiếm 47,40% vốn điều lệ. Công ty cam kết thực hiện việc chào bán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

14. Các loại thuế liên quan:

14.1 Đối với Công ty

14.1.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

14.1.2 Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Thuế suất thuế VAT áp dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty là 10%.

14.1.3 Các loại Thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

14.2 Đối với Nhà đầu tư

14.2.1 Đối với Nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với Nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 1/10/2013 về việc "Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn".

- Thu nhập từ cổ tức

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhận với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

14.2.2 Đối với Nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Đối với tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Đối với tổ chức nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

- Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008.

15. Thông tin về các cam kết:

Công ty cam kết thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 1.095.508.510.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích như sau:

- Bổ sung vốn kinh doanh nhằm mục đích nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch kỳ quỹ.
- Đảm bảo tuân thủ, đáp ứng tốt các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động, nâng cao khả năng quản trị rủi ro. Tại 31/12/2020, tỷ lệ an toàn tài chính của SSI đảm bảo mức tối thiểu theo quy định pháp luật để triển khai các sản phẩm chứng khoán phái sinh. Việc bổ sung thêm vốn chủ sở hữu sẽ hỗ trợ tăng tỷ lệ an toàn vốn cho SSI.
- Bổ sung và cung ứng vốn cho hoạt động kinh doanh kỳ quỹ trong hoạt động giao dịch chứng khoán của khách hàng tại Công ty trên nguyên tắc hiệu quả - quản trị rủi ro.
- Trong năm 2021-2025, Công ty đang thực hiện phát triển và đẩy mạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu, kinh doanh trái phiếu và nguồn vốn, với chiến lược phát triển hệ thống phân phối trái phiếu. Với quy mô vốn chủ sở hữu được tăng lên, hoạt động đầu tư trái phiếu cũng sẽ được đẩy mạnh tạo ra chuỗi giá trị gia tăng doanh thu cho Công ty từ các sản phẩm phối hợp giữa hoạt động nguồn vốn và tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Nâng cao khả năng đầu tư tăng năng lực cho SSI: Đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cung ứng các sản phẩm dịch vụ chứng khoán phù hợp với quy mô thị trường.
- Bên cạnh đó, trong chiến lược kinh doanh năm 2021 và giai đoạn tiếp theo, Công ty cũng chủ trương đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm mới và sản phẩm giá trị gia tăng đối với mảng dịch vụ Ngân hàng đầu tư theo hướng kết hợp giữa các sản phẩm tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành theo đúng quy định của pháp luật với sự đa dạng về các hình thức bảo lãnh phát hành đảm bảo nguyên tắc quản trị rủi ro của Công ty;
- Bổ sung và cung ứng vốn đầu tư cho các sản phẩm chứng khoán mới (chứng quyền có đảm bảo; hợp đồng tương lai...) và các hoạt động kinh doanh sinh lời khác trên cơ sở cân đối nguồn thực tế với các hoạt động kinh doanh khác.



IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu là 1.095.508.510.000 đồng được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Trong thời gian chưa sử dụng cho vay giao dịch ký quỹ, nguồn tiền sẽ được sử dụng để đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT lập, quyết định chi tiết mục đích, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành và linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế bảo đảm lợi ích của Công ty, Cổ đông và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.



X. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán ra công chúng:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (E&Y)

Địa chỉ: Tầng 20, Bitexco Financial Tower, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3824.5252

Fax: (84-28) 3824.5250



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Phụ lục III: Điều lệ Công ty
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất
5. Các Phụ lục khác.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**


XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




NGUYỄN DUY HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỒNG NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HOÀNG THỊ MINH THỦY



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số : **056679**

*Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 12 năm 1999
Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 02 tháng 05 năm 2007*

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON SECURITIES INCORPORATION
Tên công ty viết tắt: SSI.
2. Địa chỉ trụ sở chính : **180-182 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1**
- Điện thoại : Fax : **8294123**
- Email : **ssi@saigonsecurities.com** Website: **www.saigonsecurities.com**
3. Ngành, nghề kinh doanh : *Kinh doanh chứng khoán; môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán. Tự doanh chứng khoán. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Bổ sung: Bảo lãnh phát hành chứng khoán./*
(Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng những quy định pháp luật).
4. Vốn điều lệ : **500.000.000.000 đ (Năm trăm tỷ đồng).**
Trong đó: Hiện kim: 498.300.000.000 đồng; Hiện vật: 1.700.000.000 đồng
5. Vốn pháp định: /
6. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Công ty TNHH Tư vấn tài chính SBC - Đại diện: Lê Minh Tuấn	Phòng 802,lầu 8,toà nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn Quận 1	156.000
2	Công ty TNHH Xuyên Thái Bình - Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	106/9B Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh	156.000

3	Nguyễn Duy Hưng	20 Lam Sơn, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	90.000
4	Trần Quyết Thắng	418/3A Nơ Trang long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	84.000
5	Nguyễn Hóng Nam	106/9B Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh	60.000
6	Nguyễn Anh Tuấn	25-D6B Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	30.000
7	Nguyễn Mạnh Hùng	173 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình	24.000

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên : **NGUYỄN DUY HUNG** (Nam)

Sinh ngày: *10/09/1962* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số chứng minh nhân dân số : *220895567*

Ngày cấp : *12/11/1993* Nơi cấp : *CA Tỉnh Khánh Hòa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : *20 Lam Sơn, Phường Phước Hòa, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa*

Chỗ ở hiện tại : *54 Ngõ 61/17 Phùng Chí Kiên, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội*

Chữ ký:

Handwritten signature

Kế Trưởng phòng đăng ký kinh doanh
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phó Trưởng Phòng



Handwritten signature
Tâm Thị Thu Cúc



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC

Số 63/GPHĐKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2000

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn ngày 27 tháng 12 năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 - Cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.
- Trụ sở chính đặt tại: 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép thành lập số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999.
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Điều 2 - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn được phép thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới
2. Tư vấn đầu tư chứng khoán



Điều 3 - Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4 - Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn không khai trương hoạt động, Giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5 - Giấy phép này được lập thành ba (03) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn; một (01) bản gửi cho Trung tâm giao dịch chứng khoán; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC



NGUYỄN ĐỨC QUANG

Số: *104*/GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày *17* tháng *12* năm 2018

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán
CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động về việc thay đổi tên của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn với nội dung như sau:

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION

- Tên viết tắt: SSI

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. /h

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn

QUYẾT ĐỊNH

V/v chấp thuận thay đổi địa chỉ Trụ sở chính Công ty Chứng khoán Sài Gòn

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 161/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/QĐ-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;

Xét Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

được thay đổi địa điểm Trụ sở chính đến: Số 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, đồng thời là một phần không thể tách rời của Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/QĐ-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/4/2000.

Công ty Chứng khoán Sài Gòn phải thực hiện việc công bố Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán, các Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, Ban QLKD.



CHỦ TỊCH

Vũ Bằng

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán SSI số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động về việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SSI;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 6.573.051.040.000 đồng (Sáu nghìn năm trăm bảy mươi ba tỷ không trăm năm mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SSI phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: ~~55~~ 24/UBCK-QLKD
V/v báo cáo tỷ lệ sở hữu NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Ngày 26/8/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận được Tài liệu báo cáo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, UBCKNN có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 60/2015/NĐ-CP) và Tài liệu báo cáo của Công ty, UBCKNN không phản đối việc áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 100% theo quy định của pháp luật kể từ ngày Nghị định số 60/2015/NĐ-CP có hiệu lực. Trong trường hợp nếu Điều lệ công ty có quy định một tỷ lệ sở hữu nước ngoài khác thì Công ty phải thực hiện theo Điều lệ công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Điều kiện, tỷ lệ sở hữu của mỗi tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo để Công ty biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch (để b/c);
- HSX, VSD (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLKD, 06.

TL. CHỦ TỊCH
KI. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Hoàng Phú Cường



BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

A. THỜI GIAN, PHƯƠNG THỨC, ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian: 13h30, Thứ Bảy, Ngày 22 tháng 5 năm 2021
- Phương thức: Họp trực tuyến (truyền hình từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội, 1C Ngõ Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Các Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày 20/4/2021 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD") cung cấp.
2. Các Thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"):
 - i. Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT;
 - ii. Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;
 - iii. Ông Ngô Văn Điềm – Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban kiểm toán ("UBKT");
 - iv. Ông Phạm Việt Muôn – Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán;
 - v. Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành viên HĐQT;
 - vi. Ông Hironori Oka – Thành viên HĐQT.
3. Đại diện đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam:
 - i. Bà Đặng Phương Hà – Phó Tổng Giám đốc

C. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ông Nguyễn Kim Long, Giám đốc Luật và KSNB, đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội được lập lúc 13 giờ 45 phút ngày 22/05/2021:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có:
 - Bà Lê Cẩm Bình - Trưởng ban;
 - Bà Phạm Thị Thủy - Thành viên;
 - Ông Đỗ Khắc Chính - Thành viên.
2. Kết quả kiểm tra:
 - Tổng số cổ đông của Công ty: 42.620 cổ đông đại diện cho 645.861.908 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (đã trừ 3.943.196 cổ phiếu quỹ trên tổng số 649.805.104 cổ phiếu đã phát hành)
 - Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự trực tiếp và cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự trên kênh trực tuyến): 638 cổ đông, đại diện cho 357.483.903 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 55,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

D. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. GIỚI THIỆU CHỦ TỌA, THƯ KÝ

1. Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT
2. Thư ký Đại hội: Bà Vũ Thu Hà và Bà Lê Thị Hoài Thu – Nhân viên Công ty

II. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, BAN KIỂM PHIẾU VÀ QUY CHẾ ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Duy Hưng phát biểu khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên (“ĐHĐCĐ” hoặc “Đại hội”).
2. Chủ tọa giới thiệu chương trình Đại hội gồm các vấn đề sau đây:
 - i. Báo cáo kết quả kinh doanh 2020, kế hoạch kinh doanh 2021;
 - ii. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020;
 - iii. Báo cáo hoạt động của UBKT và các thành viên độc lập HĐQT trong UBKT năm 2020;
 - iv. Báo cáo tài chính 2020 đã kiểm toán;
 - v. Phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - vi. Quyết định thù lao cho HĐQT năm 2021;
 - vii. Chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021;
 - viii. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
 - ix. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ gồm phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
 - x. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021.

Ban tổ chức hướng dẫn cách thức bỏ phiếu trên kênh trực tuyến.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội: tỷ lệ đồng ý: 99,98%

3. Chủ tọa đề xuất Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ kiểm tra, thống kê kết quả biểu quyết:
 - Bà Lê Cẩm Bình: Giám đốc kiểm toán nội bộ của Công ty – Trưởng ban
 - Bà Phạm Thị Thúy: Nhân viên Công ty – Thành viên
 - Ông Đỗ Khắc Chính: Nhân viên Công ty – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu: tỷ lệ đồng ý: 99,98%

4. Chủ tọa đề xuất thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức họp: tỷ lệ đồng ý: 99,99%

E. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI

I. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020, Kế hoạch kinh doanh 2021 và các Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2020
 - i. Ông Nguyễn Hồng Nam, Tổng Giám đốc trình bày:
 - Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020;
 - Kế hoạch kinh doanh 2021:
 - Doanh thu (hợp nhất): 5.263 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 1.870 tỷ đồngỦy quyền cho HĐQT điều chỉnh phù hợp thực tế khi VN Index và thanh khoản thị trường không đạt mức giả định.
 - ii. Ông Phạm Viêt Muôn, Thành viên HĐQT, trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.
 - iii. Ông Phạm Viêt Muôn, Thành viên độc lập HĐQT – Trưởng UBKT, trình bày báo cáo hoạt động của UBKT và các thành viên độc lập HĐQT trong UBKT năm 2020.

2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2020

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính trình bày:

- i. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đăng trên website của Công ty tại <http://www.ssi.com.vn>. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	đồng	35.769.528.008.240	35.429.022.517.412
2	Doanh thu thuần	đồng	4.575.554.619.785	4.522.651.343.720
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.557.553.285.063	1.564.934.057.347
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.255.931.818.955	1.266.613.549.417
5	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty mẹ	đồng	1.257.372.470.832	

- ii. Phân phối lợi nhuận năm 2020 và trích lập các quỹ năm 2021:

Tổng lợi nhuận phân phối	847.863.330.324 đồng
Trong đó:	
- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế)	58.252.419.507 đồng
- Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% lợi nhuận sau thuế)	58.252.419.507 đồng
- Trích lập quỹ từ thiện (2% lợi nhuận sau thuế)	23.300.967.803 đồng
- Trích lập quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế)	23.300.967.803 đồng
- Trích lập quỹ khen thưởng (3% lợi nhuận sau thuế)	34.951.451.704 đồng
- Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (10% mệnh giá) <i>Số dự kiến chi trả cổ tức tính trên vốn điều lệ, giá định không có cổ phiếu quỹ</i>	649.805.104.000 đồng
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo sổ thực tế chi trong năm 2020	400.000.000 đồng

3. Thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2021

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính đọc tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Thù lao cho toàn bộ 06 (sáu) thành viên HĐQT không quá 03 (ba) tỷ đồng cho năm tài chính 2021;
- ii. Ủy quyền HĐQT quyết định việc phân phối mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT.

4. Chọn công ty kiểm toán năm 2021

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính đọc tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2021 gồm Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) được UBCKNN chấp thuận kiểm toán công ty niêm yết và độc lập với người nội bộ của Công ty;
- ii. Ủy quyền HĐQT quyết định chọn một (01) trong ba (03) công ty kiểm toán nêu trên.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSNB đọc tờ trình đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi theo các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính ban hành quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

Trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và toàn văn dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty mới. Điều lệ, Quy chế nội bộ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành.

6. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSNB đọc tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ trước khi phát hành (bao gồm 7.500.000 cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2020)	6.573.051.040.000 đồng
Số lượng cổ phần trước khi phát hành	657.305.104 cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành thêm	Tối đa 442.694.896 cổ phần
Trong đó:	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỉ lệ 6:2)	Tối đa 219.101.701 cổ phần
- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần (tỉ lệ 6:1)	Tối đa 109.550.851 cổ phần
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá không thấp hơn bình quân giá đóng cửa 10 phiên liền trước ngày HĐQT quyết định phê duyệt phương án phát hành chi tiết	Tối đa 104.042.344 cổ phần
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 10.000 đồng cổ phần, chi tiết theo Phương án phát hành trình bày ở mục riêng	Tối đa 10.000.000 cổ phần
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ.
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2021 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
Số lượng cổ phần sau khi phát hành	Tối đa 1.100.000.000 cổ phần
Vốn điều lệ sau khi phát hành	Tối đa 11.000.000.000.000 đồng

Chi tiết Phương án được trình bày tại Tờ trình.

Dại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phần theo các phương án phát hành;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- Quyết định số lượng cổ phần phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phần sau khi nhận được sự chấp thuận của UBCKNN;
- Quyết định thời điểm triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Quyết định việc lựa chọn, đàm phán và quyết định Nhà đầu tư, số lượng Nhà đầu tư, giá bán cổ phần và số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư đối với phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, đảm bảo nhà đầu tư được lựa chọn phải theo tiêu chí do ĐHQCD thông qua, tỷ lệ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;
- Cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả chào bán;
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán toàn bộ số lượng cổ phần thực tế phát hành theo quy định của pháp luật;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;
- Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Phương án phát hành chi tiết.

7. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2021

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSNB đọc tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021 đề nghị ĐHQCD xem xét và phê chuẩn:

Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021 như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Hình thức cổ phiếu	Phát hành theo hình thức ghi sổ
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng chào bán	Thành viên HĐQT, nhân sự chủ chốt của SSI và công ty con
Số lượng chào bán	Tối đa 10.000.000 (Mười triệu) cổ phần
Giá chào bán	Bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần)

Thời gian thực hiện	Năm 2021 hoặc thời gian khác theo quyết định của HĐQT
Mục đích	- Gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty - Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành. Việc mua lại cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng theo Quy chế phát hành do HĐQT ban hành.
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định triển khai thực hiện chào bán và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoán chỉnh nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với thực tế phát hành, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành để thực hiện phương án này;
- Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;
- Quyết định danh sách cán bộ công nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần vốn điều lệ và làm thủ tục tăng vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên.

II. THẢO LUẬN – Ý KIẾN CỔ ĐÔNG:

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa
1.	Với tình trạng nghiêng lệnh trong giao dịch chứng khoán, SSI có đối sách hay phương pháp gì để tránh vấn đề này?	Nghênh lệnh là một vấn đề nóng bỏng nhất và là một trong những yếu tố làm cho thị trường chứng khoán tăng trưởng kém hơn trong thời gian vừa qua. Chúng ta phải nhìn nhận đây là vấn đề chung của ngành chứng khoán. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhìn nhận về mặt tích cực là thị trường chứng khoán đã phát triển nhanh hơn so với khả năng dự trù ban đầu khi xây dựng thị trường, nên hệ thống chưa theo kịp độ tăng trưởng cao như vậy, do đó để khắc phục hệ thống thì khó có thể thực hiện nhanh được. Hiện nay, tình hình hệ thống nói chung đã được cải thiện nhiều, điển hình có những phiên giao dịch 22 đến 23 ngàn tỷ thì hệ thống mới bị gián đoạn. Về hệ thống nội bộ, SSI thì có thể tiếp nhận được khối lượng giao dịch lớn hơn rất nhiều so với hiện tại.
2.	Định hướng để cân bằng giữa lợi ích của công ty và lợi ích của cổ đông	Công ty và Cổ đông là một, Công ty là của Cổ đông. Vì vậy, không có sự khác biệt giữa lợi ích của Cổ đông và lợi ích của Công ty.
3.	Trong kế hoạch kinh doanh năm 2021, SSI có ghi kế hoạch đặt ra dựa trên những giả định về thanh khoản thị trường và VN Index và điều chỉnh nếu thị trường không đạt mức giả định. Vậy giả định về thị trường là gì?	Giả định trong kế hoạch kinh doanh được Hội đồng quản trị đưa ra dựa trên các nền tảng nghiên cứu rất kỹ và tổng hợp theo đề xuất của các bộ phận, trong đó với Khối đầu tư, giả định thị trường khoảng 1300 điểm, còn các Khối khác giả định thị trường sẽ giao dịch đạt đỉnh với mức trên 1400 điểm và thanh khoản thị trường khoảng trên 16 ngàn tỷ. Những giả định được đặt từ đầu năm và đến hiện tại thì diễn biến thị trường cũng đã diễn ra như giả định.
4.	Đánh giá về tình hình tăng vốn của các Công ty chứng khoán và tác động	Định hướng xây dựng thị trường chứng khoán và thị trường vốn là để trở thành kênh huy động tốt song song với cả kênh dẫn vốn của ngân hàng. Do đó, nhu cầu tăng vốn của công ty chứng

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa
	của tăng vốn đến hoạt động kinh doanh của SSI	khoản là nhu cầu rất cấp thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời cũng là nhu cầu cần thiết để xây dựng thị trường chứng khoán và các kênh phân phối. Nhiều công ty chứng khoán đã có kế hoạch tăng vốn. Mục tiêu của SSI là tăng vốn lên 11 ngàn tỷ đồng. Mục đích tăng vốn sẽ (1) nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán mới, đây là hoạt động rất quan trọng và sắp tới chúng tôi sẽ thực hiện những giao dịch lớn trên thị trường, (2) nâng cao năng lực cho vay giao dịch ký quỹ (margin) và SSI là 1 trong những công ty có chính sách margin cũng như có quỹ margin dồi dào nhất.
5.	Đánh giá về tình hình thị trường chứng khoán năm 2021	Năm 2021 sẽ tốt hơn năm 2020. Đánh giá tốt không chỉ dưới góc độ thị trường tăng, mà quan trọng là thanh khoản thị trường tăng, có thêm nhiều nhà đầu tư tham gia, có thể huy động được nguồn vốn lớn trên thị trường và cho nền kinh tế. Hiện nay, chúng ta chưa nhìn thấy các rủi ro lớn của khủng hoảng tài chính và nguồn tiền tiết kiệm đã chuyển sang đầu tư chứng khoán lớn, kể cả khi công ty chứng khoán hết hạn mức cho vay ký quỹ thì dòng tiền vẫn tăng. Vấn đề cần làm là đảm bảo hệ thống thông suốt, không bị gián đoạn để không tạo nghi ngại cho nhà đầu tư và tạo ra nhiều sản phẩm để nhà đầu tư lựa chọn, tăng việc huy động vốn trên thị trường sơ cấp, chứ không chỉ phát triển thị trường thứ cấp. Các quỹ chỉ số sẽ là điểm sáng của năm nay, bao gồm các chỉ số do các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp quản lý, có độ minh bạch cao.
6.	Vấn đề tăng/giảm Chi nhánh, Phòng giao dịch của Công ty	SSI thực hiện tăng hoặc giảm Chi nhánh, Phòng giao dịch đều theo chiến lược, dựa trên tình hình thị trường và với mục tiêu đem lại lợi ích tốt nhất cho Công ty. Chúng tôi ghi nhận ý kiến đóng góp của Nhà đầu tư nhưng việc thực hiện cũng sẽ nghiên cứu, đánh giá dựa trên tính khả thi và hiệu quả khi tăng hay giảm các Chi nhánh, Phòng giao dịch. Ngoài việc giao dịch trực tiếp tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch, nhà đầu tư có thể thực hiện giao dịch, tham gia các sản phẩm do SSI cung cấp trên các kênh trực tuyến.
7.	Vấn đề phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Cần cân đối giữa lợi ích của Công ty và lợi ích của người lao động vì đây là tài sản lớn nhất của thị trường. Chương trình ESOP đã được cân đối để đảm bảo giữa việc giữ những lực lượng lao động chủ chốt và thu hút người lao động có trình độ, đồng thời mang lại lợi ích cho Công ty. Việc phát hành ESOP sẽ thực hiện theo quyết định chung của Đại hội đồng cổ đông.
8.	Đề nghị Cổ đông En Fund xem lại thỏa thuận và cách tính giá trái phiếu chuyển đổi	Việc tính giá không thể xảy ra sai sót vì đã được các cơ quan chuyên môn, Cổ đông En Fund và đội ngũ SSI cùng thực hiện, đồng thời việc tính toán này đã được kiểm toán độc lập xem xét và kiểm soát nội bộ của Công ty kiểm tra.
9.	Quan điểm về dòng tiền nước ngoài và khi nào nhà đầu tư nước ngoài thôi bán ròng	Dòng tiền nước ngoài hiện nay không còn đóng góp quá nhiều vào VN Index như ngày xưa và dù khối ngoại đang bán ròng thì VN Index thanh khoản vẫn tăng trưởng. Nhà đầu tư nước ngoài, quỹ đầu tư khi đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam cũng dựa trên tiêu chí đầu tư họ đặt ra và với mục đích kinh doanh kiếm lời, khi có lời họ sẽ rút ra, lập quỹ mới và khi đó, dòng tiền mới sẽ lại đổ vào thị trường. Thị trường phát triển quan trọng nhất là dựa vào nguồn vốn nhân rồi của người dân. Khi thị trường sôi động sẽ có quỹ mới thành lập hoặc khi đáp ứng được tiêu chí đặt ra thì quỹ sẽ rút vốn. Việc thành lập quỹ mới hay quỹ đầu tư rút ra là vấn đề thường xảy ra trên thị trường.
10.	E&Y đã kiểm toán từ năm 2007 - 2020 và Ban lãnh đạo có nên đổi kiểm toán khác trong Big4 không?	Công ty chọn lựa công ty kiểm toán trong nhóm Big4 và dựa trên (1) tuân thủ quy định pháp luật và quy định về kiểm toán, (2) thay đổi nhân sự thực hiện kiểm toán (3) vấn đề giá cả, và (4) mức độ cam kết thực hiện đúng hạn của Công ty kiểm toán.

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa
11.	Về phương án phát hành tăng vốn điều lệ như thời gian thực hiện, giá thực hiện, rủi ro pha loãng khi thực hiện phát hành cổ phiếu	Công ty sẽ triển khai phương án ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và dự kiến trong Quý 2/2021. Thời gian thực hiện cụ thể sẽ phụ thuộc nhiều vào sự phê duyệt, thủ tục xin phép tăng vốn và cổ đông góp vốn. Nếu được thông qua, Cổ đông hiện hữu sẽ được phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 6:2 (cổ phiếu thường) và phát hành quyền mua với tỷ lệ 6:1, giá bán 10.000 đồng/cổ phần. Việc tăng vốn rất cần thiết và hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Công ty và vì sự phát triển bền vững, nên pha loãng không phải là vấn đề đáng lo ngại, đặc biệt năm 2021 Công ty cần sử dụng nguồn vốn nhiều.
12.	Vấn đề thị phần của SSI và kế hoạch để đạt lại thị phần dẫn đầu	Trong lịch sử SSI đã có 2 lần không giữ vị trí dẫn đầu và đó là những khoảng lặng để chuẩn bị cho những kế hoạch tiếp theo. Công ty không cạnh tranh trực tiếp bằng cách chạy theo mà bằng cách lắng nghe, thực hiện khảo sát thị trường, công nghệ và tâm ý của khách hàng để tạo ra những sản phẩm thu hút khách hàng đồng thời vẫn bảo đảm quản lý rủi ro của Công ty, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Chúng tôi luôn cố gắng có những bước đi vững chắc để tiến lên.
13.	SSI tập trung vào khách hàng cá nhân hay doanh nghiệp	SSI có 5 bộ phận kinh doanh khác nhau và đối tượng khách hàng cũng khác nhau, mỗi bộ phận sẽ tập trung vào phân hệ khách hàng của mình. SSI được xây dựng như một định chế tài chính số 1, do đó SSI quan tâm đến tất cả đối tượng khách hàng và không tập trung vào 1 nhóm hay loại đối tượng khách hàng.
14.	Vấn đề giá cổ phiếu SSI	Việc so sánh cần dựa vào nhiều yếu tố và giá trị thị trường cổ phiếu còn phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu đã phát hành, việc chia tách cổ phiếu trên sàn.
15.	Hiện nay các công ty chứng khoán đang tranh giành nhân sự thông qua chính sách phúc lợi. Chính sách môi giới Công ty đưa ra có phải là chính sách tốt hơn để giữ chân nhân sự	Người lao động đến và đi đều dựa trên sự phù hợp. Thay đổi nhân sự không ảnh hưởng đến chiến lược phát triển của Công ty. Nguồn lao động mới sẽ mang đến động lực mới, tạo cơ hội cho thế hệ mới vươn lên, và chính là động lực làm cho Công ty phát triển bền vững. Công ty đã ban hành nhiều chính sách mới cho môi giới với nội dung rất cạnh tranh trên thị trường.
16.	Đánh giá hiệu quả hoạt động mảng tự doanh của Công ty	Tự doanh của Công ty không tham gia mua bán trực tiếp trên sàn để tránh đối lập quyền lợi với nhà đầu tư và chỉ dùng vào mục đích để cân bằng các sản phẩm phái sinh, chứng quyền theo quy định pháp luật. Tự doanh của Công ty có nhìn nhận khác về kiểm soát rủi ro, so sánh hiệu quả đầu tư với sự phát triển của VN Index, chi phí vốn khác và hoạt động tự doanh hiện tại phù hợp chính sách của Công ty.
17.	Chính sách của SSI về quyền lợi cho các Cổ đông để Cổ đông sở hữu lâu dài cổ phiếu SSI	Đây là trách nhiệm của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban điều hành là làm sao để công ty phát triển tốt nhất và kinh doanh hiệu quả nhất có thể, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật mà không để xảy ra bất cứ điều gì gây ra tổn hại, làm mất vốn của Nhà đầu tư. Nhà đầu tư cũng có nguyên tắc đầu tư của bản thân để lựa chọn đồng hành với cổ phiếu SSI tùy theo thời điểm hoặc chọn chốt lời, điều này tùy thuộc vào tiêu chí đầu tư của mỗi Nhà đầu tư.
18.	Thông tin Công ty sử dụng nghiệp vụ chứng khoán để làm giảm giá cổ phiếu với mục đích ép bán, thu hồi khoản vay giao dịch ký quỹ có chính xác không?	Các công ty chứng khoán không bao giờ muốn ép nhà đầu tư bán chứng khoán, trả margin. Nếu phải ép bán chứng khoán thì cũng có rủi ro cho công ty chứng khoán, nhà đầu tư cũng có khả năng mất vốn.

Kết thúc phần thảo luận và các cổ đông không có câu hỏi nào khác. Chủ tọa đề nghị Ban tổ chức tiến hành thủ tục biểu quyết.

III. BIỂU QUYẾT VỀ CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC THẢO LUẬN

Ban tổ chức hướng dẫn cách thức biểu quyết trực tuyến.

Vào lúc **16 giờ 10** ngày 22/5/2021, tại thời điểm tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, số lượng cổ đông tham dự là **815** người, trong đó có **433** cổ đông trực tiếp tham dự và **382** cổ đông ủy quyền tham dự, đại diện cho **384.345.164** cổ phần, chiếm **59,51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Cổ đông tiến hành biểu quyết.

IV. ĐẠI HỘI GIẢI LAO

BAN KIỂM PHIẾU KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Kết thúc thời gian giải lao và sau khi Ban kiểm phiếu hoàn tất việc kiểm phiếu, Chủ tọa mời cổ đông tiếp tục Đại hội.

Chủ tọa mời Ban tổ chức công bố kết quả biểu quyết.

Kết quả biểu quyết thông qua các vấn đề đã trình bày và thảo luận

- i. Tổng số phiếu phát ra: **436** phiếu, đại diện 100% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- ii. Tổng số phiếu thu vào: **273** phiếu, trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: **273** phiếu
 - Số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu
- iii. Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết		
		Tán thành (%, cổ phần)	Không tán thành (%, cổ phần)	Không có ý kiến (%, cổ phần)
1	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021	99,31	0,00	0,01
		381.707.811	0	19.500
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020	99,31	0,00	0,01
		381.704.109	0	23.202
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán năm 2020	99,31	0,00	0,01
		381.703.611	0	23.700
4	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán	99,31	0,00	0,01
		381.704.511	0	22.800
5	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	99,31	0,00	0,01
		381.682.186	0	45.125
6	Thông qua thủ lao cho HĐQT năm 2021	99,16	0,01	0,15
		381.107.388	50.500	569.423
7	Thông qua chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021	92,38	0,25	6,69
		355.063.358	958.130	25.705.823

8	Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty	96,36	2,95	0,01
		370.366.395	11.321.116	39.800
9	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	96,37	2,95	0,01
		370.376.008	11.321.103	30.200
10	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021 (*)	75,52	14,58	8,89
		196.045.459	37.860.135	23.085.795
11	Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	96,36	2,95	0,01
		370.368.368	11.322.103	36.840
12	Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	65,54	33,76	0,02
		251.886.893	129.763.723	76.695

(*) Đã loại trừ 124.735.922 cổ phần của người có liên quan là thành viên HĐQT/Ban Tổng Giám đốc, nhân viên Công ty, công ty con và cổ đông là người có liên quan của các đối tượng trên.

F. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

- Ông Nguyễn Kim Long đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Cổ đông không có đề nghị sửa đổi, bổ sung dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã trình bày.
- ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ với tỷ lệ đồng ý **99,99%**.
- Chủ tọa cảm ơn cổ đông đã đồng hành cùng Công ty, và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc lúc 16 giờ 33 phút cùng ngày.

Thư ký ghi Biên bản



Vũ Thu Hà – Lê Thị Hoài Thu

Chủ tọa



Nguyễn Duy Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2021

Số: 01/2021/NQ-DHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 5 năm 2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT), Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán (UBKT) và Thành viên độc lập HDQT trong UBKT năm 2020.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	đồng	35.769.528.008.240	35.429.022.517.412
2	Doanh thu thuần	đồng	4.575.554.619.785	4.522.651.343.720
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.557.553.285.063	1.564.934.057.347
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.255.931.818.955	1.266.613.549.417
5	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty mẹ	đồng	1.257.372.470.832	

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 (hợp nhất):

- Doanh thu (hợp nhất): 5.263 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 1.870 tỷ đồng

Ủy quyền cho HDQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với thực tế khi VN Index và thanh khoản thị trường không đạt mức giả định.

Điều 3: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 theo báo cáo và đề xuất của HDQT, cụ thể như sau:

Tổng lợi nhuận phân phối	847.863.330.324 đồng
<i>Trong đó:</i>	
- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế)	58.252.419.507 đồng
- Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% lợi nhuận sau thuế)	58.252.419.507 đồng
- Trích lập quỹ từ thiện (2% lợi nhuận sau thuế)	23.300.967.803 đồng
- Trích lập quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế)	23.300.967.803 đồng
- Trích lập quỹ khen thưởng (3% lợi nhuận sau thuế)	34.951.451.704 đồng
- Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (10% mệnh giá)	649.805.104.000 đồng
<i>Số dự kiến chi trả cổ tức tính trên vốn điều lệ, giả định không có cổ phiếu quỹ</i>	
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát theo số thực tế chi trong năm 2020	400.000.000 đồng

Điều 4: Phê chuẩn thù lao cho toàn bộ 06 thành viên HĐQT không quá 03 tỷ đồng cho năm tài chính 2021. Mức phân bổ cụ thể giao cho HĐQT quyết định.

Điều 5: Phê chuẩn đề xuất của HĐQT về việc chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2021. Giao HĐQT chọn một trong số các công ty kiểm toán nêu trên.

Điều 6: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Chi tiết nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo Tờ trình tại Đại hội.

Điều lệ mới và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty có hiệu lực kể từ ngày 22/5/2021.

Điều 7: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, chi tiết như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ trước khi phát hành (bao gồm 7.500.000 cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2020)	6.573.051.040.000 đồng
Số lượng cổ phần trước khi phát hành	657.305.104 cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành thêm	Tối đa 442.694.896 cổ phần
Trong đó:	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 6:2)	Tối đa 219.101.701 cổ phần
- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần (tỷ lệ 6:1)	Tối đa 109.550.851 cổ phần
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá không thấp hơn bình quân giá đóng cửa 10 phiên liền trước ngày HĐQT quyết định phê duyệt phương án phát hành chi tiết	Tối đa 104.042.344 cổ phần



- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 10.000 đồng cổ phần, chi tiết theo Phương án phát hành trình bày ở mục riêng	Tối đa 10.000.000 cổ phần
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch kỳ quỹ
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2021 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
Số lượng cổ phần sau khi phát hành	Tối đa 1.100.000.000 cổ phần
Vốn điều lệ sau khi phát hành	Tối đa 11.000.000.000.000 đồng

Nội dung chi tiết của Phương án phát hành theo Tờ trình tại Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phần theo các phương án phát hành;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- Quyết định số lượng cổ phần phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán cổ phần sau khi nhận được sự chấp thuận của UBCKNN;
- Quyết định thời điểm triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Quyết định việc lựa chọn, đàm phán và quyết định Nhà đầu tư, số lượng Nhà đầu tư, giá bán cổ phần và số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư đối với phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, đảm bảo nhà đầu tư được lựa chọn phải theo tiêu chí do ĐHQĐ thông qua, tỷ lệ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;
- Cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả chào bán;
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) toàn bộ số lượng cổ phần thực tế phát hành theo quy định của pháp luật;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;
- Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Phương án phát hành chi tiết.



Điều 8: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021 như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Hình thức cổ phiếu	Phát hành theo hình thức ghi sổ
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng phát hành	Thành viên HĐQT, nhân sự chủ chốt của SSI và công ty con
Số lượng phát hành	Tối đa 10.000.000 (mười triệu) cổ phần
Giá phát hành	Bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2021 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
Mục đích	- Gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty - Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành. Việc mua lại cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng theo Quy chế phát hành do HĐQT ban hành.
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký lưu ký tại VSD và niêm yết bổ sung tại HOSE

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định triển khai thực hiện chào bán và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với thực tế phát hành, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành để thực hiện phương án này;
- Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;
- Quyết định danh sách cán bộ công nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty về phần vốn điều lệ và làm thủ tục tăng vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên.

Điều 9: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Giao HĐQT, Tổng Giám đốc triển khai thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Duy Hưng

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
SUBMISSION FOR THE APPROVAL ON
THE SHARES ISSUANCE FOR CAPITAL INJECTION

Kính thưa Đại hội,

Ladies and Gentlemen,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

The Board of Directors hereby submit to the General Meeting of Shareholders for approval on the shares issuance for capital injection as following:

Tên cổ phiếu <i>Name of share</i>	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI <i>SSI Securities Corporation shares</i>
Loại cổ phần <i>Type of share</i>	Cổ phần phổ thông <i>Ordinary shares</i>
Mệnh giá <i>Par value</i>	10.000 đồng/cổ phần <i>VND 10,000/share</i>
Vốn điều lệ trước khi phát hành (bao gồm 7.500.000 cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2020) <i>Charter capital before issuance (included 7,500,000 shares issued under the Employee Stock Ownership Plan to comply with Resolution No. 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ dated June 27, 2020)</i>	6.573.051.040.000 đồng <i>VND 6,573,051,040,000</i>
Số lượng cổ phần trước khi phát hành <i>Quantity of shares before issuance</i>	657.305.104 cổ phần <i>657,305,104 shares</i>
Số lượng cổ phần phát hành thêm <i>Quantity of shares to additional issuance</i>	Tối đa 442.694.896 cổ phần <i>Maximum 442,694,896 shares</i>
Trong đó: <i>In which</i>	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 6:2) <i>Shares issuance for capital injection from owner equity (ratio 6:2)</i>	Tối đa 219.101.701 cổ phần <i>Maximum 219,101,701 shares</i>
- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần (tỷ lệ 6:1) <i>Offering shares additionally for existing shareholders with offering price VND 10,000/share (ratio 6:1)</i>	Tối đa 109.550.851 cổ phần <i>Maximum 109,550,851 shares</i>
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá không thấp hơn bình quân giá đóng cửa 10 phiên liên trước ngày HĐQT quyết định phê duyệt phương án phát hành chi tiết <i>Private offering with the offering price is not lower than the average of closed price in 10 consecutive sessions before the date of getting approval from the Board of Directors on detailed Plan on shares issuance</i>	Tối đa 104.042.344 cổ phần <i>Maximum 104,042,344 shares</i>

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 10.000 đồng cổ phần, chi tiết theo Phương án phát hành trình bày ở mục riêng <i>Shares issuance under the Employee Stock Ownership Plan with offering price VND 10,000/share, which detailed in the Plan on shares issuance</i>	Tối đa 10.000.000 cổ phần <i>Maximum 10,000,000 shares</i>
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành <i>Purpose of capital usage from the issuance</i>	Bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch kỳ quỹ <i>Supplementing to business capital to enhance the capability of underwriting, investment and margin loan</i>
Thời gian dự kiến phát hành <i>Estimated issuance period</i>	Năm 2021 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT <i>In 2021 or other period after getting approval from the Board of Directors</i>
Số lượng cổ phần sau khi phát hành <i>Quantity of shares after issuance</i>	Tối đa 1.100.000.000 cổ phần <i>Maximum 1,100,000,000 shares</i>
Vốn điều lệ sau khi phát hành <i>Charter capital after issuance</i>	Tối đa 11.000.000.000.000 đồng <i>Maximum VND 11,000,000,000,000</i>

Nội dung chi tiết của Phương án phát hành được đính kèm theo Tờ trình này.

The details of the Plan on shares issuance are enclosed to this Proposal.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

The GMS hereby authorizes the Board of Directors:

- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phần theo các phương án phát hành;
Implementing the shares issuance, deciding and conducting the shares distribution under the Plan on shares issuance
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
Deciding the detailed Plan on shares issuance and/or amend, supplement and revise this Plan adapting to the actual situation of the Company or request from competent agencies so that ensuring the successful shares issuance, Company's capital mobilization and comply with applicable laws and protect the benefits of Company and its shareholders
- Quyết định số lượng cổ phần phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
Deciding the quantity of expected shares to issue based on the actual quantity of outstanding shares at the implementing issuance period
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phần sau khi nhận được sự chấp thuận của UBCKNN;
Choosing the suitable time to implement the shares offering, shares issuance after getting approval from the State Securities Commission
- Quyết định thời điểm triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Quyết định việc lựa chọn, đàm phán và quyết định Nhà đầu tư, số lượng Nhà đầu tư, giá bán cổ phần và số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư đối với phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, đảm bảo nhà đầu tư được lựa chọn phải theo tiêu chí do ĐHĐCĐ thông qua, tỷ lệ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
Choosing the suitable time to implement the Plan on private shares issuance; Deciding the selection, negotiation, make decision on investors and its quantity, offering price and quantity of offered shares to each investor under this Plan, which committed those potential purchasers are selected in compliance with criteria approved by the General Meeting of Shareholders and ownership percentage to comply with the applicable laws



- Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;
Handling the fractional shares, decimal of shares, the quantity of shares which shareholders refused to buy
- Cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
Balancing and deciding the usage resources to shares issuance for capital injection from the owner equity
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
Deciding the detailed Plan on capital usage, arrange actively on capital usage, disbursement period of its resource, purpose on capital usage in necessary circumstances and adapting to the actual situation of the Company
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả chào bán;
Executing all necessary procedures to amend and supplement the Company Charter to record the additional charter capital from the offering result
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
Approving the capital injection and implementing the works, legal procedures to update the additional charter capital to Certificate on establishment and operation, Business Registration Certificate, which equivalently to total actual par value of shares after completing the issuance
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán toàn bộ số lượng cổ phần thực tế phát hành theo quy định của pháp luật;
Implementing the necessary procedures to register additional depository at the Vietnam Securities Depository and listing additionally at HOSE for these new issuance shares in compliance with applicable laws
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;
Deciding all relevant issues to shares issuance, register, deposit and listing additionally for these new issuance shares
- Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Phương án phát hành chi tiết.
Other authorized issues stipulated in the detailed Plan on shares issuance

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

For the General Meeting of Shareholders' consideration and approval.

TP. HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2021

HCMC, April 29, 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

For and on behalf of the Board of Directors

CHỦ TỊCH

Chairman



Nguyễn Duy Hưng

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
THE DETAILED PLAN ON SHARES ISSUANCE FOR CAPITAL INJECTION



I. Phương Án Phát Hành Cổ Phiếu Để Tăng Vốn Cổ Phần Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu
Plan on shares issuance to capital injection from the owner equity

1.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: <i>Quantity of estimated shares to issue</i>	Tối đa 219.101.701 cổ phần <i>Maximum 219,101,701 shares</i> Số lượng cổ phần phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống. <i>The quantity of issued shares based on the rights execution ratio of the outstanding shares and method of rounding down</i>
2.	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: <i>Total value of issued shares on par value</i>	Tối đa 2.191.017.010.000 đồng <i>Maximum VND 2,191,017,010,000</i>
3.	Tỷ lệ thực hiện quyền: <i>Ratio of rights execution</i>	6:2 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 06 quyền sẽ được nhận thêm 02 cổ phần mới). <i>Ratio 6:2 (on the date of finalized shareholders list for right execution, shareholder owns 01 purchasing right per 01 share, shareholder owns 06 purchasing rights enable to buy 02 new issued shares)</i>
4.	Đối tượng phát hành: <i>Potential purchaser</i>	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành. <i>All shareholders hold the Company's ordinary shares on the date of finalized shareholders list for issuance</i>
5.	Nguồn vốn sử dụng: <i>Capital resources</i>	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác (nếu có) theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty. HĐQT ủy quyền cho HĐQT cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành. <i>From the undistributed profit after taxes, capital surplus, investment and development funds, other funds (if any) stipulated in the latest audited Financial Statements of the Company. The General Meeting of Shareholders delegates for the Board of Directors to balance and make decision on capital resource as regulation of the applicable laws</i>
6.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: <i>Principle of rounding and handling the fractional shares, decimal of shares</i>	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phần phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Cổ phiếu lẻ phát sinh được phân phối cho cổ đông. <i>After multiplying the right execution ratio by issued shares, result will be rounded down to units, decimal fraction (if any) will not be recorded. The fractional shares will be distributed for shareholders</i> Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền 6:2 thì số cổ phần mà cổ đông A nhận được là: $200 \times 2/6 = 66,6$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 66 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,6 cổ phần) sẽ được hủy bỏ. <i>Ex: Shareholder A holds 200 shares, right execution ratio 6:2 equivalent to $200 \times 2/6 = 66.6$ shares, which A shall enable to buy. Based on the principle of rounding, the new issued shares of A should be 66 shares. The decimal of shares will not be recorded</i>
7.	Hạn chế chuyển nhượng <i>Restricted to transfer</i>	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng <i>Those new issued shares will not be restricted to transfer</i>



II. Phương Án Chào Bán Thêm Cổ Phiếu Cho Cổ Đông Hiện Hữu Theo Phương Thức Thực Hiện Quyền Mua

Plan on additional shares offering for existing shareholders with the subscription right execution

1.	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: <i>Quantity of estimated shares to offer</i>	Tối đa 109.550.851 cổ phần <i>Maximum 109,550,851 shares</i> Số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ phát hành trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống. <i>The quantity of issued shares based on the rights execution ratio of the outstanding shares and method of rounding down</i>
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: <i>Total value of offered shares on par value</i>	Tối đa 1.095.508.510.000 đồng <i>Maximum VND1,095,508,510,000</i>
3.	Giá chào bán: <i>Offering price</i>	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần <i>VND 10,000 (Ten thousand)/share</i>
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền: <i>Ratio of rights execution</i>	6:1 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 06 quyền được mua 01 cổ phần mới). <i>Ratio 6:1 (on the date of finalized shareholders list for right execution, shareholder owns 01 purchasing right per 01 share, shareholder owns 06 purchasing rights enable to buy 01 new offered share)</i>
5.	Phương thức chào bán <i>Method of offering</i>	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua. <i>Offering to existing shareholders with the subscription right execution</i>
6.	Đối tượng chào bán: <i>Potential offeree</i>	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. <i>All existing shareholders as in the shareholders list finalized on the record date for subscription right execution to additional issuance</i>
7.	Chuyển nhượng quyền mua: <i>Transfer the subscription rights</i>	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. <i>Existing shareholders as in the shareholders list on the record date for subscription right execution to additional issuance, who have the right to transfer such rights for another for once within regulated deadline (the transferee is not allowed to transferring for the third party). Transferor and transferee have a deal on transferred price, payment and responsible for fulfilling their obligations as stipulated regarding the transfer</i> Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 50 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 150 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba. <i>Ex: On the record date, shareholder A owns 200 shares shall have 200 subscription right. Shareholder A can transfer such 50 rights to investor B and 150 rights to investor C. Investor B and C are not allowed to transfer such rights to the third party</i>

8.	<p>Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:</p> <p><i>Principle of rounding and handling the fractional shares, decimal of shares</i></p>	<p>Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh vẫn được thực hiện theo tỷ lệ thực hiện quyền.</p> <p><i>For the decimal of shares (if any) arising after execution, in order to not excess of total quantity of offered shares, the offered shares for each shareholder shall be rounded down to units. The fractional shares will be implementing to execution ratio</i></p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Khi đó, số cổ phần phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: $(200/6) = 33,33$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 33 cổ phần.</p> <p><i>Ex: On the record date, shareholder A owns 200 shares shall have 200 subscription right. The eligible shares be bought by shareholder A will be calculated on $200/6 = 33.33$ shares. After rounded down to units, the eligible shares are 33 shares</i></p>
9.	<p>Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết:</p> <p><i>Handling for undistributed shares</i></p>	<p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần phát sinh ra do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần được chào bán.</p> <p><i>The remaining undistributed shares for existing shareholders (including arising shares due to rounding, shareholders' refusal to exercise subscription rights, unissued shares with the other reasons) will be offered by the Board of Directors for other investors (including existing shareholders) with the offering price is not under the price offered for existing shareholder in order to ensure the successful issuance for those undistributed shares</i></p> <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết.</p> <p><i>The General Meeting of Shareholder delegates for the Board of Directors to build up the criteria and selection on investors to buy those undistributed shares</i></p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p> <p><i>After the deadline for distributing shares as regulations (including extension if any), the undistributed shares will be cancelled and the Board of Directors will make decision on finishing the offering period</i></p>
10.	<p>Hạn chế chuyển nhượng</p> <p><i>Restricted to transfer</i></p>	<p>Cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p><i>Those new offered shares will not be restricted to transfer</i></p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p><i>For the existing shareholders still in the restricted period are eligible to receive the subscription rights. Those new issued shares will not be restricted to transfer</i></p> <p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.</p>

		<i>For the remaining undistributed shares for the existing shareholders, when offered those shares for other shareholders or investors will be restricted within 01 year since the completion date of the offered period as regulation</i>
11.	Chào mua công khai <i>Public offering</i>	<p>Đồng ý cho cổ đông/Nhà đầu tư (được HĐQT lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.</p> <p><i>Approving for shareholder/investor selected by the Board of Directors to purchase the undistributed shares for existing shareholders, who will not conduct to make procedures on public offering regulated in Law on Securities in cases purchasing leads to ownership ratio greater than its limitation as Clause 1 Article 35 of Law on Securities</i></p>
12.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu <i>Minimum successful ratio</i>	<p>Không áp dụng</p> <p><i>Not applicable</i></p>

III. Phương Án Chào Bán Cổ Phiếu Riêng Lẻ

Plan on shares private offering

1.	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: <i>Quantity of estimated shares to offer</i>	<p>Tối đa 104.042.344 cổ phần</p> <p><i>Maximum 104,042,344 shares</i></p>
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: <i>Total value of offered shares on par value</i>	<p>Tối đa 1.040.423.440.000 đồng</p> <p><i>Maximum VND 1,040,423,440,000</i></p>
3.	Nguyên tắc xác định giá chào bán: <i>Principle for determining offering price</i>	<p>Giá chào bán không thấp hơn bình quân giá đóng cửa của 10 phiên liền trước ngày HĐQT quyết định phê duyệt phương án phát hành chi tiết. Ủy quyền cho HĐQT quyết định giá phát hành cụ thể.</p> <p><i>Private offering with the offering price is not lower than the average of closed price in 10 consecutive sessions before the date of getting approval from the Board of Directors on detailed Plan on shares issuance</i></p>
4.	Đối tượng chào bán: <i>Potential offeree</i>	<p>Ủy quyền cho HĐQT tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p><i>Delegating for the Board of Directors on looking for, selecting on the strategic partners in compliance with investor's criteria</i></p>
5.	Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư <i>Criteria on investor selection</i>	<p>Là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính mạnh, cơ năng lực chuyên môn, trình độ công nghệ và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển, cam kết hợp tác với Công ty trong thời gian ít nhất 03 năm và/hoặc các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>Means international, domestic institution and individual with financial potential, professional ability, technology knowledge and experience suitable with business operation of Company or ability to support efficiently during the Company's development orientation, cooperation commitment with the Company at least 03 years and/or securities professional investor, who qualifying the conditions as the applicable regulation</i></p>

		<p>Các tiêu chí khác (nếu có) mà HĐQT thấy cần thiết và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p><i>Other criteria (if any) will be considered by the Board of Directors if necessary for business operation of the Company</i></p>
6.	Số lượng nhà đầu tư <i>Quantity of investors</i>	<p>Ủy quyền cho HĐQT quyết định số lượng Nhà đầu tư được mua cổ phần phù hợp với tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư.</p> <p><i>Delegating the Board of Directors to make decision on the investors quantity who eligible for purchasing shares to comply with criteria on investors selection</i></p>
7.	Chuyển nhượng quyền mua; <i>Transfer the subscription right</i>	<p>Nhà đầu tư được mua cổ phần không được chuyển nhượng quyền mua.</p> <p><i>Investors purchasing shares are not allowed to transfer such subscription right</i></p>
8.	Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua; <i>Handling the fractional shares and refused shares to purchase</i>	<p>Trường hợp kết thúc đợt phát hành, số cổ phiếu dự kiến chào bán không được mua hết (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.</p> <p><i>After finishing the issuance, the estimated unissued shares (if any) will be cancelled. The General Meeting of Shareholders delegates for the Board of Directors to adjust the total quantity of private offering matching to the actual distributed shares in that issuance</i></p>
9.	Hạn chế chuyển nhượng <i>Restricted to transfer</i>	<p>Cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.</p> <p><i>Shares private offering will be restricted within 03 years with the strategic shareholders and within 01 year securities professional investors since the completion date of issuance</i></p>
10.	Mục đích chào bán <i>Purpose of offering</i>	<p>Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty để đáp ứng mục đích sử dụng vốn.</p> <p><i>Enhancing the Company's financial capability to comply with the capital usage</i></p> <p>Với sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn, trình độ công nghệ sẽ hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển, nâng cao uy tín và phát triển nguồn khách hàng quốc tế.</p> <p><i>With the participation of strategic investors, Professional securities investor, technology knowledge or ability to support efficiently during the Company's development orientation, which will enhance the Company's reputation and develop the international customers</i></p>
11.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu <i>Minimum successful ratio</i>	<p>Không áp dụng</p> <p><i>Not applicable</i></p>

IV. Đánh Giá Mức Độ Pha Loãng Cổ Phần Dự Kiến Sau Khi Phát Hành

Evaluation of expected shares dilution after issuance

Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

During shares issuance for capital injection may arise the dilution risks, including:

- (i) pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền
dilution of reference price on the ex-right date
- (ii) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
dilution of earnings per share (EPS)

pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)

dilution of book value per share (BVPS)

(iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

dilution of controlling ratio and voting rights

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ làm pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu. Đồng thời, tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

Private offering will be resulted in dilution of controlling ratio and voting rights of the existing shareholders. Accordingly, controlling ratio and voting rights of the existing shareholders will be decreased equivalently to ratio of unissued shares which shareholders refused to subscription execution in this issuance (compared to the period before the date of finalized shareholders list for subscription execution which owned by shareholders)

Ủy quyền cho HĐQT cân cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm triển khai phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.

Delegating the Board of Directors to consider the actual conditions at the period on implementing the issuance so that determining the expected shares dilution after issuance

V. Thông Qua Phương Án Sử Dụng Vốn Thu Được Từ Đợt Phát Hành

Approval of plan on capital usage from the issuance

Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch kỳ quỹ. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu này dự kiến sử dụng bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ. Trong thời gian chưa sử dụng cho vay giao dịch kỳ quỹ, nguồn tiền sẽ được sử dụng để đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

The Company issues share for capital injection in order to additional business capital to improve the underwriting, investment and margin loan capabilities. Total collected amount from the expected shares issuance shall be used for margin loan business. In term of not use for margin loans, the capital resource will be used for bond trading, certificate of deposit to ensure its usage efficiently

VI. Thông Qua Việc Đăng Ký Lưu Ký Bổ Sung Và Đăng Ký Niêm Yết Bổ Sung

Approval on Registration of securities depository and listing additionally for new issued shares

Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần đã phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

After finishing the issuance, the Company commits to make the procedures on additional registration depository at the Vietnam Securities Depository or Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and listing additionally the new issued shares at the Ho Chi Minh Stock Exchange in compliance with the applicable laws

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn
từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo kiểm toán độc lập	1 - 2
Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu	3
Thuyết minh Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu	4 - 11

Số tham chiếu: 60755007/22067128-BCVCSH2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021 và các thuyết minh Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu kèm theo được lập ngày 17 tháng 6 năm 2021 và được trình bày từ trang 3 đến trang 11.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty theo các chính sách kế toán như được trình bày tại *Thuyết minh số 4 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu* trong Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu kèm theo và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chính sách kế toán như được trình bày tại *Thuyết minh số 4 – Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu* của Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 3.2 – Mục đích lập báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu* trong Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu kèm theo. Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này được lập để phản ánh tình hình thay đổi Vốn góp của chủ sở hữu, Thặng dư vốn cổ phần, và Cổ phiếu quỹ tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021 và chỉ được sử dụng để nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các cơ quan quản lý khác liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi chỉ được sử dụng cho mục đích nội bộ của Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền nói trên và không được sử dụng cho các mục đích khác và/hoặc phát hành cho các bên thứ ba khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 6 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 17 tháng 3 năm 2021 (*)	Phát sinh			Ngày 3 tháng 6 năm 2021
			Phát hành cổ phiếu	Mua lại cổ phiếu quỹ	Phân phối cổ phiếu quỹ (**)	
Vốn góp của chủ sở hữu		6.498.051.040.000	75.000.000.000	-	-	6.573.051.040.000
Cổ phiếu phổ thông		6.498.051.040.000	75.000.000.000	-	-	6.573.051.040.000
Thặng dư vốn cổ phần (***)		824.654.941.819	-	-	1.712.190.903	826.367.132.722
Cổ phiếu quỹ		(34.668.279.535)	-	(425.222.850)	13.827.809.097	(21.265.693.288)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5	7.288.037.702.284	75.000.000.000	(425.222.850)	15.540.000.000	7.378.152.479.434




Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Người lập



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng




Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 6 năm 2021

- (*) Số dư đầu kỳ được trình bày chi tiết tại Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 16 tháng 3 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 16 tháng 3 năm 2021 thông qua đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu, được Công ty lập vào ngày 24 tháng 3 năm 2021 và đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.
- (**) Cổ phiếu quỹ bán trực tiếp cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động có hiệu lực theo công văn số 3404/CNVSD-ĐK ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Số tiền nộp mua số cổ phiếu này đã được người lao động nộp đầy đủ vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng vào ngày 3 tháng 6 năm 2021.
- (***) Thặng dư vốn cổ phần tăng trong kỳ tương ứng với phần chênh lệch giữa giá bán (10.000 VND/ cổ phiếu) và giá mua bình quân (8.898 VND/ cổ phiếu) tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 của 1.554.000 cổ phiếu quỹ đã bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 3 tháng 6 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.573.051.040.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 3 tháng 6 năm 2021, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, một (01) công ty con sở hữu gián tiếp và một (01) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bầu</u>
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Điềm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Việt Muôn	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bầu</u>
Ông Ngô Văn Điềm	Trưởng Ủy ban	Được bầu ngày 9 tháng 10 năm 2020
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên	Được bầu ngày 9 tháng 10 năm 2020

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này được lập cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

3.2 Mục đích lập báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu này được lập để phản ánh tình hình thay đổi Vốn góp của chủ sở hữu, Thặng dư vốn cổ phần, và Cổ phiếu quỹ tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021 và chỉ được sử dụng để nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các cơ quan quản lý khác liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần.

Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu chỉ bao gồm các chỉ tiêu thuộc Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn góp của chủ sở hữu, Thặng dư vốn cổ phần, và Cổ phiếu quỹ) tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021. Công ty không lập Báo cáo vốn chủ sở hữu bao gồm đầy đủ chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu theo quy định ở Điều 117, Khoản 2, Điểm c Nghị định 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 do các chỉ tiêu khác trong phần vốn chủ sở hữu ngoài các chỉ tiêu thuộc Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bị ảnh hưởng bởi sự kiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh khoản vốn đã góp của chủ sở hữu theo Điều lệ của Công ty và được ghi nhận theo tổng mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

4.2 *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn mệnh giá (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ), cũng như các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.

4.3 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá mua và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

5. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 như sau:

	3/6/2021 VND	17/3/2021 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	6.573.051.040.000	6.498.051.040.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.573.051.040.000	6.498.051.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	826.367.132.722	824.654.941.819
Cổ phiếu quỹ	(21.265.693.288)	(34.668.279.535)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.378.152.479.434	7.288.037.702.284

Căn cứ theo:

- Điều 7, Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị thông qua Tiêu chí phân bổ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị thông qua danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Công văn số 2216/UBCK-QLKD ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và bán cổ phiếu quỹ;
- Quyết định số 26/2021/QĐ-CTHĐQT ngày 3 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc tiếp tục phân bổ cổ phiếu ESOP chưa được phân bổ hết;
- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của SSI số 862/2021/CV-SSIHO ngày 4 tháng 6 năm 2021;
- Văn bản số 865/2021/CV-SSIHO ngày 4 tháng 06 năm 2021 về việc đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân xác nhận và phong tỏa tiền nộp mua cổ phiếu SSI và đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân ký xác nhận;
- Công văn số 2828/UBCK-QLKD ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Báo cáo kết quả bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của SSI số 861/2021/CV-SSIHO ngày 17 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

5. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Phương án phát hành mới:

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Tổng số cổ phiếu đã phát hành (tính đến ngày 20/5/2021):	649.805.104 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tính đến ngày 20/5/2021):	645.861.318 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tính đến ngày 20/5/2021):	3.943.786 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	7.500.000.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:	75.000.000.000 VND
Tỷ lệ phát hành:	1,161%
Hạn chế chuyển nhượng:	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành. Việc mua lại cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng được thực hiện theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động do Hội đồng quản trị ban hành.
Giá phát hành:	10.000 VND/cổ phiếu
Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu:	Từ ngày 24/5/2021 đến ngày 3/6/2021

Phương án phân phối cổ phiếu quỹ:

Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch (tính đến ngày 20/5/2021):	3.943.786 cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ đăng ký bán:	Tối đa 1.554.000 cổ phần (trên tổng số 2.000.000 cổ phiếu)
Thời gian dự kiến giao dịch:	3/6/2021
Phương thức giao dịch:	Bán trực tiếp cho người lao động đáp ứng điều kiện theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Nguyên tắc xác định giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Hạn chế chuyển nhượng:	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành. Việc mua lại cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng được thực hiện theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động do Hội đồng quản trị ban hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

6. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả của đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	9.500.000	95.000.000.000
Số cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	7.500.000	75.000.000.000
Số cổ phiếu quỹ đã bán trực tiếp cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động	1.554.000	15.540.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Tặng Vốn góp của chủ sở hữu	7.500.000	75.000.000.000
Giảm Cổ phiếu quỹ	1.554.000	13.827.809.097
Tặng Thặng dư vốn cổ phần	-	1.712.190.903
- Tặng Thặng dư vốn cổ phần từ phân phối cổ phiếu quỹ	-	1.712.190.903
- Tặng Thặng dư vốn cổ phần từ phát hành mới	-	-

Biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021 như sau:

	3/6/2021 Số cổ phiếu	17/3/2021 Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	657.305.104	649.805.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	657.305.104	649.805.104
- Cổ phiếu phổ thông	657.305.104	649.805.104
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu quỹ được mua lại (*)	(2.389.886)	(3.930.895)
- Cổ phiếu phổ thông	(2.389.886)	(3.930.895)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành	654.915.218	645.874.209
- Cổ phiếu phổ thông	654.915.218	645.874.209
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-


(*) Số cổ phiếu quỹ tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 là 2.389.886 cổ phiếu, đã trừ đi số lượng cổ phiếu quỹ bán trực tiếp cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động là 1.554.000 cổ phiếu do số tiền nộp mua số cổ phiếu này đã được người lao động nộp đầy đủ vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng vào ngày 3 tháng 6 năm 2021, hiệu lực chuyển quyền sở hữu vào ngày 17 tháng 6 năm 2021 theo công văn số 3404/CNVSD-ĐK ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu số 861/2021/CV-SSIHO ngày 17 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI



THUYẾT MINH BÁO CÁO VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
tại ngày 3 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2021

7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày lập báo cáo yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty.


Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Người lập


Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 6 năm 2021



Số: 12/2021/NQ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
Về việc thông qua chi tiết
phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ")
- Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng quản trị ngày 03/06/2021;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ. Phần phương án chào bán riêng lẻ quy định tại Điều 7 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ sẽ được thực hiện ở thời điểm khác theo quyết định của HĐQT. Cụ thể như sau:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Mã chứng khoán: SSI
Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

1. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

1.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:	Tối đa 219.101.701 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá:	Tối đa 2.191.017.010.000 đồng
3.	Tỷ lệ thực hiện quyền:	6:2 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 06 quyền sẽ được nhận thêm 02 cổ phần mới).
4.	Đối tượng phát hành:	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5.	Nguồn vốn sử dụng:	Giao CT HĐQT quyết định sử dụng nguồn vốn từ các nguồn theo quy định của khoản 2 Điều 62 Nghị định 155/2020/NĐ-CP căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán, bao gồm cả việc sử dụng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
6.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phần phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thấp phân (nếu có) sẽ



	phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:	Được hủy bỏ. Cổ phiếu lẻ phát sinh được phân phối cho cổ đông. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền 6:2 thì số cổ phần mà cổ đông A nhận được là: $200 \times \frac{2}{6} = 66,6$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 66 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,6 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.
7.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng
8.	Thời gian dự kiến phát hành	Trong năm 2021 sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thời điểm cụ thể giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
9.	Phương thức phân phối:	Cổ đông làm thủ tục nhận cổ phiếu được phân phối từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán (đối với cổ phiếu lưu ký) hoặc tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI, 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh (đối với cổ phiếu chưa lưu ký). Khi đến thực hiện thủ tục, xuất trình bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức.
10.	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SSI là 100%. Vì vậy cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu khi được phân phối cổ phiếu theo phương án phát hành.

2. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

1.	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán:	Tối đa 109.550.851 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ phát hành trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	Tối đa 1.095.508.510.000 đồng
3.	Giá chào bán:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền:	6:1 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 06 quyền được mua 01 cổ phần mới).
5.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
6.	Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
7.	Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 50 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 150 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.
8.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:	Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh vẫn được thực hiện theo

		tỷ lệ thực hiện quyền. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Khi đó, số cổ phần phát hành thêm cho cổ đông A được mua như sau: $(200/6) = 33,33$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 33 cổ phần.
9.	Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết:	Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần phát sinh ra do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các Nhà đầu tư khác theo phương án đã trình ĐHĐCĐ hoặc được hủy và kết thúc đợt chào bán.
10.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
11.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng
12.	Thời gian dự kiến phát hành	Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định trong năm 2021.
13.	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SSI là 100%. Vì vậy cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu khi được phân phối cổ phiếu theo phương án phát hành.

Chi tiết các nội dung khác theo Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kỳ ngày 29/4/2021 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/5/2021.

Điều 2: Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành

Trong đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết. Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

Chi tiết đánh giá mức độ rủi ro sẽ được trình bày tại Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Điều 3: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán

Toàn bộ vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa là 1.095.508.510.000 đồng được sử dụng theo quy định của Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ và Tờ trình tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua việc việc đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị cam kết sẽ thực hiện thủ tục nêu trên ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Điều 5: Thông qua danh mục hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

1. Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua triển khai chia cổ tức bằng tiền và chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
3. Giấy đăng ký chào bán;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020;
5. Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
6. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
7. Điều lệ Công ty;
8. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán;
9. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu gần nhất;
10. Cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
11. Cam kết thực hiện niêm yết bổ sung sau khi kết thúc đợt chào bán;
12. Các tài liệu khác trình bày trong hồ sơ chào bán.

Điều 6: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các công việc và ký các văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Quyết định cụ thể thời gian thực hiện phát hành;
- Quyết định tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu;
- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu phát hành theo các phương án phát hành;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty tăng vốn điều lệ và làm thủ tục tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành từng đợt tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết cũng như ký các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất phát hành cổ phiếu, đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty.

Điều 7: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 7;
- HĐQT, HĐQT, BTGD;
- Lưu.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

(Handwritten signature)
Nguyễn Duy Hưng

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Về việc thông qua nguồn vốn phát hành cổ phiếu thường

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ")
- Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng quản trị ngày 03/6/2021;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua nguồn vốn sử dụng phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ như sau:

Theo số liệu Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán, nguồn vốn sử dụng là:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	1.642.358.909.317 đồng
- Thặng dư vốn cổ phần:	29.470.756.034 đồng
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	519.187.344.649 đồng
Tổng cộng:	2.191.017.010.000 đồng

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Theo Điều 2;
- HĐQT, HĐĐT, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Duy Hưng



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Tp. Hồ Chí Minh, 22/5/2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
CHƯƠNG III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh hoạt động và Nguyên tắc hoạt động của Công ty	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Phát hành chứng quyền có bảo đảm	5
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	5
CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	5
Điều 12. Quyền của cổ đông	5
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 17. Thay đổi các quyền	10
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	12
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	21
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	21
CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	22
Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	22
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	22
Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	23
Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	23
CHƯƠNG IX. HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ	24
Điều 39. Cơ cấu, chức năng của Hội đồng đầu tư	24
Điều 40. Cơ chế hoạt động của Hội đồng đầu tư	24
CHƯƠNG X. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	25
Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý	25
Điều 42. Người điều hành Công ty	25
Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	25



CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	26
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	27
CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	27
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	27
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	28
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn	28
CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	28
Điều 48. Phân phối lợi nhuận	28
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	28
Điều 49. Tài khoản ngân hàng	28
Điều 50. Năm tài chính	28
Điều 51. Chế độ kế toán	29
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	29
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	29
Điều 53. Báo cáo thường niên	29
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	29
Điều 54. Kiểm toán	29
CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	29
Điều 55. Dấu của doanh nghiệp	29
CHƯƠNG XIX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	30
Điều 56. Tổ chức lại công ty	30
Điều 57. Giải thể công ty	30
Điều 58. Thanh lý	30
Điều 59. Phá sản	30
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	31
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	31
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	31
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	31
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	31
Điều 62. Ngày hiệu lực	31

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
 - h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m. "Sổ giao dịch chứng khoán" là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION
 - Tên Công ty viết tắt: SSI
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-28) 3824 2897
 - Fax: (84-28) 3824 2997
 - E-mail: ssi@ssi.com.vn
 - Website: <http://www.ssi.com.vn>
4. Mạng lưới hoạt động:

Mạng lưới hoạt động của Công ty gồm có trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Từ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - e. Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
 - f. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp các dịch vụ tài chính theo quy định của Điều 86 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật.
 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh hoạt động và Nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:
Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này.
2. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành:
 - a. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
 - b. Phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - c. Phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
 - d. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
 - e. Phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:
 - a. Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
 - b. Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
 - c. Công ty và nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.
 - d. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.
 - e. Có trách nhiệm kỳ họp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
 - f. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
 - Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;

- Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
- g. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - h. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
 - i. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
 - j. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định.
 - k. Phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
 - l. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 6.498.051.040.000 đồng (sáu nghìn bốn trăm chín mươi tám tỷ không trăm năm mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 649.805.104 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành hoặc theo quy định của pháp luật), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chào bán sản phẩm tài chính

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Công ty sẽ thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính (bao gồm chứng quyền có bảo đảm) và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp,...

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng đầu tư.
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Điều lệ này;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
- a. Nhận cổ tức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c. Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
5. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:

- a. Được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - b. Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị.
6. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia hạn. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại cổ phần đã bán của mỗi loại theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp mua lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - o. Quyết định mua lại cổ phần đã bán của mỗi loại theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp mua lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trừ giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư số 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;
 - r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 13 Điều lệ này.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc theo địa chỉ thư điện tử làm việc do Công ty cung cấp.
Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) được gửi cho các cổ đông cùng Thông báo mời họp. Công ty phải công bố tài liệu họp trên trang thông tin điện tử của Công ty và thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi đăng ký, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (và/hoặc của người được ủy quyền) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thành viên độc lập Hội đồng quản trị điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ và khoản 3 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này và khoản 1 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc và ứng cử viên có số phiếu bầu cao trúng cử.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác như quy định tại khoản 10 Điều 20 Điều lệ;
 - d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua đo kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông hoặc kể từ ngày Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo cơ chế sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - c. Không phải là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 công ty khác;
 - d. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là Người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Công ty hướng tới cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có sự cân bằng về giới tính, độ tuổi, kinh nghiệm và kiến thức phù hợp với định hướng phát triển dài hạn.
 - b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - c. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
 - d. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - f. Quyết định việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - g. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - h. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty;
 - i. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán, trừ trường hợp mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu là do Tổng Giám đốc quyết định; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - j. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng đầu tư;
 - k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;
 - m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - n. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - o. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - r. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - s. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định việc tạm ứng cổ tức;
 - t. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - v. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - w. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - x. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp cấp thiết. Thông báo mời họp phải

xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức họp trực tuyến khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

12. Ngôn ngữ. Các thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành bằng tiếng Việt. Các thành viên Hội đồng quản trị không thể nói hoặc không hiểu tiếng Việt có thể mang theo phiên dịch cho bản thân mình đến các cuộc họp Hội đồng quản trị.
13. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị có thể thay thế bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng quản trị lập Biên bản kiểm phiếu dựa trên kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị dựa trên các nội dung đã được thông qua. Số lượng tham gia biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thống lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một (01) chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của

Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 25 Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và đã thông báo đến Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.
5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các tiểu ban khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 2 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro và nhiệm vụ kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, và theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, không được cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc sử dụng cho chính mình bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình làm việc tại Công ty, tham gia các cuộc họp để gây bất lợi, thiệt hại cho Công ty.

CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
7. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
8. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
9. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty và việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ kiểm toán nội bộ, các nguyên tắc kiểm toán nội bộ theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Thông tư 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
10. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
11. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
12. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG IX. HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ

Điều 39. Cơ cấu, chức năng của Hội đồng đầu tư

1. Hội đồng đầu tư gồm các thành viên:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Tổng giám đốc;
 - c. Phó Tổng giám đốc;
 - d. Giám đốc Tài chính;
 - e. Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính; và
 - f. Trưởng bộ phận Quản lý Rủi ro.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng đầu tư.
3. Các cá nhân được bầu cử, bổ nhiệm giữ các chức vụ nêu trên đương nhiên là thành viên của Hội đồng đầu tư và mất tư cách thành viên Hội đồng đầu tư khi họ không còn giữ các chức danh nêu trên.
4. Hội đồng đầu tư có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:
 - a. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b. Góp vốn hoặc mua bán phần vốn góp tại các doanh nghiệp, mua hoặc bán chứng khoán niêm yết hoặc chưa niêm yết (không bao gồm việc kinh doanh ngắn hạn);
 - c. Kế hoạch xây dựng, mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định hàng năm hoặc nhu cầu mua sắm bổ sung phát sinh trong năm nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các hợp đồng khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị và chưa phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định;
 - f. Việc thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.

Điều 40. Cơ chế hoạt động của Hội đồng đầu tư

1. Cuộc họp của Hội đồng đầu tư được tiến hành khi có ít nhất bốn (04) thành viên của Hội đồng đầu tư hoặc người được ủy quyền, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng đầu tư hoặc người được ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng đầu tư. Hội đồng đầu tư có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trao đổi qua các phương tiện truyền thông. Các quyết định của Hội đồng đầu tư phải được thể hiện bằng văn bản.
 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đầu tư có thể mời các cá nhân khác tham gia phát biểu ý kiến trong cuộc họp của Hội đồng đầu tư, tuy nhiên, các cá nhân được mời không được biểu quyết.
2. Quyết định của Hội đồng đầu tư được thông qua khi được hơn một phần hai (1/2) số thành viên của Hội đồng đầu tư dự họp biểu quyết tán thành, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng đầu tư.
3. Hội đồng đầu tư ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đầu tư để quy định chi tiết các nội dung quy định Điều 39 và Điều 40 Điều lệ này và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng đầu tư.
4. Đại hội đồng cổ đông quyết định thủ tục cho Hội đồng đầu tư.

CHƯƠNG X. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - b. Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - c. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - d. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất;
 - e. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và doanh nghiệp khác;
 - f. Các điều kiện khác quy định đối với Tổng giám đốc công ty chứng khoán và công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.
5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành Công ty mà thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm phù hợp hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt, đồng thời tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành công ty;
 - h. Tuyển dụng lao động;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác;
 - k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - l. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn hoặc tổ chức đại diện người lao động theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán hay tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XIX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 56. Tổ chức lại công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) thực hiện quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 57. Giải thể công ty

3. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
5. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
6. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 58. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 59. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 30 ngày làm việc từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Hội đồng quản trị có thể cập nhật Văn điều lệ và Tổng số cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 6.1 tương ứng với số cổ phần thực tế đã phát hành sau khi kết thúc mỗi đợt phát hành cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương, 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI nhất trí thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 01 bản gốc và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.



Số: 951/2021/CV-SSIHO

TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2021

V/v: Cam kết niêm yết và đáp ứng quy định tại
điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phần ra công chúng trong năm 2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI cam kết:

- Thực hiện niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.
- Đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể: "Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích".

Trân trọng.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng
Nguyễn Duy Hưng

Số: 947/2021/CV-SSIHO

TPHCM, ngày 18 tháng 6 năm 2021

V/v: xác nhận tài khoản

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thanh Xuân

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Ngân hàng.

Đề nghị Quý Ngân hàng xác nhận thông tin tài khoản thanh toán của Công ty chúng tôi mở tại Quý Ngân hàng với các chi tiết như sau:

- Tài khoản thanh toán số: 22210004224012
- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Chứng khoán SSI
- Mở tại: BIDV – Chi nhánh Thanh Xuân
- Mục đích của tài khoản: Tài khoản sẽ được phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI năm 2021.
- Thời hạn phong tỏa số dư trên tài khoản: Từ ngày của văn bản này cho đến khi kết thúc đợt chào bán và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trân trọng

Công ty cổ phần chứng khoán SSI



Nguyễn Thị Thanh Hà
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Xác nhận của Ngân hàng:

Chúng tôi xác nhận tài khoản nêu trên được mở tại Ngân hàng chúng tôi phục vụ mục đích để nhận tiền mua cổ phiếu phát hành từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và sẽ được phong tỏa theo yêu cầu. Số dư trên tài khoản này sẽ được giải tỏa theo yêu cầu của Quý Công ty sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đại diện Ngân Hàng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lương Thế Trường